

Wason
DS 522
V 651

Thẻ-lệ mua Tạp-chí

do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục xuất-bản

THỜI-HẠN MUA TẠP-CHÍ [†]	GIÁ MUA			
	VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN		GIÁO-DỤC NGUYỆT-SAN (bậc Trung-học)	
	BẮC-VIỆT	TRUNG-VIỆT và NAM-VIỆT	BẮC-VIỆT	TRUNG-VIỆT và NAM-VIỆT
MỘT NĂM (10 Số)	120\$	130\$	200\$	210\$
MỖI SỐ	12\$	13\$	20\$	21\$

CHÚ-THÍCH. — 1) Đối với các tư-nhân, lệ mua tạp-chí phải trả tiền trước
(Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được ngân-phiếu)

2) Bài soạn đăng tạp-chí xin gửi về Ô. PHẠM-XUÂN-ĐỘ, Chánh-h-sự-vụ Sở Văn-hóa Mỹ-thuật tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục Hà-nội.

3) Thư-từ mua tạp-chí và ngân-phiếu xin gửi về : Ô. BÙI-ĐÌNH-SAN, Quản-lý báo-chí tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục Hà-nội.



Văn Hóa

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN TRUYỀN-BÁ
GIÁO-DỤC, KHOA-HỌC VÀ VĂN-HÓA



NĂM THỨ NHẤT
THÁNG TÁM NĂM 1952

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

MỤC - LỤC

Số trang

Số trang

I - Luận-thuyết

- Văn-hóa Đông-Tây : Khổng-phu-tử và Socrate (*Nam-Hưng*) . . . 373
- Văn-minh Nhật thời Minh-Trị (*bài nối và hết*) - *Giám-mục Hoàng-văn-Đoàn* 379
- Mái tóc ông Lê-Quỳnh (*Kỳ-Hoa, Nguyễn-văn-Trước*) 388

II - Văn-chương

- Tri-ngộ (*Trương-chính-Đạo*) . . . 391
- Vi ai mà -
- Vịnh sử : Sơn-Tĩnh, Thủy-Tĩnh 393
- Hưng - Đạo - Vương (Kỳ - Hoa, Nguyễn-văn-Trước)* -
- Nợ tình ơn nước (*Đỗ-dức-Tri*) . . . 394
- Thơ Hoàng-hạc lâu (*Kỳ Hoa, Nguyễn-văn-Trước*) 396
- Cảm tưởng về sự tích Hoàng-Hạc lâu (*Nguyễn-văn-Nhân*) . . . 399
- Phong - trần mái một lưới gươm (*Kỳ-Hoa, Ng-v-Trước*) . . . 390
- Hoa thắm nở trong lòng (*Trụ - Vũ*) 402
- Tin tưởng (*Nguyễn thị Hy*) . . . 418
- Cảnh Sầm-sơn (*Hồng - Thạch, Đỗ-huy-Đan*) 427

III - Khảo-cứu

- Lão-tử (*Nguyễn quang-Xương*) . . . 403
- Nền hành-chính Việt-Nam (*bài nối và hết*) - *Nguyễn-văn-Thanh* . . . 403

IV - Khoa-học

- Sống lâu hay là thuốc Trương sinh (*Nguyễn-công-Huân*) . . . 413
- Sà-phòng sát trùng (*Nguyễn-văn-Phúc*) 416

V. - Mỹ-thuật

- Một đoạn sử về nghề sơn ở Việt-Nam (*Ngym*) 419
- Những cuộc tế lễ trong đình (*B*) 424

VI - Văn-hóa các nước

- Phương - pháp giáo - dục Montessori (*Lê-dình-Thọ*) . . . 423
- Một tháng trên đất Anh (*bài nối và hết*) - *Nguyễn-v-Ngọc* . . . 442

VII - Phê-bình thời-cực

- Văn-hóa với thanh-niên (*Trich bai diễn văn của ông Thử-Hiến Bắc - Việt*) 437
- Những biến-chuyên lớn từ 1945 đến 1951 (*Huyền-Giang*) . . . 439

VIII - Tin-tức văn-hóa

- Công-văn 443
- Tin trong nước 444
- Tin các nước 445

IX - Từ-ngữ hành-chính

- Nguyễn-dình-Khanh*
- Nguyễn - hữu - Túy*
- Bùi-quang-Khánh* 446



VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY

KHÔNG - PHU - TỬ VÀ SOCRATE



HIỀU học-giả Đông-Tây đã thường vi Socrate với Không-Phu-Tử, và đã từng xếp - đặt hai triết-nhân đó vào hàng các bậc mô-phạm dạy đời, và có ảnh - hưởng sâu-xa đến thế-tục. Dưới đây, chúng tôi không dám nghiên-cứu về tiểu-sử và học-thuyết của hai nhà hiền triết ấy; vì muốn làm một công việc như vậy, thì phải soạn hẳn một cuốn sách cũng chưa chắc đã đủ; chúng tôi chỉ nêu lên những điểm dị-đồng chính giữa hai bậc đại-triết, để các bạn đọc hiểu qua về đại-cương, và nhân đó, sẽ tự suy xét hay nghiên cứu rộng thêm hơn nữa.

A — Những điểm tương-đồng :

1 — Không-Tử và Socrate đều có một uy-tín lớn-lao đối với thời-

nhân và hậu-thế, khiến danh thơm lưu-truyền thiên-cổ. Không-Tử sinh trước Socrate chừng ngót một trăm năm (1); nhưng ảnh - hưởng của ngài ở Á-Đông thế nào, thì ảnh hưởng của Socrate dưới trời Âu cũng sâu-xa và thiết-thực như vậy. Trong cuốn « Hiền-nhân và thi-sĩ Á-Đông », (2) Paul Couchoud róc mong rời ra, nhân-loại sẽ cùng thiết lập một miếu đường chung, trong đó người ta sẽ tạc tượng những nhà đạo-đức ở hoàn cầu. Tác-giả tin rằng : lúc đó, Không - Tử và Socrate sẽ cùng song song đứng vào hàng đầu, trên hết các bậc hiền-triết năm châu.

(1) Không-Tử là người nhà Chu, nước Lỗ, tên là Khuru, tự là Trọng-Uy, (551-479 trước công-nguyên).

Socrate sinh tại thành Athènes bên Hy-Lạp (468-400 hay 399 trước công-nguyên)

(2) Sages et poètes d'Asie.

2 — Cả hai nhà thường hay dùng lối đàm-thoại để truyền-bá tư-tưởng cho đệ-tử. Sau khi đi chu-du các nước, Đức Khổng đã trở về nước Lỗ để dạy học; Ngài soạn lại kinh Thi, kinh Thư, định kinh Lễ, kinh Nhạc, phê-bình kinh Dịch và làm kinh Xuân-Thu. Tuy nhiên, sở-dĩ ta biết rõ đạo học của Ngài, là nhờ có sách Luận-ngữ do học trò Ngài biên tập, để ghi các lời giáo-huấn của thầy. Nhân đó, ta thấy rằng: Ngài hay đàm-đạo với đệ-tử, trả lời họ bằng những câu gọn-gàng, bóng-bẩy, hoặc những mẫu chuyện cụ thể, đầy ý-nghĩa. — Socrate lại ưa dùng lối đối-thoại hơn nữa. Nhà hiền-triết Hy-Lạp không hề thảo-soạn một cuốn sách nào, mà cũng không mở trường dạy học. Socrate thường lang thang khắp đó đây, thấy nơi nào đông người, như trong các hội-nghị hay ở thể-đục trường (1) thì tới đàm-đạo với các người



Socrate

chúng quanh, vặn hỏi họ một cách khéo-léo tài-tình, để tự họ tìm-ra chân-lý. Sau, mấy đệ-tử của ông đã ghi chép lời nói của ông trong nhiều cuốn sách, như Platon

đã soạn quyển: « Biện hộ cho Socrate », (2) trong đó có bài diễn-văn của nhà đại-đức trước các Ủy-viên thị-dân Pháp-đình, (3) Xenophon đã viết hai quyển: « Biện hộ



Khổng-Phu-Tử

cho Socrate » và nhất là « Các cuộc đàm-thoại của Socrate » (4) mà người ta đã vi với sách Luận-ngữ của Nho-giáo.

3 — Khổng-Tử và Socrate đều chủ-trương một nền luân-lý có tính cách xã-hội rõ rệt. Cả hai khuyên người ta trau giồi nhân-cách để có cơ giúp ích đoàn-thể. Khổng-Tử tin rằng: bầm sinh, con người ta tính vốn lành, nên nhà giáo-đức chỉ cần vun-trồng các mầm tốt, đã

(1) Gymnases.

(2) Apologie de Socrate.

(3) Héfiastès.

(4) Les Entretiens de Socrate.

sẵn có trong tâm trí. Socrate cũng cho rằng thế-nhân đều có một lương-tâm tốt đẹp ngang nhau; ta chỉ cần khích lệ, hướng dẫn và thúc-giục họ bằng những câu hỏi khéo léo, để họ có những tình tinh hay, những ý-tưởng tốt và những cử chỉ thanh-cao... Lẽ tự nhiên là riêng về phương-diện này, quan-niệm của hai nhà hiền-triết không đúng với khảo-cứ khoa-học.. Song sự khuyết-điểm về lý-thuyết ấy không hại gì đến nền giáo-huấn và sự ảnh-hưởng lớn-lao của hai bậc đại-hiền.

4 — Ta nên thêm rằng: học thuyết của Khổng-Tử và Socrate đều nhuộm chút ít màu sắc thần bí. Nhà hiền-triết Á-Đông khuyên ta tin ở Thiên-mạnh; theo ý Ngài, kẻ quân-tử không oán Trời, không trách người, và chỉ biết nhận sự an-bại huyền-bí của Hóa-công. (1) Vẫn biết Đức Khổng không muốn bàn đến các vấn đề siêu-hình, và khi đệ-tử hỏi Ngài về giới u-linh, Ngài đã nghiêm nhiên đáp: « Việc sống ta còn chưa rõ, thì nói chi tới sự chết? ». Đối với thần quyền. Ngài cũng nói: « Quí thần kinh nhi viễn chi ». Tuy nhiên, trong kinh Dịch, Ngài đã luôn luôn bàn tới âm, dương; và qua những tư-tưởng của Ngài, vẫn phảng-phất có ảnh-hưởng của Thiên-mạnh; hơn nữa, theo luân-lý của Nho-giáo, thì cá-nhân và xã-hội đều phải cư-xử sao để hòa nhịp với tạo-vật và vũ-

trụ bao-la, ngõ hầu mới đi tới chỗ toàn thiện, toàn mỹ. Về phương-diện này, văn-chương Việt-Nam ta đã chịu ảnh-hưởng sâu-xa của đạo Khổng, nên mới có những câu:

*Ngâm xem muốn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bất phong-trần phải phong-trần,
Cho thanh-cao mới được phần
thanh-cao.*

(Đoạn-trường tân-thanh)

Hoặc:

*Quyền họa phúc trời tranh mất cả,
Món tiện nghi chẳng trả phần ai.*
(Cung-oán ngâm-khúc)

Hoặc:

*Cho hay muốn sự ở đời,
Hại người Trời hại, cứu người
Trời thương.*
(Lục-Văn-Tiên)

Cũng vì vậy, ta không thể đồng ý với nhà học-giả nọ, khi vị ấy cho rằng: người quân tử trong đạo Khổng chẳng khác gì bậc hào-nhã (2) của Âu-Tây về thế-kỷ thứ XVII. Hai bên chỉ hơi tương-tự về chỗ cùng ưa chuộng lý-trí và tiết-độ, nhưng

1) Bất oán thiên, bất vụ nhân, hạ học nhi thượng đạt. Tri ngã giả kỳ thiên hồ! (Luận-ngữ)

— Đạo chi tương hành dã dư, mạnh dã. Đạo chi tương phế dã dư, mạnh dã. Công-bá-Liêu ký như mạnh hà? (Luận-ngữ)

Bất tri mạnh vô dĩ vi quân tử dã (Luận-ngữ)

Tri mạnh chi nhân kiến lợi bất động, làm từ bất oán. (Minh-Tâm)

(2) Honnête homme.

về đại-cương, thực đã khác nhau quá lắm. Kẻ chính-nhân quân-tử đã có một tinh cách thần-bí, hiểu biết mạnh Trời, lại giữ một tinh thần luân-lý cao cả không gợn chút bụi trần. Còn bậc « hào-nhã », như tên gọi, chỉ là một người lịch-thiệp về phương-diện xã-giao, không có gì là cao-siêu hay thiên về luân-lý, ta nên ví với kẻ phong nhã « gentle man » của người Anh hiện nay, thì có phần đúng hơn. Tỉ dụ, không gì vô lý bằng nghe một nhà huấn-luyện thanh-niên hào-hào nên rèn luyện cho tân thế hệ thành những người: « hào nhã », cử chỉ lịch-thiệp, theo ý-nghĩa của các học-giả Âu-Tây về thế-kỷ thứ XVII. Có lẽ người ta đã không phân biệt rõ như vậy, nên đã dịch lầm hai chữ « honnête homme » là « chính nhân ». — Về phần Socrate, vì sinh trưởng ở thời Thượng-cổ, trong một xứ đầy-rẫy những thần-thoại, nên tư-tưởng cũng nhuộm màu thần-bí. Ông không tin ở thuyết đa-thần như người đương-thời, nhưng vẫn ngỡ rằng: nhiều cử-chỉ của người ta như sự cảm-hứng của văn-nhân, thi-sĩ, đều do một sức huyền-bí gây nên ..

B — Những chỗ khác nhau :

Xem như vậy, hai nhà hiền-triết có nhiều điểm tương-đồng. Nhưng không phải vì thế, mà ta có thể cho rằng: học-thuyết của hai nhà giống hệt nhau, cũng như ta không có thể nói: quân-tử của Khổng-giáo tức là

khách hào-nhã của người Âu cách đây ba thế-kỷ. Thực ra, Khổng-lữ và Socrate mỗi người căn-cứ học-thuật của mình vào một quan-điểm riêng-biệt, khác hẳn nhau: Khổng-Tử dựa vào dĩ-vãng, phục-hưng các thuần-phong mỹ-tục đã có từ trước, để xếp đặt th:nh một hệ-thống luân-lý mà dạy đời. Nhà học-giả Masson-Oursel, bàn về Khổng-lữ, đã viết: « Ngài không sáng-tác gì; — và chẳng không có một dòng chữ nào là ta dám chắc đã do tay Ngài viết ra; — nhưng, Ngài truyền đạt lại, sửa-chữa và bổ-trí theo ý riêng » (1). Tuy nhiên, Ngài đã đặt các cổ tục trên một 'àng lớp luân-lý cao-siêu, bất-diệt. Còn cái đặc điếm của tư-tưởng Socrate là gì? Theo các nhà khảo-cổ, thì trước Socrate, nền học Âu-Tây chỉ có những ý-tưởng tập hợp (2), những tri-giác thực-nghiệm (3). Ở Hy-Lạp, các nhà ngụy-biện (4) lại tra hu-vấn, coi lời hơn từ. Socrate là người đầu tiên đã phát - minh ra những khái-niệm (5), tức là những ý-tưởng trừu-tượng, tổng-quát và khách-quan. Đứng trước sự vật, Socrate đã biết nhân-định, suy-xét, rồi nhân đó, dùng lý-trí mà nêu lên

1) « Il ne crée rien, — nous n'avons d'ailleurs pas une ligne sûrement écrite de sa main, — mais, il transmet, cor-rige et dispose à sa guise ».

2) Représentations collectives.

3) Perceptions empiriques.

4) Sophistes.

5) Concept.

ahững quan-niệm rộng-rãi, vô-tư. Trong cuốn « Lịch-trình Sư-phạm », René Hubert đã tóm tắt học-thuyết của Socrate như sau :

« Học-thuyết ấy dựa vào ba điếm căn bản : Socrate đã phát minh (nhiều người sẽ cho rằng ông đã sáng chế, một vài bạn tất còn dùng cả chữ tạo tác), Socrate đã phát-minh ra khái-niệm ; Ông đã dùng sự sáng chế ấy như một chìa khóa mới để khám phá những huyền diệu của động tác luân-lý, hơn là để hiểu biết những bí-mật của tạo hóa ; trong khi hầu hoan vi đã phát minh được, ông đã quyết tâm truyền bá điều đã tìm ra cho tất cả mọi người, vì ông cho rằng phương-pháp ấy có thể áp dụng cho tất cả mọi người. Nhân đó, học-thuyết của ông làm căn bản cho những tư tưởng phổ-biến ; nhân đó, nó có một ảnh-hưởng lớn - lao, bất diệt về các phương-diện sư-phạm, xã-hội và nhân - văn » (1)

Đó là một điếm tương-dị cốt yếu giữa hai học thuyết, — một điếm đã gây nên bao nhiêu qui-kết trong phương pháp hoạt động của hai nhà hiền-triết siêu-phàm.

Trước hết, Khổng-Tử và Socrate mỗi người dùng lối đàm-thoại một cách khác nhau. Đức Khổng đã dựa vào dĩ-vãng mà tin chắc ở đạo mình, nên thời thường đệ-lữ có hỏi Ngài mới trả lời Ngài đối đáp như thế, chỉ là để truyền-bá tư-tưởng của mình, khiến cho mọi người hiểu

thấu đâu là chân-lý. Trái lại, Socrate còn ngụ một ý riêng biệt ; ông tìm ra những khái-niệm mới, luôn luôn dùng phương pháp nội-quan (2) để tự hiểu mình và hiểu người. Vậy ông cần hỏi kẻ khác, để xét xem những kiến thức của mình có đúng chăng. Vậy, những cuộc đàm-thoại Socrate không những là một cách thức dạy người, nó còn là những cuộc thí-nghiệm, và kiểm soát cần thiết. René Hubert đã viết : « Cách đối thoại của Socrate không phải là một phương sách tuyên truyền ; đó là một cuộc thí-nghiệm cốt yếu ». (3)

Nhân đây, người đương thời hiểu biết Khổng-Tử và Socrate hai cách khác nhau. Đức Khổng chỉ chấn hưng các thuần-phong mỹ-tục, dựa

1) Cette doctrine tient en trois points fondamentaux : Socrate a découvert (d'aucuns diront inventé, certains même fabriqué) le concept; il a employé son invention, comme une clé neuve, à ouvrir les mystères de l'action morale, plus encore qu'à pénétrer les secrets de la nature ; dans la joie de sa découverte, il a entrepris de la communiquer à tous les hommes, parce qu'il jugeait être de son essence qu'elle valût pour tous les hommes. C'est par là qu'elle est à l'origine de l'universalisme spirituel; qu'elle a une portée pédagogique, sociale, humaine au delà de toute mesure » — Histoire de la Pédagogie, trang 203

2) Introspection.

3) « Le dialogue socratique n'est pas un procédé de propagande ; c'est une expérience cruciale. »

vào tiền-nhân mà nêu cao chân-lý, nên người đời dễ hiểu biết Ngài mà cảm phục ngay. Sở dĩ Ngài phải chu du khắp đó đây, không vừa ý ở nơi nào, là chỉ vì có người đồ kỹ hay không biết thực-hiện đến triệt để học-thuyết của Ngài đó thôi. Trái lại, vì Socrate sáng chế ra một phương-pháp mới, nên dễ có sự hiểu lầm, người ta thấy lý luận của ông có tính cách tân-kỳ, khác hẳn các quan-niệm thông thường, liền đem lòng nghi kỵ. Đã thế, ông lại cương-quyết, không ngại động chạm đến dư-luận của các kẻ chung quanh. Vì vậy, các nhà cầm quyền Hy-Lạp đã khép ông vào tội ác hóa thanh-niên, mà bắt ông uống độc-cần (1) tự tận.

Đối với hậu-thế, diêm căn bản của mỗi học-thuật cũng gây nên những dư-luận khác nhau. Đức Khổng chọn lọc những cái hay ở dĩ-vãng, nên hậu-thế đã có nhiều người hiểu lầm, sinh ra quá ư nệ cổ, khiến văn-minh Á-đông đã qua một thời-kỳ huy-hoàng, rục-rỡ nhất hoàn cầu, mà về sau, đến nỗi chậm tiến, để bao nhiêu dân-tộc khác vượt hẳn lên trên. Người ta hầu như đã quên rằng: Ngài đã kêu gọi thế-nhân cần phải luôn luôn đổi mới, và tiến-hóa không ngừng, để « nhật nhật tân, hựu nhật tân ». Trái lại, Socrate đã sáng-tạo một đường lối tân-kỳ, nên người đời sau cũng theo gương, cố mở mang

kiến-thức, tìm ra những phương pháp mới, không mắc vào những ngộ nhận như nhiều nước Á-đông. Phải chăng vì vậy, mà các dân-tộc Âu-Tây đã thấu được nhiều kết-quả tốt tươi trên đường canh-tân khoa-học.

Xem qua các trang lược-khảo kể trên; ta nên nhận định hai chi tiết đáng cho ta lưu tâm :

Dù ngày nay, khoa-học tiến-triển đến mực nào, và làn sóng vật chất lan-tràn khắp nơi, các bậc trí thức vẫn không quên nhắc-nhở đến học thuyết của hai nhà đại triết Hy-lạp và Trung-Hoa. Mới hay người đời bao giờ cũng tra-chuộng đạo-đức và luân-lý. Và chẳng, nhân-loại có hùng-cường mà không có tinh-thần cao-cả, thì tức là trở lại cuộc man-rì của thời thượng-cổ, còn nói gì đến văn-minh ? Riêng đứng về tư-cách cá-nhân, học thức mà không có lương-tâm thì chỉ là một cuộc bại hoại tâm-hồn như Montaigne đã nói.

Điều thứ hai, là ta nên nhớ rằng: sự nệ-cổ vì hiểu lầm đạo Khổng đã làm cho bao nhiêu dân-tộc Á-đông chậm tiến, và ngừng-trệ trên con đường văn-minh khoa-học. Phải chăng đó là một bài học đau đớn, một tiếng chuông cảnh-linh

1) La cigüe.

rèn-rĩ từ quá-khứ vaug-dội tới ngày nay, để thức-giục chúng ta suy nghĩ, cho khỏi lầm đường lạc lối ?

Tóm lại, con người ta cần phải hoạt - động và có sáng-kiến, để lệ và thanh-cao của hai nhà hiền-triết Đông-Tây.

Một vài tài-liệu để chấn-hưng Văn-Hóa

Văn minh Nhật thời Minh-Trị

(tiếp theo và hết) (1)

Thời Minh-Trị Thiên - Hoàng, như chúng tôi đã nói trong chương trước này, là thời kỳ sáng lạn, ánh sáng văn-minh giải chiếu khắp nước Nhật, làm cho dân chúng sống trong cái cảnh thanh bình thịnh-trị. Theo các nhà sử-học, thời Minh-Trị bắt đầu từ ngày mồng 3 tháng 2 năm 1868, tức là ngày mà vua bắt đầu theo một chính sách mới. Ngày ấy vua long - trọng tuyên bố :

Ngài sẽ điều khiển guồng máy nước Nhật về nội-bộ cũng như ngoại giao.

của Glám-mục
HOÀNG-VĂN-ĐOÀN

Từ trước đến giờ, chính sách phòg-kiến thịnh hành, nhà vua tiếng là có quyền, xong đại-tướng làm chủ, qui phái đại cũng, đại miếu làm quan; còn ngoài ra, nhữn đnh rên rĩ trong nạn thất học và úng thiếu.

Nhà vua lại theo chính sách « Trường cao, cửa kín » tuyệt giao với ngoại quốc; quân chúng họ bỏ giữ thói cũ, lấy thời-lục nước mình, làm hay, cho văn-minh nước người là dở, nên chỉ muốn bảo-thủ mà không muốn duy-lân. Việc cải cách lúc ấy muốn phần, khó khăn; và ai nói đến việc cải cách, thì thiên hạ cho là phản-động.

Cuộc đời lán lộn và cái thế đầu thưng của nhà ái quốc YOSHIDA

SHOIN đã phần chiếu tâm trạng của đa số dân Nhật đối với việc canh tân. Một lý-do nữa làm trở ngại việc duy tân là nhiều người được hưởng đặc ân. Từ chức đại-tướng, đại cung, đại miếu qua tước công, tước hầu, bá, tử, nam, toàn là những cấp bậc khiến người ta được hưởng nhiều trạch-án, được xử dụng những khu đất mênh mông, và được dân đến cúng bện nô-lệ qui-lụy, bảo sao được vậy.

Nay nếu cải cách, duy tân thì những đặc-ân, những

trường đất đều mất hết, và cả một chế độ phong kiến cũng bị sụp đổ; những quyền hành hống hách cũng sẽ tiêu tan như gương khổi. Bởi vậy, ta thấy lúc đầu, trong số 216 nhà qui-tộc, chỉ có 17 nhà là ưng thuận bỏ các đặc-ân, còn 199 gia tộc đều phản đối. Chính đại-tướng KEIKI cũng phải chiến v đảng phái minh, cảm quan khỏi lo sợ, phỏng, với: chính quyền đang mưu toan việc cải cách. Song « Vô quyết đây đã có miệng tay nhện ». Nước Nhật giữa lúc giao thời, muốn sự-khó-khăn, lại gặp được ông vua thông minh, cương quyết. Vua sáng-suốt hiểu biết rằng giữa

(1) Tiếp theo bài đăng V.H.N.S. số 378

lúc Âu Mỹ Á gặp gỡ, văn minh hiện thời không thể có lập. Văn-minh tiến hóa cần phải dung hòa, phải giữ lấy cái nền nếp cổ truyền, mà cũng phải có tinh cách khoa học, kinh-tế, cùng liên lạc với ngoại quốc dù biết nước nào cũng phải có quốc hồn, phải duy trì lấy quốc túy; song bên cạnh quốc hồn, có quốc tế và tinh nhân đạo. Không bao giờ nên quá theo quốc hồn để gây nên chủ nghĩa quốc gia quá khích, đến nỗi làm cho các dân tộc chém giết nhau.

Những ý niệm ấy làm cho vua Minh Trị quyết duy tân trong khi tồn cổ, để gây dựng một nền văn-minh có cả hai tính cách thủ-cụ và duy tân. Trước hết, ta thấy nhà vua bãi bỏ chế độ phong kiến, diệt những kẻ chống lại việc cải cách. Nhà vua ban bố một hiến chương để bày tỏ những nguyên tắc cải cách. Xin trích dịch dưới đây mấy mục quan hệ:

1. Một hội đồng quyết nghị sẽ được thành lập và mọi phương pháp sẽ được định đoạt do dự luận quần chúng.

2. Nguyên tắc kinh-tế, xã-hội và chính-trị phải được học hiểu trong các từng lớp xã-hội.

3. Mọi phần tử quốc dân đều được sự dễ dàng để vững chí hành thiện.

4. Những thói tục vô lý đời xưa đều bị hủy bỏ.

5. Để bảo tồn và tăng tiến nền thịnh vượng quốc-gia, quốc-dân không phân biệt cương giới, chủng-tộc, màu sắc, bề dẫu có thiên tài, có khả năng, thì sẽ kêu gọi đấy.

Mấy điều trong hiến chương này tỏ rõ sự hiểu biết sáng suốt của vua Minh-Trị. Người ta nhận thấy ý vua muốn các chính-trị gia phải theo con đường cải tổ xã-hội với sự cộng tác của quần chúng và thâu-thái cái tinh túy văn-minh của năm châu bốn biển, chứ không gạt bỏ những cái hay của thiên hạ.

Nhà vua còn muốn lo liệu đề dân Nhật có hiến pháp, để ấn-định quyền hạn của vua với dân, vạch rõ tam quyền là quyền lập pháp, quyền tư pháp và quyền hành chính.

Công trình lớn lao vĩ đại đó, vua cố thực hiện trong quãng 21 năm trời, để làm cho nước Nhật có một hiến pháp. Ngày 11 tháng 2 năm 1889, hiến pháp Nhật ra đời, là ngày nước Tân Nhật-Bản khai sinh và bước chân lên con đường văn-minh tân tiến, làm cho quốc-gia chẳng bao lâu chiếm được địa vị liệt cường ở dưới bóng mặt trời.

Hiến-pháp kể trên gồm 76 khoản, chia ra làm 7 đoạn nói về nhà vua, hội nghị, quyền vua đối với dân, và cách tổ chức tam quyền.

Hiến-pháp được dân chúng hoan nghênh; và hằng năm lễ đến ngày kỷ niệm, thì dân chúng tập họp biểu tình trong toàn quốc, để tỏ lòng cảm kích.

Đây xin thống kê số các phiên hội họp và số các điển giả hoan nghênh hiến pháp trong tám năm, sau ngày ban bố:

Ngày kỷ niệm có cuộc hội họp:
 Năm 1891 có 6482 biểu tình Điển-giả 15.526
 Năm 1892 — có 8076 — Điển giả 21.796
 Năm 1893 — có 7076 — Điển giả 18.021
 Năm 1894 — có 5750 — Điển giả 15.223
 Năm 1895 — có 1506 — Điển giả 3.337
 Năm 1896 — có 1272 — Điển giả 3.198
 Năm 1897 — có 1223 — Điển giả 3.013
 Năm 1898 — có 1117 — Điển giả 2.797

Nếu chúng ta nhìn qua nội dung hiến chương Nhật, ta sẽ thấy nhiều đặc điểm làm cho ta mến phục người đã sản sinh ra nó. Thí dụ ta thấy trong chương hai, từ khoản XXIII đến khoản XXIX, nói về sự bảo-vệ nhân quyền, bảo vệ tài sản, thư-tin, tự-do báo-chí, tự-do ngôn-luận, tự-do tín-ngưỡng, tự-do hội-hợp tự-do lập hội-đoàn, và sự bảo-đảm

của chính quyền, giúp các xí-nghiệp. Thật là cả một sự sáng suốt khôn ngoan giúp đỡ cho bước tiến. Vậy bây giờ ta hãy xem sự phát triển văn-minh trong các ngành là thế nào.

A. — Việc giải phóng phụ-nữ

Trở về trước, người đàn bà phải theo đạo tam tông, không có quyền tự chủ. Người đàn bà đối với đàn ông chỉ phải phục tùng, không khác gì một cái máy sinh sản hay một kẻ gia nhân có bổn phận tô điểm chốn gia môn. Song từ khi có hiến-pháp thì giá-trị của phụ-nữ Nhật đã được nâng cao. Người đàn bà có quyền làm chủ trong gia-đình. Và đạo luật 1898 đã bãi bỏ tục đa thê (geisha) cũng như tục bán con.

B. — Về học - thuật

Việc học thuật xưa dành riêng cho hàng tu-sĩ và thanh niên qui phái. Học mấy quyển sách cổ điển Tàu, sử-ký, luật, toán và văn-chương. Phụ-nữ và dân đen không được học tập. Nhưng từ đời Minh-Trị thì việc học được mở rộng, vua quyết chân hưng học thuật trong nước. Năm 1869, vua ra một sắc lệnh ban bố những chỉ thị liên quan đến các trường đại-học, trung-học và tiểu-học. Năm 1871, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đầu tiên của nước Nhật được thành lập thích hợp với ý nghĩa tân thời của nó. Năm 1872, bộ qui chế đầu tiên của Bộ Quốc-gia Giáo-dục được ban bố và sự cưỡng bách giáo-dục bắt đầu thực hiện.

Nhờ qui chế ấy, năm 1873, trong toàn quốc đã mở được một vạn hai nghìn trường sơ-đẳng; năm 1874, hai mươi nghìn. Năm 1879, chính-phủ lại thiết lập hai mươi tám nghìn trường sơ đẳng, 8 trường đại-học, và 64 trường trung-học. Ngoài các trường chính-phủ thì lại có nhiều trường tư-thực sơ-học trung-học và đại-học: như trường Keio, Doshida, Waseda, v.v. Trong các trường tư thực và công lập đều có dạy đủ các

khoa-học tân thời theo lối Âu-Mỹ; người ta nhận thấy có nhiều giáo sư và giảng viên người Hòa-Lan, Pháp, Anh, Đức, Mỹ.

Đây xin kê tổng số các trường Đại-học, trung học và tiểu học trong mấy năm sau

Năm	Số trường	Số học sinh
1897	25.375	3.285.710
1898	25.594	3.455.790
1899	25.639	3.622.811
1900	27.728	3.812.183
1901	28.404	4.030.973

Phụ nữ đã được học tập cần thân. Ngày 20-4-1901, trường Đại-học Joshi Dai Gako đã khánh-thành để dành riêng cho nữ sinh-viên. Họ được huấn luyện tinh tế, và đã thâu thái một nền giáo hóa đầy đủ, nên ta thấy nhiều các cô, các bà có những học-thức uyên thâm như Cô Oumé Tsouda, nữ giáo sư tại Tokyo. Có chiếm một địa vị vị vẻ vang trong nhiều cuộc hội họp phụ nữ ở Âu-Mỹ. Cô Shimada Outako, chủ nhiệm báo Nippon Foudjin, cũng đã nổi danh trên hoàn hải.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục cố gắng mở mang tri-dục, song cũng không sao những đức-tục. Bộ chẳng những săn sóc để các thanh niên giữ gìn mài tri-não cho tinh sáng, mà còn trù liệu cho họ tu-luyện tinh tinh cho thuần-thục, duy-tri lấy thuần-phong mỹ-tục, bảo-toàn lấy nền nếp đạo đức, trung tín, hiếu, nghĩa. Bộ chú ý hun đúc cho thanh-niên một tâm đức nhiệt thành, hy-sinh, nhân-nại dũng-cảm, cương-quyết, trọng danh dự, ham hoạt động.

Sau hết, việc thể-dục cũng là mối lo nghĩ của Bộ quốc-gia giáo-dục, vì hồn khỏe, thường chỉ ở trong các mạnh. Nên Bộ cổ-vũ các loại chơi có ích cho sức khỏe, và giúp cho hồn mạnh. Còn những loại chơi có tính cách quá rư vật chất làm cho xác yếu, tinh thần bạc nhược, và tâm hồn sút kém, thì Bộ triệt để bài trừ.

Đề giúp vào việc truyền bá giáo-dục và các ngành văn-hóa khác, thì có các báo chí xuất bản khắp nơi trong nước.

Xưa chỉ có một tờ báo gọi là Yomiuri ra từng tờ nhỏ đáng tin tức và kể những biến cố trong nước. Tờ báo này in bằng những bản in gỗ quá cũ. Thế mà năm 1884, nghĩa là 13 năm sau khi có bộ Quốc-gia giáo-dục, ngay ở Tokio đã có 24 tờ báo xuất hiện và số độc giả có đến 31.336.658. Cũng trong năm ấy, các báo xuất bản ở các nơi khác có tới 109 thứ khác nhau và thu hút được 57.466.410 độc giả. Buổi sơ khai, báo chí Nhật đã vấp phải nhiều trở lực, như các sách sử còn chép lại.

Tạp chí Taiyo đã viết một đoạn khảo-cứu về thời phôi thai ấy như sau :

Hiện nay người ta in báo từ ban đêm ; rồi chưa sáng, lúc mọi người còn yên giấc, thì đã cho phát hành. Mấy mươi năm trước về trước, người ta không nghĩ đến sự mau chóng như thế. Thường thường thời ấy, nhật báo ra vào quãng trưa và mãi đến chiều độc giả mới nhận được, các trẻ đưa báo không vội vàng gì ; khi chúng đến từng nhà, thì ung dung thông thả, có khi lại xuống bếp uống nước chè và nói chuyện với gia nhân.

« Năm 1874, một báo kia rất thịnh đạt thu hút được nhiều bạn đọc đến nỗi không có đủ người trông nom việc phát hành. Các nhân viên trong bộ biên tập phải bỏ việc đang làm đi phát báo. Và chính ông quản lý thuộc hàng kỹ sĩ quý phái cũng tự đi làm công việc ấy ; người ta không khỏi ngạc nhiên, khi thấy ông mình vận phẩm phục riêng biệt, lưng đeo hai thanh kiếm, và phủ hiệu của ông quá phái kỳ mã tự đi tới các nhà. Ông đã phát 200 tờ do ông mang trong hai tay áo thụng.

« Người ta lại còn kể chuyện về Joukyo Soutchiro tiên sinh, thuở bình

sinh đã từng làm chủ bút báo Akébono. Một hôm tiên sinh mài miệt sự nghĩ chép một bài, thợ in đang chờ đợi để đặt lên khuôn. Còn đang viết chưa xong, đã đến giờ phải in rồi, người ta giục. Bấy giờ Soutchiro sinh ra quá ư bối rối đến nỗi hoảng hốt vứt qua cửa sổ bản thảo đang đặt ở trên bàn. Vì thế, báo ra không có bài xã thuyết, và phải đăng rằng : Hôm qua có cơn gió to, như chính độc giả cũng đã nhận thấy ; cơn giông tố đã cuốn mất bài xã thuyết của chủ bút bản báo từ nhà gác ra phố, không kịp lấy lại được. Khi đến giờ lên khuôn, chúng tôi không có bài, thật là đáng tiếc. Vậy ai tình có tìm được bài của bản báo đã bị cơn gió vô tình lôi cuốn đi, thì yêu cầu mang lại ngay bản giấy của tòa soạn.»

Dù có nhiều khó khăn, người ta vẫn tiến hành không chút e-dè, lưỡng-lự. Đề đề thông tin với ngoại-quốc, các nhà bình bút ở Tokyo đã thiết-lập hội báo chí quốc-lê.

Về luật lệ, thì từ năm 1887, các báo chí đã được tự do như trong các nước quân chủ lập hiến ở Âu-Châu ; hiến pháp 1889 lại bảo đảm cho báo chí hơn nữa.

Trước thời kỳ này, những nhà viết báo và nhất là những vị chủ nhiệm thường bị phạt tiền hay bị tước nãi.

Ông Dumolard, cựu giáo sư luật khoa tại Trường cao đẳng Tokyo, có kể lại tấn bi hài-kịch lý thú như sau : Hồi 1877, các báo ở Thủ-đô Đông-kinh, trừ tờ Nitchi Nitchi, đều công kích chính-phủ và các công chức. Bởi thế, nhiều tờ bị truy tố và bị phạt ; nhiều cây bút bị tống giam. Trong số ấy có Kouro Kato tiên sinh, chủ nhiệm báo Saifou Shimboun vì công kích quá mạnh nên ông đã bị phạt 3 năm tù, và tờ báo của ông, vì lẽ chủ nhiệm bị giam, cũng phải đình bản. Các bạn đồng nghiệp thấy vậy liền tha thiết khiêu nại,

các biên tập viên của tờ báo Nitchi Nitchi là một cơ quan bán chính thức cũng biểu đồng tình về việc này. Các nhà báo bên tổ-chức một cuộc lễ truy điệu báo Saifou Shimboun. Họ mời dân chúng đến dự lễ mai táng. Buổi lễ cử hành rất trang nghiêm, lại có các vị sư chùa Dembo tới tụng kinh niệm Phật, cầu nguyện cho nền văn-hóa quốc-gia tại qua nạn khỏi... Mới hay, các nhà văn lăm khi đã tìm được cách phát biểu ý-kiến trong vòng trật-lự một cách rất tài tình.

C. — Văn-chương và mỹ-thuật.

Thời đại này, văn-chương và mỹ-thuật của Nhật đã khuynh hướng về lối mới, mặc dầu vẫn giữ bản sắc của mình. Bộ Quốc-gia Giáo-dục mở trường, đặt giải thưởng, mục đích khuyến khích các thi-sĩ, văn-sĩ, kịch-sĩ, nhạc-sĩ, họa-sĩ, cùng các nhà điêu-khắc, khiến năm 1900 khi có cuộc đấu-xảo ở Ba-Lê, cả thế-giới đều kinh-ngạc và tán tụng nền văn-chương và mỹ-nghệ Nhật. Có người bình-luận rằng : « Về văn-chương, người Nhật không thua kém Trung-Quốc, về mỹ-thuật, người Nhật ngang hàng với cả Ai-cập, cổ La-mã và cổ Hy-lạp ».

Ông Michel Reven trong cuốn sách nhan đề là « Văn-minh Nhật » (La Civilisation Japonaise) đã nói về mỹ-thuật như sau :

« Mỹ-thuật chiếm một địa vị quan trọng trong nền văn-minh Nhật. Từ đời đạo Phật truyền bá vào nước Nhật đến nay, nghệ hội-họa đã sinh xuất ra biết bao họa sĩ nổi tiếng, ngang hàng với các họa sĩ trú danh của Ý và Hòa-Lan. Nghệ kiến trúc đã tạo nên những đền đài giản dị như trang hoàng một cách vô cùng diễm lệ. Nghệ điêu khắc đã tài tình, chạm trở nên những pho tượng tinh vi, tế nhị. Nghệ kim khí đã sản xuất ra những kiệt tác, kể từ pho

tượng khổng lồ đức Phật trong đình chùa cho đến những dụng cụ bằng vàng, bằng bạc trong tư gia.

Nghề sơn có những màu sắc huyền bí làm cho người ta mơ tưởng như lạc bước vào cảnh bồng lai. Nghệ khắc những đường nét uyển chuyển, linh động, mắt nhìn không chán. Nghệ chế đồ gốm làm ra những bình, những chén, cầu nguyện cho nền văn-hóa quốc-gia những chậu-trâm hình, nghìn kiểu, với những nét vẽ tinh xảo hòa hợp với những màu tươi thắm. Nghệ làm thảm sản xuất những tấm thảm đủ kích thước, đủ màu sắc, đầy vẻ mỹ-thuật. Còn như thực mộc bản thì thật là đáng cho ta phải ngạc nhiên. Kia những nét chạm trở tinh vi trên tấm gỗ, khó mà có thể bắt chước được.

« Còn về âm-nhạc của Nhật, thì ai mà không phải khen ngợi ? Những nhạc-sĩ với những nhạc cụ muôn điệu, làm thính giả phải mê hồn. Thôi, há tất tôi phải nói dài ! Ai ai cũng biết dân Nhật là dân đất phát sinh ra nhiều nhạc sĩ ». Lời khen ấy có lẽ một phần do sự thiện cảm mà ra, nhưng cũng không sai sự thật là bao nhiêu.

Về văn chương, ông W.G. Aston đã nghiên cứu nhiều và viết rằng : « Văn-chương thời Minh-Trị là một nền văn-chương tân tiến ; các thi phú, ca kịch, tiểu thuyết đều là tiếng vang dội của những cơn tim đầy nhiệt huyết, trên đường tiến thủ ».

D. — Thương-mại và kỹ-nghệ

Thương-mại khước-l-trương mau chóng. Sự buôn bán trong nước thêm dễ dàng ; ngoại thương ngày một thêm thuận tiện. Thời trước, Chính-phủ cấm giao-thông với ngoại quốc, không cho tiêu-thụ hàng ngoại quốc, thế mà vào quãng 1900, nước Nhật đã có 180 hãng tàu buôn, và riêng hai hãng Yusen và Kabuchiki có đến 140 chiếc tàu. Chúng tôi xin kể ở đây ít hàng xuất cảng, nhập cảng để tỏ rõ nền thương-mại hồi ấy,

Năm 1881 xuất cảng gạo trị giá 261.737 yên, chè hảo hạng 5.851.630 yên, long-não 706.138 yên, đồ sứ 796.429 yên, các đồ sơn 531.347 yên, than 1.104.437 yên, đồng 673.342 yên, tơ sống 171.323 yên, chỉ tơ sống 10.606.867 yên, lụa dệt rồi 961.075 yên, tơ xấu 828.607 yên, vải sợi 968.303 yên.

Cũng trong năm ấy, các đồ nhập cảng gồm có rượu mạnh trị giá 328.208 yên, đường 3.816.984 yên, các thứ thuốc 911.759 yên, dầu hỏa 979.112 yên, sắt 989.127 yên, bông 7.461.279 yên, vải sa 2.709.341 yên, vải len 578.914 yên, vải bông 1.914.316 yên, tàu chạy máy 51.800 yên, các thứ máy móc khác 989.233 yên. Các hàng-hóa ấy, Nhật buôn bán với Hoa-kỳ, Anh, Thiên-Trúc, Xiêm, Nga, Pháp, Đức-Áo, Tàu, Cao-Ly, Úc-Châu và các nước khác.

Kỹ-nghệ cũng rất thịnh : nghề làm đồ sơn, đồ sứ, đồ kim, giấy viết, chiếu hoa, đóm diêm, dệt vải, dệt lụa, làm các đồ sắt, chế các then máy, đóng tàu, làm đường xe lửa, xe ô tô, lại nghề đánh cá và làm ruộng đều được khuếch-trương và dùng phương-pháp tối tân, có tổ chức theo khoa-học. Nhà nước cũng dùng những kỹ-sư ngoại-quốc để khai những mỏ than, đồng, sắt, bạc, lưu hoàng, dầu hỏa, cao-lãnh-thạch, thủy-ngân, chì, thiếc, đồng, quặng thạch và cường-duyên.

E. — Canh-nông

Riêng về canh-nông, người Nhật đã thiết lập hội Hotokousha de Ninomiya Kindjiro tức là Sentokou sáng lập. Hội này rất hữu ích và có một tinh cách xã-hội. Hội giúp đỡ những kẻ đau khổ, bần cùng, quả phụ, cô nhi, lại tặng thưởng những người đã có công hoạt động nhiều để giúp ích đồng bào. Hội hô hào dân chúng sống một cuộc đời cần lao, giản-dị, để duy trì lấy những thuần phong mỹ tục.

F. — Bưu-điện và giao-thông

Bưu-điện được thiết-lập trong toàn quốc ngay từ năm 1870 và 1871, để giao thông với cả ngoại-quốc. Năm 1870, đường giây thép từ Tokio đến Yokohama đã được hoàn-thành. Năm 1872, Chính-phủ mở đường xe lửa từ Tokio đến Yokohama, rồi từ đây có tuần tự nhi tiện mà thiết lập các đường giao-thông trong toàn quốc, khiến sự đi lại dễ dàng.

G. — Tiền-tệ, chi tiêu

Để cho sự mậu-dịch được thuận-tiện, Chính-phủ cũng đúc tiền, hay in giấy bạc. Từ khi lập nhà đúc tiền, nghĩa là từ tháng 1 năm 1870 đến năm 1881, trong quãng thời gian 11 năm, đã dùng tới 53.455.441 yên vàng ; 37.128.136 yên bạc ; 6.875.459 yên đồng ; còn bạc giấy thì năm 1882 ở trong kho có 105.976.734 tờ, trong ngân hàng có 34.409.844 tờ.

Chính-phủ lập ngân-sách kỹ càng, để ngăn ngừa những sự tiêu phí vô-ích, thiết-hại cho nền tài-chính quốc-gia. Chúng tôi xin kể qua ra đây, những món tiền chính đã thu trong năm 1882 — 1883 : thuế điền thổ 43.342.188 yên, thuế làm rượu Sa-kê 16.376.824 yên, thuế thuốc lá 280.849 yên, thuế tem và chức bạ 1.039.711, thuế nhà ngân hàng và các xi-nghiệp 435.974 yên, các thứ thuế khác trong nước 2.073.231 yên, thuế thương chính 2.557.967 yên, bưu chính 1.703.527 yên, lâm sản 176.002 yên, thuế về các doanh nghiệp của Chính-phủ 1.737.461 yên, số tiền bán và cho mượn của Chính-phủ 691.279 yên, các nguồn lợi khác 3.093.390 yên, cộng 73.508.427 yên.

Số tiền chi-tiêu tới trong năm 1882—1883 là : Nhà nước trả nợ 15.121.295 yên, bồi thường 4.993.669, hủy bỏ tiền giấy và bồi thường 9.421.241 yên, các phí-tồn khác 7.707.007 yên, việc phụng-sự Quốc-gia 2.431.740 yên, Nội-các và nghi-viên 1.303.771 yên, bộ Ngoại-giao 792.572 yên, Thủy-quân 3.497.108 yên, Bộ hình 2.070.556

yên, Bộ Quốc-gia Giáo-dục 1.040.415 yên, Bộ Canh-nông và thương-mại 829.831 yên, Bộ Giao-thông 2.530.282 yên, Hành-chính các tỉnh 10.002.002 yên, các chi-phi khác 3.716.443 yên. Tổng cộng 73.480.667 yên.

Chính phủ lại còn chăm nom săn-sóc đến những người phải làm thuê mướn, làm công nhật, hay làm thợ ở các thành-thị. Trong công làm các tỉnh nước Nhật còn giữ bản định công cho từng hạng, để ai ai cũng có thể sống hẳn hoi, và chủ-nhân không có thể bóc lột được. Xem các bản chỉ định về tiền công ấy, thì biết chính-phủ Nhật lúc đó thật là nhân dân, tha thiết yêu dân.

H. — Ngoại-giao

Từ trước đến nay, như chúng tôi đã nói, nước Nhật coi mình là hơn cả các dân-tộc khác, nên bề-quan tỏa cảng, thì nay đã thức thời, muốn giao thiệp với hầu khắp các nước trên thế-giới, để thêm vào kho văn minh của mình. Như bọn Y-Đông Bắc-văn-Công đi ngoại giao và du-lịch khắp Anh, Bỉ, Pháp, Đức, Mỹ để nghiên-cứu văn-minh Âu-Mỹ và sau khi hồi hương đã đưa những điều nghiên-cứu, kinh-nghiệm ra giúp sự kiến-thiết quốc-gia, và xây dựng nền văn-minh tân-liển. Ông lại cố gây tình bang-giao thân thiện với các nước Âu-Mỹ.

Các thời trước, chính-phủ cũng không cho tự do tín-ngưỡng, cấm các người trong nước không được theo đạo Gia-Tô, và các người ngoại-quốc không được vào nước giảng đạo. Song từ nay, nhờ có vua Minh-Trị cao-minh nhìn xa, xét rộng biết sự tin-ngưỡng là việc của cá nhân, miễn là sự tin-ngưỡng không thiết hại đến công ích, làm thương-tồn thuần-phong mỹ-tục, hay quấy rối an ninh, trật-tự, thì phải để cho người ta tự-do theo ; nếu cấm, thì phạm đến nhân quyền, và nhà chức trách sẽ vượt quá phạm vi quyền-hành của mình. Vả chăng, các nhà truyền-

giáo chính đáng chỉ lo mưu-ích cho dân chúng, đưa mọi người lên đường chính, và chỉ giáo cho quần-chúng để ngày thêm văn-minh tiến hóa, chứ có ngăn trở sự văn-minh tiến-hóa bao giờ. Bởi vậy, nhà vua bãi bỏ những sắc-chỉ cấm đạo, và cho thần dân tự do theo đạo Gia-Tô. Đó cũng là tia sáng chói lọi thêm vào ánh vinh-quang của vua Minh-Trị vậy.

I. — Quân-sự

I) Trước khi chấm dứt chương này, chúng tôi muốn nói về thể quân-sự Nhật đời Minh-Trị. Riêng về tinh thần, người Nhật can đảm, lại thêm có sự cần thiết phải cạnh-tranh với những nước lân bang hùng cường như Nga, Trung-Hoa, hay các nước xa như Anh, Mỹ, nên nhà vua trú-liệu thiết-lập một đạo hùng-binh. Xem ngay như năm 1900, về thủy-quân, Nhật đã có 8 thiết-hạm, 10 tuần-đương-hạm, 10 hải-phòng-hạm, 12 tiêm lôi hạm, 52 ngư lôi-dĩnh, 28 luyện-tập hạm ; và Lục-quân có 28 tiểu-đoàn gồm có đủ binh-sĩ các hạng. Quân đội Nhật có tinh cường dũng, thao-luyện tinh-thục, lại thêm tinh thần kỷ-luật, nên năm 1895 thắng Tàu, và năm 1905 thắng Nga.

Tôi xin đọc lại đây một bài thơ do một người lính Nhật đã viết lên tường xứ Nội-Bài (Phúc-Yên) mà tôi đọc trong kỷ kinh-lý vừa qua :

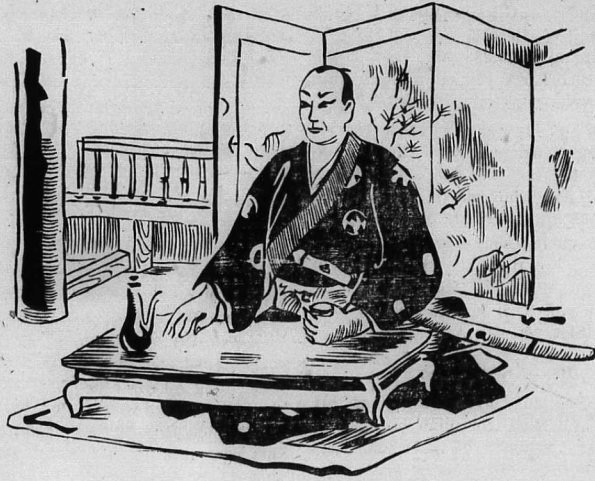
Thơ rằng :

Phiên-âm :

*Hồ đồng hũe lừ thưởng cao lâu,
Hùng khí dục thôn ngũ đại châu.
Nhất phiến đan tâm tam xích kiếm,
Huy quyền tiên trảm nịnh thần đầu.*

Dịch-nôm :

*Gọi mang bình rượu tới lầu cao,
Muốn nuốt năm châu thủ sắc nào.
Một mảnh lòng son, ba thước kiếm,
Chém đầu gian-nịnh để khai dao.*



Một mảnh lòng son, ba, thước kiểm

Bài thơ biểu-lộ khuynh-hướng quân phiệt, song cũng phản ảnh một tâm lòng son, trung-thành, cương-trực, can-đảm diệt-trừ bọn ký-sinh a-dua, nịnh, hót, che mắt nhà Vua, để hại quần-chúng nhân-dân.

Tuy nhiên, đã nói đến cái hay, tưởng cũng nên biết một vài cái dở của thời Minh-Trị.

1) Một trong các nhược-diêm là cái nạn đảng-tranh. Các nhóm Tự-Do, Tân-tiến, Tập đoàn quốc-gia, Lập-hiến v.v... kịch-liệt tranh dành với đảng tộc Sat-souma, Choshou, Toza và Hizen, nhóm nào cũng muốn nắm chính quyền. Hồi đó, ai muốn lập chính-phủ cũng phải dựa vào các đảng phái; do đó, đã diễn ra lắm cảnh đau thương. Chúng tôi xin trích ra đây lời phê-bình của báo Kokoumin Shimbou (Quốc-dân) mà Ông Henry Du-

molard đã nhắc lại trong sách của ông nói về chính-trị, kinh-tế và xã-hội nước Nhật: Chính-phủ gồm có đại diện của nhiều đảng phái, chứ không phải là Nội các của các vị Bộ trưởng; thành phần của chính-phủ chẳng qua chỉ là tay sai của các đảng phái. Tất cả các công cuộc đều do tổng ủy-viên hội của đảng Lập hiến (Kansei-to) xếp đặt và chi phối, đến nỗi Nội các không có thể họp Hội-đồng, nếu không có sự thỏa thuận của Tổng ủy viên hội của đảng ấy. Tình-trạng như thế thật là chán nản; chỉ trong một nước gần sắp có biển loan mới có những trường hợp như vậy. Năm 1898, nhân dịp tuyên cử, các báo chí phê bình các chính đảng bằng những lời di-dõm, mỉa mai. Báo Osaka Asahi viết: « Đảng Tự-do và đảng Tân-tiến tựa như đôi vợ chồng không hòa hợp, chỉ lòng cũng và ganh đua không ngớt ».

Báo Kokoumin Shimbou so sánh đảng Lập hiến như con rắn đã bị cắt đứt làm hai đoạn không thể tiến, không thể thoái và cũng không thể nằm yên được.

2) Nạn hối-lộ cũng là một vết đau thương của thời Minh-trị. Đã hay có nhiều vị công-chức, nhiều quan lại thanh-liêm xứng đáng cái tên cao quý Phụ mẫu chi dân, song cũng không thiếu những tham quan những lại. Các nhà sử và các báo chí đời ấy đã để lại cho ta một bức họa tiêu-điều u-ám về phương diện này, xin chép ra đây lời ta thán của một thời báo xuất bản ở Đông-Kinh, ngày 27-10-1899, — tờ Japan Times do người Nhật viết bằng tiếng Anh.

« Không nhiệt thành cung phụng những lý-tưởng cao-siêu, chỉ biết vụ lợi một cách quá đáng, đó là đặc tính của đại đa số chính khách trong nước. Cơ thể chính-trị bị bệnh bất toại vì sự tham nhũng.

« Trong những căn do gây nên tình trạng đảng tiếc này, có sự vận -động chính-trị; các chính-đảng đã ghét chán sự uy hiếp của những đảng tộc, nên đã chẳng ngại dùng mọi phương thế, chẳng kỳ xấu tốt, để diệt trừ đảng tộc. Các đảng phái hứa hẹn nhiều để lôi cuốn quần-chúng. Và để cho đảng thêm mạnh, các chính khách đã chẳng quản thu nhận những bọn bán cũng, những hạng vô giao-dục, vô luân-lý.

Đảng phái nào cũng tung ra những khẩu hiệu thật kêu và cam đoan làm thỏa mãn những nhu cầu của dân-chúng, nên có nhiều người, trong bọn thượng lưu, hay trong đám điền chủ, cũng ủng hộ họ và giúp đỡ tiền của.

« Cái tình trạng đáng buồn ấy đã diễn ra từ 15 năm nay rồi; cho nên ta không ngạc-nhiên, khi thấy trong hàng ngũ chính đảng có thói hà lạm.

« Song xét cho kỹ, nói cho đúng thì sự thối nát do cái căn nguyên thiếu lương tâm nhà nghề, mà gây ra vậy ».

3) Nhược điêm thứ ba là chính phủ hay thay đổi luôn. Xin tạm kể dưới đây ít nhiều tí-dụ :

1) Nội các Ito lần đầu (1885) được 28 tháng.

2) Nội các Kouroda (1888) được 19 tháng.

3) Nội các Yamagata lần đầu (1889) được 18 tháng.

4) Nội các Matsoukata lần đầu (1891) được 15 tháng.

5) Nội các Ito lần thứ 2 (1892) được 48 tháng.

6) Nội các Matsoukata lần thứ 2 (1896) được 16 tháng.

7) Nội các Ito lần thứ 3 (1898) được 6 tháng.

8) Nội các Okouma (1898) được 4 tháng.

9) Nội các Yamagata lần thứ 2 (1898) được 22 tháng.

10) Nội các Ito lần thứ 4 (1900) được 6 tháng.

4) Trong xã-hội lại có sự phân biệt giữa bọn Eta (Nô-Lệ) và các giai cấp khác.

Mặc dầu chiếu theo chỉ dụ ngày 12-10-1871, bọn Eta đã được giải phóng, song dư luận quần chúng vốn còn giữ nhiều định kiến không hay đối với bọn Eta. Mãi tới gần cuối thời Minh-Trị nghĩa là cho đến năm 1900, một người Eta không thể kết duyên với một kẻ trong giai cấp khác. Giá có thiếu nữ hay thanh niên con nhà quý phái hay trung lưu vì tiếng gọi của ái tình, không ngại lấy người trong bọn Eta thì, họ bị dân chúng và các nhà văn chế giễu không thôi...

5) Dù đã có sự giải phóng, địa vị của phụ nữ vẫn còn thấp kém, và thuyết tam tông vẫn được áp dụng một cách khắc nghiệt...

Kết-luận

Thưa quý vị, chúng tôi nói đã dài xin tạm ngưng; trước khi chấm dứt, chúng tôi mời quý vị, một lần nữa, nhìn lại nền văn-minh đời Minh - Trị Thiên-Hoàng.

Theo khuynh-hướng hiện tại, thì văn-minh thời nay phải có bốn đặc-điểm là khoa-học kinh-tế, quốc-gia và quốc-tế. Cái văn-minh ấy còn phải xây trên nền công-lý, bảo-vệ nhân-quyền, gây nên hạnh-phúc cho cá-nhân, gia-đình, và xã-hội, duy-trì thânn phong-mỹ-tục, bảo-tồn sự đạo-đức, luân-thường.

Về đại cương, chúng ta đã thấy văn minh thời Minh-Trị, Thiên-Hoàng thực-hiện được nhiệm-vụ thiêng-liêng cao cả ấy.

Trước đời Minh-Trị, nước Nhật như mơ-mộng trên cõi đảo Tiên, như say sưa trong giấc điệp, nghĩ mình là chúa tể duy-nhất cái giang sơn gồm hơn 3 nghìn đảo, tương-tự như những hạt minh-châu giữa khoảng trời xanh nước biếc. Ngoài mình ra, hầu như dưới gầm trời không còn nước nào văn-minh phong-phú bằng.

Sự tỉnh giấc, bừng con mắt, nhìn bóng thiêu-quang giải chiếu, người Nhật đã nhận định đường lối phải theo, liền trời dậy và vừng tiến. Trên chính-đạo, họ đã thấu-thái lấy cái hay của người mà không quên cái bản sắc của mình, hiên-ngang xuất đầu lộ-diện với thế-giới, khiến năm châu nhìn rõ bộ mặt của Quốc-Gia, nhận thấy cái vẻ kiêu-diễm của Á-Đông dung-hòa với vẻ rực rỡ của Âu-Tây.

Vẫn biết văn-minh thời Minh-Trị Thiên-Hoàng còn có khuyết-điểm. Nhưng nếu «Nhân vô thập toàn», thì nền văn-minh của người ta cũng không bao giờ có thể toàn-thiện, toàn-mỹ. Cứ bình-tĩnh mà xét thì sự cải cách và cuộc tiến-hóa đời Minh-Trị Thiên-Hoàng có nhiều cái hay hơn cái dở. Và chẳng những nhược-điểm của người cũng là những bài học kinh nghiệm kêu gọi ta nên thận trọng để tránh các vết xe cũ trên con đường độc-lập, tự do đầy gai góc. Vì vậy, mấy trang sử vẻ-vang chúng tôi vừa lược khảo cũng đáng là tấm gương sáng cho các nước quần-canh-cái duy-tân noi theo, trong việc bồi đắp giang-sơn.

Giám-mục (1)
HOÀNG-VĂN-ĐOÀN

Mái tóc ông Lê-Quỳnh

VUA Lê-Chiêu-Thống, cháu tòng-vong cũng phải chịu nhiều tấn đích-tôn vua Hiền-Tôn, con cả Thái-Tử Duy-Vỹ, lúc bốn ba bên Trung-Quốc đã gặp nhiều sự ngoài ý muốn. Cả các cận-thần Ông Lê-Quỳnh, người làng Đại-

(1) Trong V.H.N.S số 3, in lầm là «Linh-mục», nay xin sửa lại cho đúng:

Mão, phủ Thuận-Thành, tỉnh Kinh-Bắc tức Bắc-Ninh bây giờ, là con ông Lê-Doãn-Giản đỗ tiến-sĩ thời hậu-Lê, làm quan đến Hình-bộ Thị-Lang Ông thông minh từ nhỏ: học văn có tiếng hay chữ, học võ cũng thông thạo cón quyền. Thi đỗ nho-sinh, ông do đó xuất thân, nhưng lại sáng ngành võ. Gần cuối đời vua Hiền-Tôn, ông làm đến Quân-binh Thị-vệ. Lúc theo vua Chiêu-Thống lần đầu lên Lạng-Sơn, ông được phong tước Trường-phái-hầu và được lệnh hộ vệ Thái-Hậu và Thái-Tử. Khi vua Chiêu-Thống trở lại Thăng-Long, ông được phong chức thượng-tướng-quân. Sau vua Chiêu-Thống chạy sang Trung-Hoa, ông được mật-chiếu ở lại mộ quân nghĩa-dũng. Ông hết lòng lo liệu; nhưng công-việc không có kết-quả gì. Thấy thế, ông bèn lặn lội sang Trung-quốc. Đến Quảng-Tây, ông được tin vua Thanh không có ý gì muốn hưng binh nữa và các quan tòng-vong vua Chiêu-Thống đã bị róc bím, mỗi người an trí một nơi. Ông tức giận, tìm đến yết kiến các-thần nhà Thanh là Phúc-Khang-An để tranh biện. An đưa ông lên Yên-Kinh. Vua Thanh dụ ông vào đầu, róc bím, sẽ phong cho quan ngũ phẩm. Ông không nghe. Vua Thanh giận, bắt ông hạ ngục. Ròng rã 13 năm, khi bị uy hiếp, lúc được dụ do, ông vẫn không đổi ý. Khổ sở hay lợi lộc, ông đều coi như không. Để tỏ chí-khí mình, ông có câu:

« Tự khốn trùng gian hoài biều tiết,
Mệnh tòng nhất phát biều dan trung .. »

Xin tạm dịch ra quốc âm:
Khốn với quân gian không đổi tiết,
Thê cùng mái tóc phát biều lòng!

Ông lại có câu:
« Đại nghĩa thiên kim trọng,
Vi khu nhất điệp thanh .. »

Xin dịch ra quốc âm:
Nghĩa kia gấp mấy nghìn vàng,
Thân này xem tựa nhẹ nhàng lá cây.

Vua Gia-Khánh nhà Thanh lên ngôi, khen ông là người trung nghĩa, tha ra và cho tự tiện ăn mặc.

Ông có câu:
« Trạc phát nan thù tân vũ lộ,
Hồi đầu không phụ cựu sơn xuyên .. »
Xin dịch ra quốc âm:
Móc mưa rẽ tóc khôn đền,
Nước nhà canh cánh ở bên cạnh lòng.

Năm Gia-Long thứ 3, Thế-Tổ-Cao Hoàng-Đế xin đem hải-cốt vua Lê-Chiêu-Thống về nước. Vua Thanh cho ông theo phủ linh-cửu. An táng vua Lê-Chiêu-Thống xong, ông về nhà dưỡng nhàn rồi mất. Triều Tự-Đức sắc lập đền thờ.

Mái tóc không phải là vật không thể bỏ được. Tự ý muốn, hay vì chính-nghĩa thì bỏ có khó gì. Nhưng bị uy hiếp để lãng quên bản-phận, để nhục quốc-thê, thì lại không bỏ được. Ông Lê-Quỳnh có câu:

giữ mái tóc chẳng qua là cố giữ thể-diện nước nhà đó thôi; chứ tâm thần đã trải muôn cay nghĩa đắng, bùi, mái tóc kia, nếu chỉ là mái tóc trần, không có quan hệ gì đến đất, nước, giống nòi, ông có xá gì mà không bỏ được.

Vua Gia-Khánh cũng biết thế, nên khen ông là người trung nghĩa và

phong thịch cho phò linh-cửu vua Lê-Chiêu-Thống về nước để tỏ rõ khí-tiết.

*Giữ tiết như ông dễ mấy ai?
Đầu rơi chẳng quản, tóc khèn rơi!
Tiếng thơm đã nức miền Hoa-hạ,
Nước Việt xưa nay vẫn có người.*

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Phong trần mài một lười grom

(Phú dắc; văn: mài)

*Đất bằng đầu bông rắc trông gai,
Hùng-khi ngăn mây tuốt kiếm mài.
Lầm đất một phen tung bụi cát,
Soi trắng ba thước dầy oai trời.
Sá chi giàu bề hồng mua giặt,
Nghĩ đến non sông phải trở tài.
Đá núi đã mòn grom đã bóa,
Sỏi lang phút chốc bặt tăm hơi.*

Kỳ-Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC



Tri-ngộ

*Thừa ưa gập-gỡ sắt dưa cầm,
So mới tơ lòng giữa bán ám.
Diệt Sở tru Tần đành Hạng bại,
Vi Hàn tá Hớn dễ Trương làm.
Xuy liêu Cửu-Lý vô trăm khúc,
Mũi kiếm Hàm-Dương nguyên nhưt tâm.
Bình lửa chừơng nào an bốn biển,
Non xanh hái thuốc cũng vui thắm...*

Sài-gòn, 8-7-48

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

Vì ai mà...

I. - Vì ai mà

*Ngậm - ngùi khúc ly ca,
Phán tay kẻ ở sầu chan-chứa,
Cất bước người đi lụy nhỏ sa,
Lụy nhỏ sa, vì ai mà...*

II. - Nhớ ai mà

*Đau lòng nỗi cách xa,
Đường mây dậm gió mòn con mắt,
Ngày đợi đêm trông mấy khắc tà,
Mấy khắc tà, nhớ ai mà...*



Nửa bầu tâm sự...

III.—Thương ai mà

Nào ai thấu lòng ta.

Một mảnh tình riêng trời đất chứng,

Nửa bầu tâm sự tuyết sương pha.

Tuyết sương pha, thương ai mà...

IV.—Trông ai mà

Đêm năm khó nói ra.

Ôm cầm đợi khách đầu toan bạc,

Hé cửa chờ trăng tuổi đã già.

Tuổi đã già, trông ai mà...

V.—Sầu ai mà

Năm canh ngọn đèn tà.

Hạt sương trước trướng rơi tầm tã.

Giọt lệ trong chăn ướt đậm đà.

Ướt đậm đà, sầu ai mà...

TRƯƠNG-CHÍNH-ĐẠO

VĨNH-SỬ**Sơn Tinh**

Dưới trăng ai khéo định nhân duyên?
Trai thánh xe vào với gái tiên.

Lễ sinh ngày mai vừa đúng hẹn,
Kiệu hoa buổi ấy kịp băng miền.
Cung đàn non Tần nghe diu dặt,
Ngọn sóng sông Hồng nổi ghét ghen.
Giăng lưới đôi khi giữa nạn nước,
Ba Vì chót vót ngựa tàng trên.

Thủy Tinh

Nhân duyên tiền định bởi nơi trời.
Hờn giận chỉ cho nhẹ thề người.
Lời ước tai còn vang sấm dầy,
Lòng ghen máu đã sục dầu sôi.
Sóng tràn muốn lớp tuy hung-hãn,
Núi ngắt ba tầng vẫn thẳng-thời,
Nghĩ truyện tranh giành thêm ngàn truyện,
Vạ lây nói giống đã bao đời?

Kỳ Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

HUNG-ĐẠO-VƯƠNG**Trần-Quốc-Tuấn**

I

Vạc Trần giữ vững cả hải phen,
Cửu nước từ xưa nức tiếng truyền.
Núi Kiếp trước phơi xương Thát-Đát,
Sông Đàng sáu nhuộm máu Hồ-Nguyên.
Trận bày tám cửa gươm ba thước,
Văn đề muốn đời hịch một thiên,
Sóng gió Lục-dầu dù đã lặng,
Oai thần còn tưởng lúc trào lên.

II

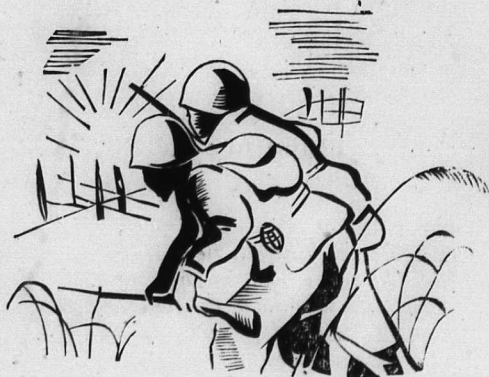
Hai phen giữ vững vực Đông A,
 Trừ sạch quân Nguyên cứu nước nhà.
 Một trận Bạch-Đằng thần quỷ khiếp,
 Ba quân Thất-Đất máu xương pha.
 Oai danh Vạn-Kiếp non cao ngất,
 Công đức Trưng-Hưng nước thẳm sa.
 Trung hiếu thần tiên hồ dễ mấy!
 Miếu đình muôn thuở ngát hương hoa.

Kỳ Hoa

NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Nợ tình, ơn nước

— Anh nghe gió rít đêm đông,
 Lòng anh có thấy lạnh-lùng chằng, anh?
 Bâng-khuáng bên nước, bên tình,
 Mộng-hồn như lá lìa cành tung bay.



Chiến - sĩ

— Em ơi, khỏi đạn mè - say.
 Hương lòng hẹn tỏa sau ngày vinh-quang.
 Với em, một trái tim vàng,
 Nhưng còn chúng tộc muôn ngàn đời sau?
 Với em, tình nghĩa bạc đầu,
 Nhưng còn đất nước nhuộm sâu, tình sao?
 Với em, chung chén rượu đào,
 Còn hai mươi triệu đồng-bào chờ mong?
 Với em, nầy điệu tơ đồng,
 Nhưng còn bao máu Lạc-Hồng tuôn rơi?
 Với em, mộng đẹp tuyệt vời,
 Nhưng còn phận sự làm người Việt-Nam?
 Vì anh thịt nát, xương tan,
 Sứ thêm một nét vinh - quang muôn đời.
 Chút tình nhi-nữ bời bời,
 Soi gương nên thẹn với người nghìn xưa.
 Ngọt-ngào một chén tiễn đưa,
 Đồng bào xin hãy say sưa chén đồng.

Em nghe gió rít đêm đông,
 Lòng em có thấy lạnh lùng chằng, em?
 Non - sóng ơn trả, nợ đền,
 Xuân thanh - bình sẽ vẹn niềm sắt-son.

ĐỖ-ĐỨC-TRÍ



Thơ : " HOÀNG - HẠC LÂU "

(của Thôi-hiệu đời Đường)

A I cũng biết ông thánh thơ đời Đường là Lý-thái-Bạch. Văn thơ của ông làm ra đều trong lúc thăng thốt hay trong khi say sưa cũng vẫn là những tác phẩm tuyệt diệu, đáng lưu truyền hậu-thế. Vì vậy mà vua Đường-minh-Hoàng cũng Dương-quý-Phi đều một niềm biệt đãi ông. Ông đương say nằm lăn ra đường ngủ, bị nội-giám lay dậy, đưa vào cung cấm làm thơ.

Ông vừa tỉnh rượu lại đòi uống rượu. Sau khi đã uống thêm không biết hàng bao nhiêu chén nữa, ông mới cầm bút thảo ngay mấy bài « thanh-bình-điệu », khiến vua và nhất là phi phải phục là thần cú.

Ông thánh thơ, thần rượu ấy một hôm cùng mấy ông bạn đều là hạng rượu thơ, lên lầu Hoàng-hạc uống rượu. Chẳng biết các ngài đã uống hết bao nhiêu rồi; chỉ biết khi rượu đã ngà ngà, Lý-thái-Bạch, biệt hiệu Trích-tiên, vì hôn thơ nổi dậy, nên gọi bút, định đề lên trường một bài thơ : « Hoàng-hạc lâu ».

Ông vừa muốn viết, thì chợt thấy trên tường đã có thơ ai đề đấy rồi. Ông ngừng tay, đọc xong, liền quăng bút đi nói : « Bao nhiêu cái đáng nói, người ta đã nói hết rồi, ta còn biết thêm gì nữa ». Xin chép

dưới đây bài thơ ấy, một bài của Thôi-Hiệu, cũng văn-sĩ đời Đường :

« Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư « Hoàng-hạc lâu ».
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phân,
Bạch vân thiên tải không du du.

Tình xuyên lịch lịch Hán-Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu,
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu. »

Một nhà thơ như Lý-thái-Bạch coi các văn-sĩ đương thời và đến cả các văn-sĩ thời trước nữa, chẳng ai vào đâu, nay phải quẳng bút không viết, vì đã có người đề thơ rồi thì bài thơ ấy tất phải hay lắm. Tiếc thay « Nhân tản tiêu giao học-sĩ » lại không kể cái hay ấy ra, nên hậu sinh còn có người chưa hiểu rõ bài thơ của Thôi tiên sinh hay như thế nào ? Nay thử tìm cái hay của bài thơ ấy, tưởng cũng không phải là một việc vô ích. Nhưng trước hết hãy nói qua về cảnh trí Hoàng-hạc lâu đã, thì mới dễ tìm thấy cái hay của thơ Hoàng-hạc lâu.

Ở phủ Vũ-Xương bên Trung-quốc, có núi tên là Hoàng-hạc sơn. Chính ở phía nam phủ này, về cuối đời Đông-Hán, trong thời thiên hạ sắp chia ba chân vực : Ngụy, Thục, Ngô, một danh-sĩ rượu nhiều, nói giở

là Nễ-Hành đã bị Hoàng-Tổ một viên tướng tâm thương của Lưu-Biêu, Thứ sử Kinh-Châu, giết chết. Cái chết của Nễ-Hành chỉ là cái chết của một cuồng-sĩ. Sở dĩ cái chết ấy còn ghi vào sử sách là vì Nễ-Hành đã có một sự nghiệp mẫn nhiếc một cách rất xác đáng và hùng hồn ông tổ nhà Ngụy là Tào-Tháo. Trên núi, có lầu cũng gọi là lầu : « Hoàng-hạc ».

Cảnh Hoàng-hạc sơn là cảnh đẹp thiên nhiên, hùng vĩ. Đứng trên lầu, phóng tầm con mắt khắp đó đây thì thấy phía trên không từng lớp mây phủ. Các lớp mây ấy lại là các lớp mây trắng, nên đã khéo gợi ở lòng người những mối sầu man mác hay những mối thương vân-vơ. Trên đã có mây, dưới lại có nước lững lờ trôi để hoàn bị cái vẻ đẹp thiên nhiên đượm chút buồn. Còn xa xa thì kia rừng Hán-Dương cây cối trùng trùng điệp điệp, nọ bãi Anh-Vũ, tắm thảm xanh tươi mơn mơn chạy giải hình nhự đến tận chân trời.

Tục truyền lầu Hoàng-hạc ở núi này là nơi Tử-An tiên-nhân đã có lần cưỡi hạc qua chơi. Chắc vì thế nên cả núi lẫn lầu đều lấy tên là Hoàng-hạc. Tiên-nhân cưỡi hạc xuống chơi lâu rồi lại cưỡi hạc đi, không còn bao giờ trở lại. Cảnh đấy người đâu ? khiến hậu-nhân bước chân lên lầu trông trời, ngắm

nước, nhìn cây không khỏi cũng vương lấy một nỗi buồn man mác.

Thôi tiên-sinh, một tâm-hồn thi-sĩ, đối cảnh cũng phải vân-vơ thương tiếc. Ngay câu đầu bài thơ, tiên-sinh đã nói ngay đến cái nỗi người đi, cảnh ở. Người là vật linh động; vì người mà núi và lầu mới có tên. Nay người đã đi rồi chỉ còn trơ lại có lầu là vật vô tri, nên đứng trên lầu ai chẳng nhớ đến bậc thanh cao bất tử đã từng tới qua thăm...

« Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư « Hoàng-hạc lâu »

Người đã đi rồi không bao giờ trở lại. Sự ấy dễ khiến người sinh cảm. Hơn nữa, trên đầu lúc nào cũng thấy các lớp mây trắng đùn đùn, nên nỗi buồn của người đã cảm lại thêm tăng.

« Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phân,
Bạch vân thiên tải không du du. »

Phóng tầm con mắt đó đây thì ngoài lớp mây trắng đượm vẻ buồn; xa xa kia rừng Hán-dương trùng trùng điệp điệp bên dòng nước lững lờ trôi, nọ bãi Anh-Vũ tí tít thăm tận đầu đầu :

« Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu. »

Mắt đã trông xa chỉ thấy rừng cây bãi sông... bát ngát mông mênh, lòng há lại chẳng nghĩ đến quê cha đất tổ là nơi mà trong những lúc buồn man mác, người ta thường

nghe tới. Nhưng trời đã về chiều, cảnh vật đã dần mờ phai, thì còn thấy đâu là chốn cổ hương xa tít mấy dặm nghìn. Có thấy chăng chỉ là ngọn sóng lăn tăn và đám khói mờ ở lòng sông bốc lên, mà các thứ ấy cũng lại chỉ khiến cho người sầu càng thêm sầu mà thôi :

« Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu. »

Bài thơ Hoàng-hạc lâu hay đến nỗi Lý-trích-Tiên phải thân phục là ở chỗ tác giả trông thấy thế nào thì nói thế ấy, không phụ phẩm thêm thắt nhưng cảnh vật tận đâu đâu, để rậm thêm cảnh mình đương trông. Và đối cảnh sinh tình nào, thì nói về tình ấy, không nặn nọt vẽ vờ ra những tình ý viên vòng không có thực. Làm thơ thấy thế nào nói thế ấy, xúc động làm sao tả làm vậy thì thi-nhân giống hệt họa-sĩ thấy cảnh sắc thế nào tô điểm như thế ấy. Thêm một nét không đâu hay nói một nhời thừa đều khiến cho bức họa hay bài thơ mất vẻ tự nhiên, tức khắc phải kém cái đẹp, cái hay mà hóa-công một họa-sĩ và một thi-nhân hoàn toàn đã khéo vờn tả ra. Ngoài ra, trình bày cảnh vật lại chỉ trình bày một cách lỏng quắt thôi để người đọc sẽ tự cảm giác, nên thơ ỷ nhiều mà nhời ít chẳng khác bức tranh chấm phá nét ít mà cảnh nhiều.

Bài thơ Hoàng-hạc lâu của Thôi-Hiệu là bài thơ tuyệt bút, càng đọc càng thấy hay. Nay đem dịch ra quốc-âm làm chút duyên thừa văn-tự với cô-nhân tưởng cũng không phải là một cưỡng-vọng, dám mong các bậc thi-bá phủ chính cho :

Bài dịch theo thể lục bát

Người xưa cưỡi hạc đi rồi,
Mà lầu Hoàng-hạc còn phơi chốn này !
Một đi hạc chẳng về đây,
Nghìn thu mây bạc chất đầy nhớ nhung !
Dòng trong cây Hán trùng trùng,
Cỏ thơm bãi Vũ mọc trong cảnh buồn.
Que nhà ẩn bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng như tuôn mạch sầu.

Bài dịch theo đường luật

(của gia đệ Kỳ-Sinh NGUYỄN-VĂN-THỌ)

Người xưa cưỡi hạc lánh từ lâu,
Hoàng-hạc trơ đây một mái lầu.
Cách biệt hạc vàng nào những thuở,
Lững lờ mây trắng tự ngàn đầu.
Dòng trong bến Hán cây xen lớp,
Hương ngát châu Anh cỏ rợn mầu.
Gác bóng nào đâu nơi cổ quận ?
Khói mờ mặt sóng để ai sầu !

Kỳ Hoa
NGUYỄN-VĂN-TRƯỚC

Thêm một vài tài-liệu về « thơ Hoàng-Hạc-lâu »

Cảm - tưởng và sự - tích cổ - truyện về bài Hoàng-Hạc-lâu (1)

TỪ xưa tới nay có lẽ hầu hết các bạn yêu chuộng văn-chương đều biết đến bài Hoàng-hạc-lâu của ông Thôi-hiệu. Lại có rất nhiều thi-nhân, văn-sĩ đã từng dịch ra tiếng nước nhà, nhưng vẫn chưa thoát được hết ý của tác-giả vì bài ấy đã hay về phương diện văn-chương, sự-tích lại lý kỳ huyền-hoặc. Nhân vì ngẫu hứng sau khi xem lại bài đó, tôi đánh bạo đem diễn tả ra đây và thuật lại sự-tích để hiển các bạn đọc một câu chuyện vui, không kém phần hứng thú. Phần nhiều trong kho tài-liệu nước

NGUYỄN-VĂN-NHÂN

ngoài, cũng như trong nước nhà, chung quanh những áng văn bất-hủ thường hay có những điển-tích, hành-động, hoặc tâm-sự riêng của tác-giả, bởi thế ta cần phải tìm biết đến để hiểu rõ thêm giá-trị văn-chương và luận-lý ở trong. Tôi tin rằng những áng văn hay sẽ là những liều thuốc bổ cho tinh-thần, có thể làm hưng khởi các thi-nhân, và làm cho ta tạm quên giây phút hiện-tại để cùng với tác-giả cảm-thông cái đẹp thiên nhiên của tạo-hóa.

« Ngọn Hoàng-hạc-sơn thuộc về tỉnh Hồ-bắc, huyện Vũ-xương bên Tàu. Đứng trên ngọn núi trông ra

thấy bát ngát một màu, phong cảnh thật là tuyệt đẹp. Xa xa thành Hán dương như ẩn như hiện trong lớp khói lam chiều. Con sông Trường-giang nhẹ nhàng uốn khúc quanh co. Trên bờ sông có hai hàng cây mọc thẳng tắp, chiếu xuống mặt nước phẳng lặng như một tấm gương. Ngày tháng năm qua, giòng sông Trường-giang vẫn lững lờ trôi... như lẫn vào với chân trời mây vẫn. Phía tây-bắc có một cái ghềnh đá

nhỏ hần lên trên mặt nước. Dưới chân núi. bãi cỏ thơm Anh-vũ xanh biếc mịn màng, mênh mông như một tấm thảm tân kỳ. Thật là một bức họa thiên nhiên mà thi-sĩ Thôi-Hiệu đã ghi được bằng những lời thơ tuyệt-diệu.

Phong cảnh núi Hoàng-Hạc rất đẹp cho nên có nhiều tao-nhân, mặc khách thường đến đó du ngoạn. Trên núi có một cái quán, lập ra

(1) Thơ Hoàng-hạc lâu của Thôi-hiệu có nhiều sự tích khác nhau. Bài này cũng như bài đăng trên đây dưới nhan đề « Thơ Hoàng-hạc-lâu » của Kỳ-hoa, chỉ là một trong những giai-thoại chính, được truyền tụng về một áng thơ hay. Các câu truyện thêu-dệt ra như vậy, đã chứng tỏ sự hoan nghênh của độc-giả đối với một văn thơ bất hủ.

L.T.S.

đề dọa những khách đấng - sơn muốn nghỉ chân uống trà, hay mượn chén cho hứng khởi nguồn thi-từ.

Một buổi sáng mùa xuân, chủ quán coi bộ vui vẻ, chợt thấy một người khách lạ vào quán. Khách trông có vẻ hào-hoa, phong-nhã, khác hẳn người thường. Lúc đàm-đạo, chủ quán thấy khách là người lịch-thiệp, bất giác đem lòng kính mộ. Khách có ý muốn ở lâu, chủ quán vội sai dọn một căn buồng sạch sẽ hơn cả để lưu khách lại...

Ngày lại ngày qua, cứ đến bữa ăn thì khách về, ăn xong lại đi chơi, rong ruổi không ai biết là đi đâu và làm những việc gì. Được gần nửa năm như thế, không thấy ông khách đã động gì đến tiền nong cả, chủ quán trong lòng cũng đâm lo ngại. Nhiều lúc muốn hỏi lại thôi, vì mấy khi gặp được ông khách hào-hoa lịch-sự như thế, nếu nhắc đến tiền chẳng hóa ra mình bắt nhả với khách lầm ru ! Một hôm, khách mời chủ quán đến bảo rằng :

— Ta có việc vội phải đi ngay, nên có lời từ biệt và cảm ơn chủ quán đã có lòng hậu đãi ta. Còn về việc tiền nong, quả tình là ta không có, nhưng ta đã có cách bù lại số tiền ấy để đền công,

Chủ quán thấy khách nói thế, lấy làm phân vân khó nghĩ, nhưng vì việc đã xảy ra như thế còn biết tính sao, đành để tùy ý ông khách định liệu. Đang khi lưỡng-lự, chợt

thấy ông khách lấy ra một ít thuốc hòa với nước, rồi lấy bút vẽ lên trên tường một con hạc màu vàng, lớn hơn con hạc thật. Vẽ xong, khách dặn rằng :

— Khi nào đông người, hay có tao-nhân-mặc-khách đến uống rượu, thì mời hạc ra múa cho khách xem. Múa xong lại bảo nó lui vào chỗ cũ, và chớ nên khinh xuất lúc nào cũng sai hạc ra múa cho bất kỳ ai xem. Làm như vậy, nhà người sẽ có nhiều khách đến thưởng thức và sẽ kiếm được nhiều tiền.

Chủ quán đành phải nghe theo. Khách từ biệt mà đi.

Sau khi khách đi rồi, chủ quán muốn thử xem lời ông khách có đúng không, vội sai hạc ra múa cho mình xem trước. Nhưng hạc không ra, cứ đứng nguyên một chỗ, chẳng hề động đậy. Chủ quán lấy làm bực mình, tự nghĩ cho là ông khách đã lừa dối, và định tâm hôm nào sửa sang lại tửu quán sẽ quét với lên con hạc ấy cho mất hết dấu vết đi, khỏi bận lòng nghĩ đến nữa.

Cách ít lâu sau, nhân việc sửa sang lại quán, sẵn có với liền quét lên trên con hạc, nhưng lạ thay quét xong, lúc với khó, hạc lại hiện rõ ra. Quét hết lượt này đến lượt khác, nó vẫn cứ đứng trơ trơ. Thấy sự lạ lùng, chủ quán đành thôi không quét nữa.

Khi dọn dẹp nhà cửa xong xuôi, một hôm có khách từ phương xa đến uống rượu. Lúc ngà ngà say,

khách hỏi thăm chủ quán về bút tích con hạc ở trên tường, khen ai khéo vẽ mà nét bút trông linh-hoạt thế ? Chủ quán kể chuyện lại, khách nghe xong yêu cầu chủ quán thử mời hạc một lần nữa xem sao. Chủ quán chiều ý ra mời. Bỗng nhiên, hạc từ từ ở trong tường nhẩy ra, vẩy cánh múa cho khách xem mấy điệu rất là ngoạn-mục. Múa xong, hạc lại trở về chỗ cũ. Khách vỗ tay tán-thưởng không ngớt lời, cho đấy là một sự lạ chưa từng thấy.

Câu truyện hạc múa dần dần đồn đại đi khắp mọi nơi, cho nên có rất nhiều người rủ nhau lên uống rượu để xem hạc. Quán rượu từ đấy lúc nào cũng đông khách tấp-nập ra vào. Chủ quán thu được một mối lợi to vô kể...

Ba năm sau, cũng một buổi sáng mùa xuân, ông khách năm xưa lại lững thững đến. Chủ quán vội chạy ra tiếp đón một cách rất cung-kinh. Khách hỏi rằng :

— Chủ quán còn nhớ ta là ai không ?

Chủ quán thưa :

— Thưa Ngài, tôi vẫn còn nhớ, và nhờ có con hạc của Ngài, nên bây giờ tôi khá hơn trước nhiều.

Khách lại hỏi :

— Thế đã đủ số tiền uống rượu của ta chưa ?

— Bẩm đủ lắm rồi ạ ! Quả cả số tiền ấy nhiều lắm !

— Vậy hôm nay ta đến xin hạc về.

Nói rứt lời, khách lấy ống tiêu ra thổi một khúc du-duong, trầm-bồng. Hạc nghe thấy tiếng tiêu, vội nhẩy ra đứng ở bên cạnh. Khách lại nói :

— Ta là Lã-dồng-Tân đây, thật ra ta có cần chi đến miếng ăn hộp uống đầu, vì thấy nhà người phúc hậu, nên muốn thử lòng nhà người đấy thôi. Mong rằng nhà người lúc nào cũng nên giữ vững một lòng hiền-đức thì đời sau con cháu sẽ được hưởng lộc Trời lâu dài.

Nói xong, cưỡi hạc bay đi mất. Chủ quán nhớ ơn mới xây một cái lầu ở trên núi đặt tên là Hoàng-hạc-lâu, và sự tích Hoàng-hạc-lâu cũng được truyền tụng từ đó.

Về năm Khai-nguyên nhà Đường, có một đàn'-sĩ tên là Thôi-Hiệu người đất Biện-châu đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Tư-huân-viên-ngoại-lang, lúc qua chơi đất Vũ-xương, lên lầu uống rượu nhìn ra thấy phong cảnh rất nên thơ, nhớ đến người xưa, cảm-hứng bèn phóng bút để một bài thơ mà các bạn vẫn thường đọc dưới đây :

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không du Hoàng-hạc-lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán-duong thụ.
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

Xin tạm dịch :

Người xưa đã cười hạc vàng đi,
 Lầu Hạc còn đây, dấu vẫn ghi.
 Một sớm, hạc vàng xa lánh hẳn,
 Ngàn năm mây trắng vẫn vương chi.
 Nước êm sông Hán, cây im bóng,
 Hương ngát châu Anh, cỏ phẳng lì.
 Chiều xuống, quê hương đâu tá nhĩ?
 Đầy sông khơi sóng gọi sầu bi.

Khi Lý-thái-Bạch lên núi du ngoạn, thấy cảnh đẹp cũng định đề thơ, lúc vào chơi lầu Hoàng-hạc nhìn lên đã thấy có bài thơ của Thôi-Hiệu ở đấy rồi. Lý-thái-Bạch xem xong bài đó, thấy không còn gì nói hơn được nữa, chỉ ghi lại có bốn câu sau đây :

*Lương thủ bát khai Hán-dương thụ,
 Nhất túc dịch hoán Anh-Vũ châu.*

*Nhơn tiền hữu cảnh đạo bất đắc,
 Thôi-Hiệu đề thi tại thượng đầu.*

Xin tạm dịch là :

*Hàng cây sông Hán, đời tay đẹp,
 Lối cổ châu Anh, một bước đi.
 Có cảnh, mắt nhìn không tả được,
 Trên đầu Thôi-Hiệu đã đề thi.*

Bốn câu trên đây khiến ta khó hiểu tâm-sự của Lý-thái-Bạch lúc bấy giờ, nhưng xem ra có vẻ bức tức. Ông tự lấy làm giận, giận không đề được thơ vào lầu Hoàng-Hạc, bèn về Kim-lăng, lên Phụng-Hoàng - đài đề một bài thơ Phụng-Hoàng-dài hay không kém gì bài Hoàng-hạc-lâu, đề có ý muốn sánh với ông Thôi-Hiệu.

Nếu có dịp, tôi sẽ gửi đăng bài ấy để các bạn đọc nhàn-lắm.

Hoa thắm nở trong lòng

*Trời xanh vương mái tóc,
 Hoa thắm phủ bàn chân,
 Cuộc đời có nghĩa hay không nghĩa,
 Hồn bạn còn xuân hoặc hết xuân?
 Mấy ly rượu ngọt say hồn đạo,
 Một áng thơ hay sạch bụi trần.
 Bạn tìm thi-tử trong sơn-thủy,
 Tôi tìm lý-lưỡng trong phong-vân.
 Trời xanh, hoa thắm nguy-nga ấy,
 Có có, không không do tự tâm.*

TRỤ-VŨ

Tham-khảo triết-lý Đông-phương
LÃO-TỬ

LÃO tử là một đạo gia, một nhà « bác đại nhân nhân » của nước Trung-Hoa thuở xưa mà các bậc hậu nho đã biện luận nhiều về lai lịch. Nhiều câu hỏi đã sôi nổi trong rừng nho : Sách « Lão-Tử » có từ bao giờ ? Lão tử là ai ? Lão-tử sinh trước Khổng-Tử hay sau này về đời Chiền-Quốc ?

Theo truyền thuyết thì sách « Lão-Tử » do Lão-đam trước thuật, mà Lão-đam thì sinh trước Khổng - Tử. Nhưng có nhiều bằng cứ cho ta rõ ràng sách ấy đã trước thuật về thời Chiền Quốc.

1) Trước thời Khổng Tử, tư nhân chưa ai trước thuật ; vậy sách « Lão Tử » không thể có trước sách Luận ngữ được.

2) Thế vẫn trong sách Lão-Tử không phải là thế vẫn đáp, vậy phải viết sau những sách Luận-ngữ và Mạnh-Tử.

3) Bút pháp của sách ấy rất giản minh y như bút pháp của các « Kinh », vậy đó là một tác phẩm của đời Chiền Quốc.

Tác giả sách ấy là Lão-đam hay Lý-nhĩ ?

Sở dĩ có sự ngộ nhận mà cho Lão-đam là Lý-nhĩ là vì sự ngộ nhận của nhà làm sử trước danh Tư-mã-Thiên, khi viết sách Sử-

Ký cho Lý-Nhĩ với Lão-đam là một người. Kỳ thực thì Lão-đam chỉ là một nhân vật thần thoại mà lai lịch đến nay vẫn chưa ai rõ.

Còn Lý-nhĩ là một nhân vật có thực, một thủ lĩnh của đạo Lão sinh về đời Chiền-Quốc mà Tư-mã-Thiên đã khảo sát tinh tường trong sách « Sử Ký » : « Lão-tử là người huyện Sở-Khò làng Lệ-Hương, khúc nhân lý; tên là Nhĩ, tên tự là Đam, họ Lý... Lão tử tu hành đạo đức ; học thuyết của

ông chủ trương « tự ẩn vô danh » nghĩa là ẩn dật để tu đạo mà không muốn cho ai biết đến mình. Lão tử

là bậc « ẩn quân tử »... » (Sử Ký)

Quan-niệm « đạo đức »
của Lão Tử.

Chữ « đạo » theo quan niệm của cổ nhân, chỉ có nghĩa là đạo làm người, nhân đạo ; mãi đến Lão-tử chữ đạo mới thêm một nghĩa khác nữa, một ý nghĩa đặc biệt, ý nghĩa hình-phi-thượng. Lão-tử cho rằng trời đất cùng muôn vật sinh ra tất do một nguyên-lý bao trùm hết cả, một tổng nguyên lý, gọi là « Đạo ».

« Trước lúc trời đất khai lập, có một vật hợp thành bởi những yếu tố phức tạp, vật ấy tịch tịch mà rộng rãi, đứng một mình

NGUYỄN-QUANG-XUÔNG

mà không thay đổi, đi vòng khắp mà không cùng, có thể sinh ra thiên hạ, ta không biết tên vật ấy là gì, viết ra chữ là « Đạo », tạm đặt tên mà gọi là « Đại ». (1)

Đạo không có ý chỉ, cho nên tác dụng của đạo tức tác dụng của vạn vật, nhưng vạn vật đều bởi Đạo mà sinh ra cho nên Lão-tử nói: « Đạo thường không làm gì mà không có gì là không làm » (2)

Sự vật có thể đặt tên mà gọi được vậy là có thực, còn Đạo không phải là sự vật thì chỉ là không. Song Đạo có thể sinh ra trời đất, muôn vật, vậy đạo lại là có thực. Như vậy thì Đạo gồm cả không và có; nói về thế tức là không, mà nói về dụng lại là có. Có và không do ở đạo mà ra, có và không tức là hai phương diện của Đạo. Lão tử còn nói: « Trời đất, muôn vật sinh ra bởi có, có sinh ra bởi không » (3)

Đạo là nguyên lý tổng quát sinh ra trời đất, muôn vật, cho nên không phải là một vật cụ thể mà cũng không thể lấy một danh từ cụ thể để hình dung ra được; vì nếu đã là một danh từ thì phải có tính cách hạn chế và xác định. Danh từ đúng để chỉ một sự vật nhất định, nghĩa là hạn chế và khu biệt sự vật này đối với sự vật khác; xác định cái này chứ không phải cái kia. Trái lại « Đạo chu hành nhi bất đãi », đi khắp cả mà không cùng, ở chỗ này lại ở chỗ kia, chính là cái này mà cũng lại là cả cái kia nữa. Vì vậy Lão tử nói: « Đạo thường vô danh » Đạo thường không có tên; « Đạo ẩn vô danh » Đạo kín không có tên.

Đức là gì? — « Đức là đức đạo » (Quản-tử). Đức đạo nghĩa là hợp với nguyên-lý bao quát. Vạn vật sở dĩ sinh thành được là vì đức đạo. « Vật đắc dĩ sinh » (Quản-tử) Quản-tử lại còn nói: « Đức là cái nhà của Đạo », nghĩa là: Đạo ngụ ở trong mọi vật tức là đức; vậy Đạo với Đức đi đôi với nhau, liên lạc mật thiết với nhau.

« Đạo sinh muôn vật, Đức nuôi sống muôn vật » (Lão tử). (6)

Tóm lại theo nghĩa siêu hình thì vũ trụ và vạn vật sinh ra do một nguyên lý tổng quát gọi là Đạo, mọi vật theo đúng nguyên lý ấy tức là hợp với lẽ tự nhiên, gọi là đức đạo; đức đạo tức là có Đức. Như người có đức tức là người tu dưỡng đức đạo; mọi vật đức đạo tức là hợp với lẽ tự nhiên mà sinh hóa theo nhịp sống của tạo vật.

Thường nghĩa là gì?

Theo đạo Lão thì mọi sự biến-hóa trong Vũ Trụ đều do một thống tác, một định luật gọi là « thường ». Hàn-phi-Tử giải thích chữ « thường » của đạo Lão như sau: « Phạm vật lúc còn lúc mất, thoát sống thoát chết, trước thịnh sau suy, như thế không gọi là « thường » được....., duy có trời đất không chết không suy mới gọi là thường..... » (7)

« Thường » có nghĩa là phổ thông và trường cửu, cho nên « Đạo » còn gọi là « thường đạo ». « Đức » do ở trong « Đạo » mà ra cho nên gọi là « thường đức ». « Đức thường thời đầy đủ, lại quay về tính chất phúc; Đức thường không thay đổi, lại trở về nơi vô cực » (8)

Khi nói Đạo là không thì nói « thường vô »

1.) *Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hê, liêu hê, độc lập nhi bất đãi, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu, ngộ bất tri kỳ danh, tư chi viết đạo, cường vi chi danh viết đại* (Lão tử thượng thiên).

2.) Đạo thường vô vi nhi vô bất vi

3.) Thiên địa vạn vật sinh ư hữu. hữu sinh ư vô.

4.) Đức giả đức dã.

5.) Đức giả đạo chi xá.

6.) Đạo sinh chi, Đức súc chi.

7.) *Phụ vật chi nhất tồn, nhất vong, sự tử, sự sinh, sự thịnh nhi hậu suy giả bất khả vi thường..... chi ư thiên địa, bất tử bất suy giả vi thường.*

8.) Thường đức nữ tức, phục quy ư phúc, Thường đức bất thác, phục quy ư vô cực.

Khi nói Đạo là có thì nói « Thường hữu » Khi nói Đạo không thể hình dung được thì nói « Đạo thường vô danh » (1)

Lão tử cho rằng người ta biết được cái « thường » ấy tức là hạng minh triết: « Mọi vật phổ biến đều trở về gốc cả; trở về gốc gọi là « tinh » như thế gọi là « phục mệnh » (tức là lại trở lại thiên nhiên) « phục mệnh » gọi là « thường »; biết đạo « thường » gọi là sáng suốt » (Lão tử) (2)

« Người biết « đạo thường » thời hay khoan dung; khoan dung là công bằng; công bằng là vương đạo; vương đạo là đạo trời; trời là đạo; đạo thời trường cửu..... »

Trái lại người không biết « đạo thường » tức là không rõ cái thống tác biến hóa của sự vật trong Vũ Trụ, tất nhiên hành động cầu thả, gặp chăng hay chớ, sẽ bị tai ương « Không biết đạo thường, làm cần gặp sự không hay » (3) (Lão tử hạch hồ)

Luật phản-phục.

Một định luật trong sự biến hóa của vạn vật là khi một sự vật phát triển đã đến cực điểm thời quay trở lại nguyên điểm, tức là luật phản phục tự nhiên: « Quay trở lại là thế động của Đạo » (4)

Theo lệ phản phục ấy mà « Hòa dựa ở trong phúc, phúc nấp ở trong họa; ngay lại hóa ra gian, lành lại hóa ra dữ..... » (5) « Cho nên lấy đạo đức giúp các vị chủ tể mà không lấy binh lực đàn áp thiên hạ, thời lại được đến bử trở lại... Cái rất mềm của thiên hạ đuổi được cái rất cứng của thiên hạ. Thiên hạ không có cái gì mềm yếu hơn nước thế mà nó đánh bại những cái cứng khô, không có cái gì thắng được nó... » (Lão tử hạch hồ) (6)

Thuyết Phản phục của Lão tử không khác gì thuyết « Chính, phản, hợp » của Hegel (7) Theo nhà triết lý ấy thì lịch sử tiến hóa của vạn vật phải qua ba giai đoạn: Chính, phản và hợp (thèse, antithèse, synthèse). Một sự

vật phát triển đến cực điểm phải quay trở lại khởi điểm, tức là tự điểm chính mà đi đến điểm phản. Cho nên « Cái thẳng quá tựa như cong, cái khéo quá tựa như vụng » vì nếu chỉ thẳng không thôi tất hóa ra cong, chỉ khéo không thôi tất « lộng xảo » thành vụng. Chỉ có cái thẳng mà bên trong bao hàm cái cong, chỉ có cái khéo mà bên trong bao hàm cái vụng mới gọi là cực thẳng cực khéo. Như vậy tức là chính với phản hợp nhất với nhau ở giai đoạn thứ ba (synthèse) của lịch trình tiến hóa. Cực thẳng không phải là cong mà chỉ là hình như cong; cực khéo không phải là vụng mà chỉ là hình như vụng.

Theo đúng thống tác phản phục ấy thời người « tri thường » « suốt đời không bị nguy khốn » (8)

a) Ứng-dụng thông-tắc phản phục vào phép xử-thế

Luật phản phục bao quát cả mọi sự vật, nhưng ứng dụng vào phép xử thế, Lão tử cho rằng:

(1) Đạo thường vô danh: đạo thường không có tên.

(2) Phụ vật vân vân, các phục qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh, phục mệnh viết thường, tri thường viết minh.

(3) Bất tri thường, vọng tác hung.

(4) Phản giả đạo chi động (Lão tử)

(5) Hòa hê phúc chi sở ỷ; phúc hê họa chi sở phục... chính phục vi kỳ, thiên phục vi, yêu.

(6) Dĩ đạo là nhân chủ giả bất dĩ binh cường thiên hạ kỳ sự hiểu hoàn... Thiên hạ chi chi nhu, tri sinh thiên hạ chi chi kiên... Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy nhi công kiến cương giả mạc chi năng thắng..... (Lão tử hạch hồ)

(7) Hegel nhà triết học Đức (1770-1831)

(8) Một thân bất đãi.

« Muốn co lại tất phải căng mở ra đã ; muốn làm cho yếu đi tất phải làm cho mạnh lên đã ; muốn trừ bỏ đi tất phải làm cho phát đạt lên đã ; muốn chiếm lấy tất phải cho đã ; yếu làm tất phải tồn phi nhiều ; ky cốp nhiều tất phải mất đi làm » (Lão tử hạch hồ) (1)

Nếu luật ấy đúng thời, theo Lão tử, người « tri thường » tức là người trong phép xử thế phải làm trái mục đích mà mình định đạt tới, rồi do hiệu lực của luật phản phục họ sẽ thu được những kết quả mong muốn....

V) là ý mà Lão-tử cho rằng :

« Bậc thánh nhân đặt địa vị mình sau kẻ khác rồi tự khắc thân mình hóa ra ở trước kẻ khác ; bỏ thân mình ra ngoài (không kể đến), thân mình tự khắc được tồn tại. Chẳng phải vì không nghĩ đến riêng mình đây ư ? Mà thành ra lại riêng mình. Hiền từ cho nên hóa ra mạnh ; tiết kiệm cho nên hóa ra rộng rãi ; không dám tranh phần trước với thiên hạ cho nên đặc dụng được lâu dài.... » (Lão tử hạch hồ)

Đề tóm tắt đại cương phép xử thế của nhà đạo sĩ ấy, ta có thể dẫn câu sau đây cũng trích trong thiên Hạch hồ : « Đứng thánh nhân bỏ những điều thái quá cùng những điều sa si yên vui, bởi vì những sự thái quá và sa si ấy sẽ đem lại những kết quả trái ngược lại tức là những điều không hay.

Ở đây đạo Lão với đạo Nho có chỗ gặp nhau vì đạo Nho cũng khuyên người ta không nên đi xa quá mực trung : « Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung »

b) Ứng-dụng thông-tắc « phản phục » vào phép trị dân

« Nước nhón chịu kém nước nhỏ thời lấy được nước nhỏ ; nước nhỏ chịu kém nước nhón thời lấy được nước nhón.... Muốn

đi trước dân, tất phải để mình sau dân.... Người ta nhiều khôn khéo thời vật là càng nhiều ra ; hình pháp càng rõ rệt thời trộm cướp lại có nhiều..... Ta không làm gì mà dân tự hóa ; ta thích yên tĩnh mà dân tự an ở ngay thẳng ; ta không làm gì mà dân tự trở nên giàu ; ta không có đức vọng mà dân trở nên chất phác (4)

Đại để về quan niệm chính trị, Lão-tử chủ trương thuyết « tự nhiên » nghĩa là vô vi, quá đức, để đạt đến mục đích là hạnh phúc của dân ; hạnh phúc ấy sẽ là kết quả phản phục của chủ nghĩa « tự nhiên ». Vô vi sẽ thành « vô sở bất vi ». Không làm gì mà thành không việc gì là không làm ; quá đức là ít sự muốn, tất nhiên nhu cầu sẽ cũng ít mà sự thỏa mãn càng được tăng nhiều.

(1) Tương đức hấp chi tất cổ trương trị ; tương đức nhược chi tất cổ cường chi ; tương đức phế chi tất cổ hưng chi ; tương đức đoạt chi tất cổ dữ chi ».... « Thâm ái tất đại phí ; đa tàng tất hậu vong »

(2) Thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn phi dĩ kỳ vô tư da ? Cổ năng thành kỳ tư. Tư cổ năng dưỡng, kiếm cổ năng quảng, bất cảm vi thiên hạ tiên cổ năng thành khí trường.

(3) Thánh nhân khứ thậm, khứ sa, khứ thái.

(4) Đại quốc dĩ hạ tiểu quốc tắc thủ tiểu quốc ; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc tắc thủ đại quốc..... Đức tiên dân ất dĩ thân hậu chi..... Nhân đa kỹ xảo, kỹ vật từ khởi ; pháp lịnh từ chượng đạo tắc đa hữu.... Ngã vô vi nhi dân tự phú ; ngã vô đức nhi dân tự phác. (Lão tử hạch hồ)

TÔNG - KẾT

Chính sách « vô vi » là một chính sách tiêu cực ở trong có nhiều điều huyền hư không thể hiểu và tin được. Như Lão-tử còn chủ trương thuyết « bất trị » tin rằng bất trị trái lại sẽ hóa ra trị ; « Bất thượng hiền » không chọn người hiền tài để trị dân trái lại dân sẽ yên không tranh dành nhau. Tiên sinh lại còn nghĩ rằng : « Hạng trị thức xuất hiện thì sinh ra đại nguy » và « Dân khó trị là vì khôn nhiều » (a)

(1) Tri tài xuất, hữu đại nguy

(2) Dân chi nan trị dĩ kỳ tri da.

Vì thế, về sau, có người ngờ tiên sinh tán thành chính sách ngu dân. Thực ra, quan niệm về chính trị của Lão-tử, chủ trương thuyết « tự nhiên », « quá đức » và « bất trị », rất khó hiểu. Hầu như tiên sinh đứng vào lập trường tiêu cực, nên không muốn người ta dùng hay không dùng chính sách « ngu dân ». Nhân đó, trong số 1 tạp chí Văn-hóa Nguyệt-san, bài « Quyền học tập », Ông Huyền-Thanh đã tưởng rằng Lão-Tử phản đối chính sách ngu-dân, mà ở đây, độc giả có thể ngờ Lão-tử tán đồng chính sách đó. Thiết nghĩ như lời ông Nguyễn-quảng-Xương bàn trên đây, tư tưởng của Lão-Tử có « nhiều điều huyền hư, không thể hiểu và tin được », ta nên để nó trong địa hạt thiên nhiên, lý tưởng, không nên quá bạo áp-dụng vào các chi tiết thực tế, mới khỏi sai quan niệm của Lão-Tử, và khỏi gây ra những mâu thuẫn bất ngờ.

L.T.S.

Học thuyết của Lão tử cũng như của các nhà « đạo học » khác, đều gọi là huyền học vì các học thuyết ấy chủ trương những lý tưởng viên vọng không đi sát thực tế ; không như Khổng giáo hay Phật giáo là những học thuyết mà người ta có thể dễ hiểu và dễ theo.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của đạo Lão vẫn còn ăn sâu vào trí não người Việt-Nam. Không kể những ảnh hưởng xấu về di đoan mê tín, cả đến văn chương, lễ nghĩa, phong tục, cũng còn giữ các vết tích sâu xa của đạo Lão. Người Việt-Nam ưa nhân thích tĩnh, chuộng đời sống giản dị, phóng khoáng, tự nhiên, coi thường cái chết ; những đặc tính ấy phần nhiều do đạo Lão di truyền lại.

Đại cương, về phương diện triết học, đạo Lão chủ trương thuyết « thiên diện cạnh vật » (sélection naturelle) ; về phương diện tu dưỡng và học vấn, chủ trương thuyết « vô vi thanh tịnh » và phản đối thuyết phục cổ về chính trị, phản đối chính thể chuyên chế, trái lại, chủ trương thuyết bình đẳng « tôn hữu dư bỏ bất túc » (bớt chỗ thừa để bù vào chỗ thiếu), ghét sự sa si vụ danh ; chuộng tính cần kiệm chất phác, tiết chế lòng dục vọng của con người ; kết quả để cầu cho từng lớp trong xã-hội không chênh lệch quá vì như thế mới mong tránh được những cuộc cách mệnh giai cấp và duy trì được trật tự ; an ninh trong xã hội.

Nền chính-trị và hành-chính Việt-Nam

(Tiếp theo và hết) (1)

Về phương-diện hành-chính, bên cạnh các quan lại Việt-nam tại hai xứ bảo-hộ, người Pháp đặt các viên-chức Pháp để giúp đỡ việc cai-trị; tại Nam-Kỳ, các viên chức cai-trị Pháp tiếp xúc thẳng với dân-sự.

Bên cạnh các chức-vụ hành-chính đó, lại có các cơ-quan tư-vấn cốt để giúp việc các nhà chỉ huy về phương-diện chính-trị tổng quát hay chuyên môn: đứng về cấp chỉ huy toàn cõi Đông-Pháp, ta thấy ủy-ban chuyên môn sau đây:

— Ủy-ban Tư-vấn Học chính do nghị định Toàn-quyền ngày 21-12-1917 đặt ra.

— Ủy-ban tối cao Vệ-sinh do nghị định 11-12-1928.

— Ủy-ban tư-vấn về khoáng-chất do nghị định 26-5-1913.

— Ủy-ban tư-vấn tổ-tụng hành-chính do nghị định 4-5-1921.

— Ủy-ban công chính, Tiểu-ban Du lịch, Tiểu-ban bảo-thủ thắng-cảnh — Ủy-ban hối-đoái đặt ra ngày 1-3-1920

— Ủy-ban trung-ương trông trị do sắc-lệnh 4-11-1928 đặt ra.

— Ủy-ban phòng thủ Đông-Pháp do nghị định ngày 8-2-28.

— Ủy-ban khảo-cứu khoa-học do nghị định ngày 25-3-1928.

Ngoài các Hội-đồng chuyên môn này, ta phải kể:

I — Hội-đồng chính-phủ, có tính cách quan trọng nhất, do sắc-lệnh năm 1887 đặt ra, và được sửa đổi lại nhiều lần, lần cuối cùng là 4-11-1928.

Hội-đồng này gồm có: vị toàn-quyền chủ-tọa, các chức-vị Tổng chỉ huy quân-đội, Phó Toàn-Quyền, Thủ-Hiến các xứ, các chức-vị Tổng Giám-đốc các sở chuyên môn và các chức-vị nghị-viên Pháp hay các đại-biêu Đông-Dương tại Thượng hội-đồng thuộc-địa Pháp dự bàn.

Hội-đồng phải họp ít ra là một lần mỗi năm, để xét đến các vấn-đề binh-bị, tài-chính, sưu-thuế, và hành-chính tổng quát.

Ngoài ra, Hội-đồng lại cử một Tiểu-ban thường-trực do vị Toàn-Quyền làm chủ-tịch, và gồm có những nhân viên của Hội-đồng có mặt tại nơi vị chủ-tịch triệu-tập đến. Tiểu-Ban này họp mỗi tháng một lần, để xét các vấn-đề không cần đưa ra bàn trước Hội-đồng.

Những vấn-đề quan-hệ, như việc phòng-thủ, lập ngân sách Đông-Dương, và đặt các khoản thuế trực thu mới, phải do Tiểu-ban xét đề lên Hội-đồng chuẩn y.

2. — Đại Hội-đồng kinh-tế và Tài-Chính.

Có tính cách quan hệ không kém Hội-đồng Chính-phủ, về vấn-đề kinh-tế và tài-chính. Đặt ra năm 1928, hội-đồng này do sắc-lệnh ngày 12-3-1930 sửa đổi lại.

Hội-đồng gồm đủ các phần tử Pháp, Việt, Mên, Lào, Tổng quát có 28 nhân-viên Pháp, và 23 nhân-viên người bản-xứ, nhiều ít tùy theo nhân số mỗi xứ.

Hội-đồng này họp thường niên một lần, và bắt thường do vị Toàn-quyền Đông-Pháp triệu tập.

(1) Tiếp theo bài đăng trong VHNS. số 3

Hội-đồng hoàn toàn tư-vấn. Các ý kiến và điều chỉnh của hội-đồng đều do chủ-tịch đề lên vị Toàn-quyền xét, và trả lời vào phiên họp sau.

Hội-đồng có quyền xét và bày tỏ ý kiến về các vấn-đề:

1. — Ngân sách Đông-Dương
2. — Chương-trình tu-tạo công-chính
3. — Việc trợ cấp cho các công-ty tư-nhân, hay cho họ vay tiền.
4. — Việc mua, bán, đổi, trác, các đất đai thuộc về công thổ thuộc-địa.
5. — Các dự-án thuế quan quân và thương-chính, do Phủ Toàn-quyền thảo ra.

Hội-đồng có một tiểu-ban thường-trực gồm có 10 hội-viên tại mỗi phần. Tiểu-Ban có thẩm quyền đề xét các vấn-đề được đưa ra Hội-đồng, trừ các vấn-đề về ngân-sách.

3. — Hội-đồng phòng-thủ.
Do sắc-lệnh ngày 31-10-1902 đặt ra, và sửa đổi lại ngày 3-11-1902 và ngày 6-4-1903.

Hội-đồng gồm có vị Toàn-quyền chủ-tịch, và Tổng-Tư-Lệnh quân-đội Phó Chủ-Tịch, các chức chỉ huy, từ cấp tướng trở lên, về mỗi ngành quân-sự.

Khi nào Hội-đồng xét đến việc thực hành có công-tác phòng-thủ, thì lại có thêm các chức-vị: Thống-đốc, Khâm-Sứ hay Thống-sứ, Tổng Thanh-Tra Công-Chính, Tổng Giám-Đốc Ngân-Kho và Tổng Kiểm-Soát Tài-Chính đến dự.

Hội-đồng phòng-thủ họp không có định kỳ, mà do Chủ-tịch triệu-tập đến lúc nào cần: Hội-đồng xét các vấn-đề phòng-thủ địa-phương và đề nghị chương-trình lên Hội-đồng phòng-thủ thuộc-địa xét và chuẩn nhận.

Đứng về cấp phần, ta thấy có hai loại hội-đồng: các hội-đồng Pháp-Việt và các hội-đồng hoàn toàn Việt-Nam.

I. — Các Hội-đồng Pháp-Việt: Hội-đồng Tư-Vấn Nam-Kỳ, hai hội-đồng bảo-hộ Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, hội-đồng quản hạt Nam-Kỳ và hội-đồng Kinh-tế và Tài-Chính Pháp.

A) Về phương-diện chính-trị và hành-chính tổng quát, thì có các hội-đồng: Tư-vấn Nam-Kỳ và bảo-hộ Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

Các hội-đồng này đều do sắc-lệnh đặt ra:

Tại Nam-kỳ,	—	21-8-1869
Tại Bắc-kỳ,	—	8-8-1898
Tại Trung-kỳ,	—	8-6-1900

Các hội-đồng này gồm có: Vị Thống Đốc, Thống-Sứ hay Khâm-Sứ chủ-tịch. Các chức-vị tổng chỉ huy quân-đội địa-phương, Chương-lý, Tổng kỹ-sư Công-Chính, hai hội-viên thân hào người Pháp và hai hội-viên thân hào người Việt-Nam. Hội-đồng xét các vấn-đề hành-chính tài-chính và tư-pháp trong khuôn khổ kỹ, nhưng chỉ phát biểu ý kiến thôi. Hội-đồng có thể đề các lời thỉnh cầu lên cấp chỉ huy hành chính xét.

Các hội-đồng kể trên không có phiên họp định kỳ, và do Chủ-tịch triệu tập lúc nào cần.

B) — Hội-đồng quản hạt Nam-Kỳ; — Nói cho đúng đây là cơ-quan duy nhất đại-diện cho dân chúng, nhưng cũng không hẳn do dân chúng trạch cử. Một phần hội-viên do tuyển cử hạn chế; một phần nữa do các cơ quan lãnh-chính tuyển lựa ra.

Hội-đồng đặt ra từ năm 1880, do sắc-lệnh ngày 28-6-1922 ấn-định tổ-chức lại, và sửa đổi lần cuối cùng vào năm 1929.

Hội-đồng quản hạt gồm có: 10 hội-viên chính thức, và 10 hội-viên dự

khuyết do dân chúng Pháp bầu ra. 10 hội-viên chính thức và 5 hội-viên dự khuyết do dân chúng Việt-Nam bầu ra. Hai hội-viên Pháp đại-biểu cho phòng Thương-Mại Saigon và hai hội-viên Pháp đại-biểu cho phòng Canh-Nông Nam-kỳ.

Hội-viên người Pháp do dân chúng Pháp trực tiếp bầu ra bằng phương-pháp tổng tuyển cử. Hội-viên người Nam do dân chúng các quận bầu ra theo phương pháp hạn chế tuyển cử.

Hội-đồng quản hạt họp mỗi năm một lần, theo khóa họp thường niên do vị Thống-Đốc triệu-tập. Ngoài ra, Hội-đồng, còn có thể họp phiên bất thường khi nào có việc cần thiết.

Hội-đồng quản hạt có quyền biên quyết vĩnh viễn về các vấn đề mua bán, đổi, trác các công-sản dưới 4,000 mẫu tây, các việc nhận hay từ chối của tặc dũ, các dự-án công-tác tính vào ngân sách Nam-kỳ. Nếu trong hạn hai tháng, vị Thống-Đốc Nam-kỳ không ra lệnh hủy-bỏ các biên quyết đó vì có vi phạm luật-lệ hiện-hành, thì các biên quyết đó có giá-trị vĩnh viễn.

Về các vấn-đề sau đây, các biên quyết của hội-đồng phải do cơ-quan hành-chính chuẩn nhận lần cuối cùng:

- 1) — Việc dự-thảo ngân-sách và đặt các thuế trực-thu cùng các bách phân phụ thu cho các thành-phố.
- 2) — Việc mua, bán, đổi, trác, các công-sản thuộc về các công sở Nam-kỳ.
- 3) — Việc công-thải của ngân-sách Nam-kỳ.
- 4) — Việc nhận hay từ chối các của tặng dũ có điều kiện.

Các biên quyết này sẽ do nghị-định của Toàn-Quyền hay của Thống-Đốc Nam-kỳ chuẩn-y tùy trường hợp. Sau hết, Hội-đồng có quyền bày tỏ các ý-kiến cùng nguyện vọng về mọi vấn-đề liên

quan đến nền hành-chính tài-chính và kinh-tế của xứ Nam-Kỳ.

Hội-đồng quản hạt Nam-kỳ lại có thể đặt một ủy-ban thường-trực gồm có 5 đến 7 hội-viên, trong số đó, có 2 người Việt để giúp việc vị Thống-Đốc Nam-kỳ. Ủy-ban này giải quyết các vấn-đề thuộc phạm-vi hội-đồng quản hạt và có sự ủy-nhiệm của hội-đồng.

C) — Hội-đồng kinh-tế và tài-chính Pháp.

Tại mỗi cấp kỳ, có một hội-đồng kinh-tế và tài-chính Pháp do sắc-lệnh ngày 4-11-1928 đặt ra.

Quyền hạn của hội-đồng cũng tương tự như quyền hạn của Đại Hội-đồng Kinh-tế và tài-chính, nhưng thu hẹp ở cấp phân.

Hội-đồng chỉ có quyền tư-vấn, không có quyền nghị-quyết; Hội-viên toàn là người Pháp.

II. — Các Hội-đồng hoàn-toàn Việt-Nam

Ngoài các hội-đồng tư-vấn Pháp-Việt kể trên, lại còn các hội-đồng tư-vấn hoàn toàn Việt-Nam. Đó là hai viện dân-biểu Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

Viện Dân-biểu Bắc-kỳ do nghị-định Toàn quyền ngày 19-3-1913 đặt ra, sửa đổi lại lần cuối cùng do nghị-định ngày 16-9-1930 của Thống-sứ Bắc-kỳ.

Viện dân-biểu gồm có:

Các nghị-viên do dân-chúng Việt-Nam bầu ra theo tỷ lệ 4 vạn đình một người.

— Các nghị-viên thương-mại, do các nhà đóng thuế môn-bài bầu ra, đại đê cử 500 người, một nghị-viên.

— Các nghị-viên do Thống-Sứ Bắc-Kỳ đề cử theo đề-nghị của các vị chủ tỉnh.

— Viện Dân-biểu họp mỗi năm một lần vào cuối tháng 6 tây.

Viện bày tỏ mọi ý kiến về các vấn-đề mà Chính-phủ đưa ra xét. Các vấn-

đề sau đây bắt buộc phải có ý kiến của Viện: là các vấn-đề ngân-sách Bắc-kỳ và các khoản chi tiêu về mọi công việc xã-hội.

Ngoài ra, Viện bày tỏ ý kiến và những điều thỉnh nguyện, để cơ quan hành-chính địa-phương xét nữa.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ do đạo dụ ngày 14-4-1920 đặt ra, và do nghị-định của Toàn-Quyền tổ-chức lại ngày 24-2-1926.

Đại đê quyền hạn của Viện này cũng như Viện Dân-biểu Bắc-kỳ.

Ngoài các nhóm có tính cách chính-trị và tài-chính kể trên, ta nên kể đến các phòng thương-mại và canh-nông, do nghị-định của Toàn-Quyền đặt ra tại mỗi xứ.

Các phòng này có một số nhân-viên Việt-Pháp, nhiều ít tùy theo quyền lợi kinh-tế địa-phương.

Các phòng thương-mại bày tỏ ý kiến về mọi vấn-đề thương-mại, liên lạc với các phòng thương-mại Pháp và ngoại-quốc để tìm các nguồn sản xuất và tiêu thụ, giúp đỡ các nhà thương-mại và kỹ-nghệ về phương-diện quảng-cáo và trao đổi tin tức giá cả.

Các phòng Canh-nông cho ý kiến về các vấn-đề canh-nông và giúp đỡ các nhà trồng tía như phòng Thương-mại.

Ngoài ra, có một số các phòng canh-nông thương-mại do nghị-định Toàn-quyền đặt ra tại một vài tỉnh Trung-kỳ nữa.

Về các cấp thành phố và cấp tỉnh, như ta thấy, các quyền hành chính đều về tay các viên Đốc-lý và Công-sứ quản nhiệm. Các quan lại chỉ là những viên chức hành chính thuộc quyền chính-phủ Bảo-Hộ mà thôi, mặc dầu quy chế của họ vẫn do các đạo dụ của Hoàng-Đế Việt-Nam tổ-chức.

Tại các thành phố, có các hội-đồng thành phố, có một số hội-viên thành phố, nhiều ít, tùy theo sự quan hệ, về chính-trị và kinh-tế của từng nơi. Các hội-đồng có quyền quyết nghị về các vấn-đề liên quan đến ngân-sách, công thổ, mua, bán, đổi, trác, và tặng dũ, về bất động-sản, đặt ra các tạp thuế và phát hành công thải. Các quyết nghị này tùy trường hợp sẽ do Toàn-quyền hay Thủ-Hiến địa-phương chuẩn y.

Ngoài ra, các hội-đồng thành phố lại có quyền bày tỏ ý kiến và thỉnh cầu về mọi vấn-đề hành-chính và tài chính nữa.

Tại các tỉnh ở Nam-kỳ và Bắc-kỳ, có một hội-đồng hàng tỉnh, Hội-đồng hàng tỉnh Nam-kỳ do sắc-lệnh ngày 14-5-1929 và tại Bắc-kỳ do nghị-định ngày 19-3-1913 ấn-định và nghị-định Thống-sứ ngày 7-9-1922 tổ-chức và điều hành.

Hội-đồng có một số hội-viên người Pháp do chủ tỉnh Công-sứ đề cử, và một số hội-viên người Nam do dân chúng bầu ra bằng cách gián tiếp tuyển cử.

Các hội-đồng này quyền hạn khác nhau, tùy theo, Nam hay Bắc.

Trong Nam, hội-đồng có quyền nghị quyết về mọi vấn-đề ngân-sách, thuế-khóa, và do Thống-Đốc Nam-kỳ duyệt y. Ngoài ra lại còn quyền tư-vấn về mọi vấn-đề hành-chính và kinh-tế nữa.

Ngoài Bắc, các hội-đồng hàng tỉnh, chỉ có quyền tư-vấn mà thôi, nhưng các Công-sứ bắt buộc phải hỏi ý kiến hội-đồng về các vấn-đề ngân-sách, bách phân phụ thu, thuế khóa, công thải, và công tác tu tạo.

Hội-đồng có quyền thỉnh cầu về mọi vấn-đề, trừ các vấn-đề chính-trị.

Đó là về chế-độ hành-chính của ba xứ trong lãnh thổ Việt-Nam.

Về vấn-đề tổ-chức tư-pháp, sự phức tạp cũng không kém.

Trước hết có một nguyên tắc căn bản trong việc tổ-chức này, là mỗi xứ áp dụng một luật lệ riêng, dù là dân luật hay hình luật, tùy theo tính cách chính-trị địa-phương.

Về phương diện Dân luật :

Xứ Nam-kỳ theo bộ luật của Pháp sửa đổi lại và ban bố năm 1883, ta thường gọi tắt là bộ Dân luật 1883.

Xứ Bắc-kỳ theo bộ Dân luật thảo ra năm 1931, và xứ Trung-kỳ do bộ luật năm 1933.

Hai bộ luật này đều tham bác điều lệ cũ, và các nguyên tắc về luật pháp Âu tây, và cũng do Dự của nhà vua ban bố.

Về Hình luật, xứ Nam-kỳ theo bộ Hình luật Pháp sửa đổi lại, do sắc lệnh ngày 31-12-1912.

Xứ Bắc-kỳ: bộ Hoàng Việt hình luật do Dự ngày 18-7-1917 ban bố, sửa đổi lại ngày 25-8-1921, và Trung-kỳ cũng có bộ Hình luật do Dự ngày 3-7-1933 ban bố.

Đại thể các luật lệ được áp dụng phức tạp như vậy.

Ngoài ra, lại phải kể thêm ba thành phố Hà-nội, Hải-phòng và Tourane, là nhượng địa Pháp. Dân chúng ba thành phố này thuộc dân Pháp, nên về phương diện luật pháp, đều theo bộ dân luật 1883 hay bộ Hình luật 1912 áp dụng cho xứ Nam-kỳ.

Về tổ-chức Tư-Pháp, đạo sắc-lệnh ngày 16-2-1921 ấn định quy chế tổng quát các toà án tại Đông-Dương, chia ra làm hai hạng.

Các toà án Pháp để xử các việc liên quan đến kiều dân Pháp và thuộc dân Pháp và người ngoại quốc.

Các toà án Việt xử các việc hoàn toàn liên quan đến người Việt Nam.

Nói tóm lại, về phương diện Tư-Pháp cũng như về phương diện hành chính, nước Việt Nam, bị chia ra làm ba xứ có ba chính thể khác nhau:

Một chính thể thuộc địa

Một chính thể bảo hộ gần như trực trị

Một chính thể bảo hộ rộng rãi hơn.

Các tổ chức đó, ngày nay đã thuộc về dĩ vãng. Ta không cần phê bình lợi hại ra sao; nhưng có một điều rõ rệt là quan niệm Đế quốc Pháp thời bấy giờ, khác hẳn thực trạng các đất đai mà người Pháp cai trị. Vì bị Tung ước thuộc địa-bỏ huộc mà trong một thời gian gần 60 năm, các xứ bảo hộ cũng như nhượng địa Pháp, không được hưởng một chế độ chính trị cũng như kinh tế rộng rãi, khả dĩ đưa đến quan niệm Liên-Hiệp-Pháp một cách hòa bình và rộng rãi, để đến nỗi xảy ra những cuộc xung đột đang tức.

Về phương diện pháp lý, các cơ quan của người Pháp đặt trên đất Việt-Nam, đều căn cứ vào các bản hòa ước và thỏa hiệp Pháp-Việt. Nhưng sự hoạt động của các cơ quan đó đã theo tình trạng chính trị, xã hội và theo thời thế mà bành trướng thêm lên mãi, cho đến lần át cả quyền hành các cơ quan bản quốc. Một đảng nữa, các tổ chức chính-trị và kinh tế của ta so với quan điểm Á-Đông thì là cổ truyền, vững trãi; nhưng áp dụng vào những nhu cầu của một xã hội chịu ảnh hưởng càng ngày càng sâu của Âu Tây, thì lại tỏ ra đơn sơ và bất lực.

Tuy nhiên, trong cái rũi cũng có cái may. Trong khi nước nhà hiện đang đi tìm một tổ chức chính trị và kinh tế hợp thời, thì giai đoạn vừa qua đã là một cuộc thử thách sinh hoạt và có giá trị không biết ngần nào cho công cuộc tổ-chức quốc-gia ngày mai.



Sống lâu hay là thuộc « trường sinh »

« Các kinh nghiệm ấy chỉ có thể ở trong một cuộc phấn đấu, mà bản chất là sự giữ mình cho tinh khiết và sự mở mang trí tuệ ».

• CAM-ĐỊA • (1)

Người ta ở đời, ai mà chẳng muốn sống lâu ? Ở xứ ta, sở ước đó lại càng rõ rệt, Chẳng thế mà hàng năm, cứ đến ngày Tết Nguyên-Đán, nhân-dân thường chúc lẫn nhau : « Sống lâu, giàu bên ». Hàng ngày, ta lại thường nghe thầy cầu « Yêu trẻ, trẻ đền nhà; yêu già, già đền tuổi cho » hay « kinh lão đắc thọ ».

Thi-sĩ Tú-Xương lại chẳng cho ta biết nguyện vọng sống lâu của dân-tộc là gì ? Đây

TÂN-HUÂN

« Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau,
« Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu...
« Phen này ông quyết đi buôn cối,
« Thiên hạ bao nhiêu đứa đã giầu... »

Nhưng mong muốn sống lâu, có đâu phải là ao ước kéo dài thời kỳ già yếu ? Thâm tâm con người là làm sao có thể giữ lại thời kỳ niên thiếu, để trẻ-trung mãi mãi, mà hưởng những thi vị ở đời... Hơn nữa, ai chẳng có lúc muốn ngậm như thi-sĩ :

« Đi như ngày tháng, xin thong thả ! »
« Ở với non sông, chót nợ-nần... »

Có khi ta nắm vạt tay lên trán, lòng lại hỏi lòng : với sự tiến triển không ngừng

của khoa học, liệu loài người có thể tìm ra cách nào sống mãi không ? Có lẽ không thể được, vì sự sống chệt theo nhau như bóng với hình; đã có sống phải có chệt. Ta chỉ còn có cách là kéo dài cuộc đời của ta; nguyện vọng này rất có thể thực-hiện được. Thật vậy, so với đa số sinh vật, hiện nay loài người chệt yếu hơn cả : không kể đến những loài vật sống lâu một cách đặc biệt như cá chép, loài vẹt, rùa, v.v..., các loài vật ta nuôi trong nhà đời

sống thường gặp 6 lần thời kỳ trường thành của chúng; thân thể người ta này nhỏ từ nhỏ đến 25 tuổi, vậy đáng lẽ kiếp người thường phải dài tới 150 năm mới phải. Tục truyền khi xưa ông Bàn-Thổ sống những 800 năm, chẳng biết có đúng không; nhưng trên thế giới, số ông già bà cả sống ngoài trăm tuổi không phải là ít.

Bởi vậy xưa nay, các nhà Bác học trên thế giới vẫn cố công tìm phương pháp thích-hợp, để giải quyết vấn đề « Trường-sinh ».

Sự quan sát chứng tỏ, và các nhà Bác-học đồng-thanh công nhận rằng : mọi hoạt động của các cơ-quan trong người cứ chậm chạp

(1) Mahatma Gandhi.

dán đi, như sự nảy nở của các tế-bào, sự đông hóa, sức khỏe của các bắp thịt, sự hô hấp v.v... Đó chính là nguồn gốc của sự già yếu, nguyên nhân gây ra sự lệch-lạc và kiệt quệ của cơ-thể?

Nhiều người cho rằng: sở dĩ ta trở nên ốm yếu là vì trái tim, huyết quản, thực quản của ta suy nhược đi. Như thế không đúng sự thực: người ta đã lấy « nhân » làm « quả », chẳng khác gì người ta bảo: giò núng vì lá cây mọc trên cành.

Mọi phương pháp đều có mục đích, giữ gìn và điều hòa sự hoạt động các cơ quan trong thân-thể người ta. Ta thử kiểm điểm xem phương pháp nào đáng chú ý nhất mà hiện nay được thực hiện trong khắp năm châu; ta sẽ gắng theo thứ tự thời gian mà các phương pháp đó ra đời.

Phương-pháp Trung-Hoa. —

Thuốc bắc dùng các bộ phận loài thực-vật hay động vật để chữa bệnh « yếu vong ». Ví dụ như dùng cây trường-sinh-thảo tức là cây Hà-Thủ-O sao tẩm với nước đỏ đen để cho những người nào ốm yếu, già sớm, uống vào, tóc bạc sẽ đen, người yếu sẽ trẻ lại như hồi niên thiếu. Những món ăn đặc biệt như Rắn, Ba-ba, Vòi voi, Tắc kè đều được dùng nhằm theo mục đích cho người trở nên tráng kiện và sống lâu. Vua Tấn-thủy-Hoàng lúc đang nhất thống sơn hà, đã nghĩ cách làm cho mình sống lâu để trị vì thiên hạ. Bao nhiêu danh y trong nước đều được vời ra để tìm phương thuốc trường sinh. Môn thuốc quý nhất mà vua bắt đi tìm là gan và lá lách của bạch-tê-giác hay là hắc-kỳ-lân ở núi Vu-Son (?). Mà phải ăn đủ 100 lá gan và 100 lá lách thì sẽ sống 100 tuổi. Nhưng tiếc thay, không sao kiếm nổi gan và lá lách ấy, nên Tấn-Thủy-Hoàng cũng theo số mệnh mà thăng hà chưa được 100 tuổi. Những hươu nai cũng là vị thuốc trường sinh, cũng vậy, quý, phụ, nhưng truyền trên chắc đâu có thực; nhưng nó đã chứng tỏ rằng ý-chí loài người chỉ muốn sống lâu.

Phương pháp Ấn-Độ. — Phương pháp « Yogi » (1) chủ trương rèn luyện con người về phương diện thể chất cũng như tinh thần:

a) Về ăn uống: Không nên ăn nhiều thịt, nhịn bữa luôn.

b) Về sự hô hấp: phải biết cách hô hấp, để hưởng nhiều khí trời; vị-trí của con người cũng cần cho sự dễ dàng trong việc tuấn hoàn của máu.

c) Về sự tập trung của trí não: đoạn này là phần quan trọng nhất của thuyết đó. Nếu linh-hồn cai quản nổi thân thể, người ta sẽ sống lâu, vì linh-hồn bất diệt. Gần đây, quan-niệm trên đã được nền khoa học Âu-Tây rất lưu ý đến và được áp-dụng trong công cuộc chữa bệnh thần kinh, bằng thối-mi-thuật, tâm-lý-phân-giải-pháp hoặc bằng nha-phiền-phân-giải-pháp (2)

Phương pháp dưỡng-tổ. (3) — Về cuối thế kỷ thứ XIX, Brownsequart, người Pháp, nhận ra rằng tuổi già làm cho người ta không thấy động tình nữa. Ông ta bèn nghĩ ra cách lấy hạch khỉ đương thì tiếp cho ông ta và cho một số người quỵên quý, bị ốm, yếu hay già cả. Kết quả rất đáng chú ý, nhưng không được lâu; và lại phương pháp giải phẫu còn đơn sơ, cho nên xảy ra nhiều sự bất trắc.

Về sau, Bác-Sĩ Voronoff, người Nga, tổng-quát-hóa phương-pháp tiếp hạch, hiện cho những người già sang có dịp « cải lão hoàn đồng »; trong khi đi chu du thiên hạ, ông đã qua Việt-Nam. Ngày nay, dân dân người ta bỏ phương pháp tiếp hạch, mà chỉ còn

(1) *Yogisme: Thuyết-Du già của Yogi (Du già tiên) ở Ấn-Độ.*

1) *Narcoanalyse: Phương pháp phân giải tâm-lý bằng cách dùng thuốc mê narcotine (nhựa thuốc phiện).*

2) *Phương pháp dùng chất dưỡng tố (Hormones) Dưỡng tố là chất do các hạch tiết ra, như lá lách (pancréas) quả cắt (reins) ngoại-thận (testicales) v.v...*

dùng chất lấy trong ngoại thận để tiêm; như vậy, một đôi khi cách này cũng mang lại được kết quả khả quan.

Bác-Sĩ Carrel, người Pháp, di cư sang Mỹ-Châu, nhận thấy rằng sự nảy nở của các tế-bào mới ngày một kém dần đi, kể từ khi còn là sơ-thai nằm trong bụng mẹ cho đến lúc tuổi già. Nhiều cuộc thí nghiệm khó khăn đã giúp cho bác-sĩ chứng tỏ rằng: « tổ chức tế-bào sơ thai (1) kích thích một cách có hiệu quả sự nảy nở của các « tổ chức tế bào » cât ở một cơ thể đã suy yếu. Bác-sĩ Carrel cho biết rằng: một cơ quan riêng biệt để trong thức ăn lỏng, có thể sống trong một thời gian khá lâu; nuôi một trái tim của một con gà ở thời kỳ phôi thai, trong một cái máy chứa thức ăn lỏng thích hợp, trái tim đó đã sống được 40 năm — Máy này do bác-sĩ Carrel cùng với công cố tiếng Lindberg chế ra.

Bác-Sĩ Carrel lại còn lấy ở các « tổ chức tế bào sơ thai » ra những chất tréphines; nhờ chất đó, một vài cơ quan đương suy nhược thành trẻ lại.

Phương-pháp căn-cứ vào thực phẩm. — Có người cho là sở dĩ « không thể trẻ mãi được, là tại cơ thể ta dần dần suy nhược đi vì bị đầu độc. Ông Metchnikoff đã chứng tỏ rằng thủ-phạm cuộc đầu độc đó lại chính là các thức ăn. Như vậy, muốn sống lâu, không gì bằng lựa chọn thức ăn nào dễ tiêu hóa, và có tính cách tiêu độc. Sau nhiều cuộc thí-nghiệm kỹ lưỡng, người ta công nhận sữa là món ăn thích hợp nhất. Chỉ hiềm một nỗi là sữa dễ hư hỏng, nên nguy hiểm. Người ta bèn nghĩ ngay đến cách dùng « y-a-ua » (Yogkourt hay Yaourt); « y-a-ua » là món ăn do một loài vi-trùng « không có hại » dễ tiêu hóa một phần nửa sữa, làm đông sữa biến thể dở lại. Y-a-ua rất dễ tiêu hóa.

Sau Metchnikoff, người ta còn nêu lên thuyết « thăng bằng của thức ăn » (2). Thuyết đó căn cứ vào nguyên tắc: ăn ít, nhưng thức ăn phải cân đối về các chất « gờ-luy-xít-đô »

(3) (đường hay là bột), chất mỡ, chất thịt. Ở Âu-Mỹ, dư luận rất sôi nổi về sự « thăng bằng của thực phẩm ». Trên báo chí, thấy hiện ra những bảng kê khai dài dòng thuộc về vấn đề thế nào là phép tiết-chè-lý-tưởng (4). Một nghề tồi tàn đã xuất hiện; nghề chăm nom các món ăn.

Thức ăn đương người ta chuộng nhất là: Quả, men được bia, mật, sữa, giá, một ít thịt tươi và trứng tươi.

Phương-pháp huyết-thanh. — (5)

Mới đây ông Bogomoletz, người Nga, có sáng kiến dùng phương pháp thông thường huyết thanh, để tiêm thuốc cho người được sống lâu. Phương pháp đó xây dựng lên nguyên tắc căn-bản sau này: đời sống là một cuộc phân đấu không ngừng chống với chất độc; chất độc đó do vi-trùng sinh ra, hoặc do thức ăn gây ra, và lại có thể là những chất do các cơ thể bài tiết ra nữa. Khi người ta còn trẻ tuổi, một số quan trọng tế bào phụ-trách rất mãn cần việc loại trừ các chất độc nói trên. Theo thời gian, số tế bào hoạt động đó giảm dần đi, vì vậy người già thiếu sức đề tự vệ nên sau cùng phải chịu thua các chất độc!

Phương pháp Bogomoletz kể ra cũng đơn sơ, dễ dàng đối với ai đã có kinh nghiệm thực hành về môn huyết thanh. Ta phải công nhận rằng phương pháp đó đã mang lại ít

(1) Tổ chức tế bào (tissu cellulaire): nhiều tế bào hợp lại, có một nhiệm vụ riêng biệt đối với các tổ chức tế bào khác. Sơ thai là thuộc về thời kỳ sinh vật mới thành hình.

(2) Equilibre alimentaire: Phương pháp mang lại cho bộ tiêu hóa những thức ăn thích hợp, về chất cũng như về lượng.

(3) Glucides: Các chất cùng một công thức hóa học Cx (H₂O) y.

(4) Régime idéal.

(5) Méthode sérologique: Phương pháp dùng thuốc lấy trong máu ra.

nhieu kết quả khả quan, và thu hút được một số môn đồ đáng kể ở Âu cũng như ở Mỹ.

Giả-trị của phương-pháp

Ta phải công nhận rằng từ oá chí kim, chưa có phương pháp nào làm cho chúng ta được thỏa mãn, mặc dầu một vài kết quả lẻ-tẻ đã lượm được. Ta chưa có thể đương giá biện thành trẻ, một cách đột nhiên, như khi ta đặt mua một món hàng được Song le, sự quan sát cho ta hay rằng ai biết giữ gìn điều độ, thì có cơ trẻ dai. Ở đây, ta nên lưu ý đến một đặc-diểm trong phương pháp Ấn-Độ: *Tinh thần* chiếm một địa vị rất quan trọng. Hiện nay, phương pháp đó đương được hoan-nghênh nhiệt liệt ở Âu-Mỹ. Từ các chính-trị gia, nghệ-sĩ trên sân khấu, trên màn bạc, cho đến thường dân, hết thảy mọi người đều tỏ vẻ hoan hi theo thuyết « yô-gi ». Theo thiên-y chúng tôi, có lẽ phương pháp Ấn-Độ hoàn hảo hơn cả.

Vậy muốn sống lâu, trước hết ta phải ăn uống có điều độ, tập thể thao có chừng mực,

mở mang trí tuệ một cách hợp-lý, tránh mọi thái quá về phương diện vật-chất cũng như tinh-thần. Ta nên quả quyết giữ mình trẻ dai, tránh sự tức giận, mọi ham mê, tự tạo lấy mục đích ở đời. Thật vậy, nhiều người tuy tuổi đã già mà vẫn tráng kiện, trong khi hoạt động; trái lại, có người mới về hưu trí, đã tự cho là già nua, không chịu làm việc gì, nên ít khi sống được lâu...

Nhưng nếu nghĩ kỹ, thì ta phải nhận rằng: sống lâu hoặc chết yếu đều không đáng để ta quan tâm quá lắm. Thời gian tâm lý đâu có giởn thời gian của khoa-học? Sống một cách đáng sống thì một năm có thể coi là cả một thế kỷ. Hơn nữa, các anh hùng liệt-nữ, tuy đã mệnh một, mà còn lưu danh thiên-cổ, có khác gì những con người bất tử?...?

Bao giờ người ta chẳng thích sống lâu, nhưng nghĩ thế chắc đâu đã đúng.

Ta nên sống một cuộc đời đầy đủ, đầy đủ theo lý tưởng của ta.

Sà - phòng sát - trùng

TỪ bao lâu, những bậc thông thái vẫn hằng nghiên cứu tìm ra một thứ sà-phòng sát-trùng. Sà phòng giặt thường không thể giết chết được vi trùng; trái lại, nước sà-phòng còn có thể chuyển trở các vi trùng, khiến nó sinh sản thêm ra. Mầm vi-trùng ở nước giặt giữ, rửa ráy hàng ngày, sinh sinh, hóa hóa, gây ra nhiều chứng bệnh, hoặc phát tiết ra những mùi khó chịu.

Trước kia, mọi chất sát trùng chế vào sà-phòng thường có hại như làm cho da sưng đau chẳng hạn. Đến thời kỳ chiến tranh, bác sĩ William Gump, có

nghiên cứu thứ thuốc sát trùng bằng chất hóa học gọi là « phénols chlorés ».

Bác sĩ tìm ra được hai thứ thuốc có hiệu quả. Trước hết, là một hợp chất có thể tẩy được vết mốc ở vải, mà ông đặt tên là G 4.

Trong thời kỳ chiến tranh mới đây, G-4 giữ cho những vải căng lều, vải che hàng hóa ở các tàu, các xe, những lưới và những quần nhu làm bằng đồ dệt của bộ binh và thủy binh Mỹ, khỏi hư hại.

Còn hóa phẩm thứ hai « hexachlorophène » là một thứ bột trắng trắng,

thường gọi là G-11, thì xét ra, lại có công hiệu hơn nhiều.

Thí nghiệm mãi, người ta thấy hai hợp chất trên này là những chất sát trùng công hiệu nhất.

Những hãng buôn lớn biết sự công hiệu của những chất ấy, đều quyết nghiên cứu khả năng của nó.

Các bác-sĩ mở-xê cũng lưu tâm tra cứu. Những bác-tay cao-su mỏng của các bác sĩ thường rách luôn, nên trước khi tham dự công cuộc mổ xẻ, ai nấy phải tìm cách giữ gìn thận trọng, người nào cũng lấy bàn chải cứng, xát bàn tay, cánh tay, móng tay trong 10 hay 15 phút, rồi dùng vào còn 70 độ. Da nóng lên, đỏ lên và đau nhức. Những nhân viên hay sinh viên y-học nội-viện và các nữ y-tá hàng ngày theo cách này thật là khó chịu.

Bởi vậy, thứ sà-phòng có G-11 được các bệnh viện dùng ngay. Các y-khoa Đại-học đều khảo-cứu công dụng của nó.

Nhân đó, người ta đã cố tìm chế ra thứ sà-phòng làm cho hết mùi hôi hám. Chính ra, mồ hôi ở trong người thoát ra không có mùi gì; sở dĩ nó có mùi hôi hám, là do ảnh hưởng của các vi trùng. Người ta nhận sà-phòng có 1% chất G-11 là một thứ sát trùng rất công hiệu. Sà-phòng này sát 95% vi trùng, vì đó mồ hôi thoát ở trong người ra cũng bớt hôi hám đi.

Chất G-11 không làm lấp lỗ chân lông đó là một điều rất cần, vì lỗ chân lông có hồng, mồ hôi và hơi ở trong người mới dễ thoát ra, nhiệt độ các cơ quan trong người mới được thăng bằng.

Chất G-11 còn rất đặc dụng ở phạm vi khác nữa. Biểu bì của trẻ sơ sinh rất mỏng, dễ mắc phải những bệnh do vi trùng gây nên, như bệnh chốc lở, bệnh mẩn đỏ, do những tã lót bẩn, ứ sát vào.

Bác sĩ John Henderson, Giám Đốc y-lê Hội Johnson liền nghĩ đem G-11 hòa với

nước tắm gội cho trẻ sơ-sinh, để phòng ngừa những bệnh bi-phu. Những bệnh viện lớn đều thí nghiệm xem có công hiệu không. Quả nhiên kết quả thâu được rất là mỹ mãn: những trẻ sơ-sinh điều trị bằng nước có G-11 thì chỉ độ 2-1 mắc bệnh bi-phu, còn những trẻ khác phải đến 55-1 mắc bệnh.

Bệnh dịch chốc-lở phát hiện ra đã mấy tháng ở một nhà thương lớn kia, đầu các bác sĩ đã cố gắng gìn-giữ, điều trị. Người ta liền dùng thứ nước rửa mới chế này thì trong 96 trẻ sơ sinh, có 17 đứa mắc bệnh chốc lở nhẹ, chỉ rửa trong 2 ngày là khỏi hẳn. Còn những đứa trẻ khác thì trong 100 đứa. 48 mắc phải bệnh chốc lở nặng, phải chữa bằng thuốc pé-ni-ci-lin từ 7 đến 10 ngày mới khỏi. Từ đấy các trẻ sơ sinh ở các bệnh viện đều tắm rửa bằng thứ nước rửa mới cả. Chỉ trong 10 ngày bệnh dịch kia đã biến hẳn.

Trong nhà thương khác, người ta thử dùng nước có chất « hexachlorophène » để sơ sạnh với thứ nước vẫn thường dùng là « blanc de chlorure de mercure » trong việc sơ sạnh và điều trị bệnh bi-phu cho trẻ sơ sinh; người ta thấy trẻ tắm rửa bằng nước có G-11 thì bệnh giảm đi được gấp tư.

Bác-sĩ Eugène Traub ở nhà thương New York Post Graduate cũng thí nghiệm xem sà-phòng G-11 đem rửa những mụn nhọt, có hiệu nghiệm thế nào.

Trong một bệnh viện, người ta đã tra-cứu phiếu ghi bệnh của các bệnh-nhân, để xét số bệnh mụn nhọt và chốc lở. Phòng tắm, phòng rửa mặt trong nhà thương đều cho dùng sà-phòng có G-11. Đến cuối năm, xét bằng tương - kê thấy các bệnh giảm đi 89-1, riêng bệnh mụn nhọt đã giảm tới 78-1.

Những bác-sĩ, dùng chất G-11 hàng ngày, đều cho biết rằng chất ấy sát trùng nhưng không làm hại được da người ta.

Chất G-11 dùng với một liều vừa phải thì không độc; người ta có thể nuốt một ít cũng không can gì.

Ngoài các công dụng kể trên, chất G-11 còn dùng được nhiều việc ích lợi:

— Chế vào nước Cologne, hay phấn sáp, nó vẫn có tính sát trùng.

— Những nha-khoa bác-sỹ, những người trông coi xếp đặt thực phẩm đều phải dùng đến nó.

— Những hàng cà-phê, khách-sạn cả đến tư gia cũng dùng bột sà-phông có G-11, để rửa bát, đĩa, xoong, chảo, cốc, chén, v.v.

Tóm lại, khắp mọi nơi có vi-trùng truyền độc hay phát-tiết những mùi khó chịu, đều nên dùng chất G-11.

Vậy sự phát minh ra thứ sà-phông sát trùng này, để tắm rửa, là một bước tiến bộ rất quan-trọng trong y-khoa.

NGUYỄN-VĂN-PHÚC

Tin tưởng

*Ánh bình-minh vừa ló phía trời đông;
Đỉnh non xa, tha-thướt áng mây hồng.
Người trong xóm vội-vàng cùng thức giấc,
Lên sương mờ nhẹ, lướt phủ mênh-mông . . .*

*Họ gọi nhau đi làm đồng kéo muôn;
Cánh tung-bùng trong nắng nhuộm sương mai.
Con đường làng, trên thảm cỏ chạy dài,
Như tấm lụa nõn-nà vừa buông sợi.
Kìa vùng dương, trong khi trời mát rọi . . .
Kê tay gầu, người vác cuốc tới đồng;
Màu lúa xanh ló sức mạnh nhà nông!
Họ làm việc với bao niềm hy vọng! . . .*

*Rồi mai đây, khi mùa hè gió lộng,
Nhành lúa kia kiêu diễm sẽ trở hoa.
Ngọn đơm bông nặng trĩu rủ là-là,
Mùa gặt đến, với thành-công rực-rỡ . . .*

NGUYỄN-THỊ-HY



Một đoạn sử về nghề sơn ở Việt-Nam

NGHỀ sơn xuất hiện tại nước ta, không biết từ bao giờ. Người ta chỉ biết rằng trong khoảng thời nhà Đinh, đã có một tướng quân dạy quân lính chế tre đan làm thuyền thúng, rồi lấy chất sơn mà trát cho kín.

Trong đời Hồng Bàng, có tục văn-thần, theo đó dân chài-lưới lấy các màu sắc bôi vào mình, vẽ ra những hình kỳ quái, khiến khi lặn xuống nước, những loài thủy-tộc trông thấy phải sợ, không dám hại người. Chẳng biết bấy giờ dân Lạc có dùng đến chất sơn không.

Thứ sơn mà tướng quân nhà Đinh đã dùng, như kể trên đây, là thứ sơn sống, tức là nhựa một thứ cây, gọi là cây sơn.

Nhựa ấy chất quánh như sữa đặc trên mặt bao giờ cũng đen, dần lại, vì gặp dưỡng khí ở trong không khí.

Sơn sống ấy có thể cứ nguyên thể quét phủ lên mặt gỗ, cũng thành một lớp mỏng, đủ bảo-đảm cho chất gỗ ở trong khỏi ngại nắng mưa. Nhưng như thế thời về chưa đủ đẹp, không được óng ả.

Nên người ta phải dùng đến sơn chín mà cách làm, cố nhiên phức tạp hơn.

Hiện nay, muốn so sánh một mặt gỗ phủ sơn sống, với một mặt gỗ phủ sơn chín thì thật khó, vì không ai dùng sơn sống

mà phủ dụng cụ nữa. Những đồ gỗ bày giờ, không phủ được bằng sơn chín, thì người ta phủ bằng sơn tây, sơn quang dầu hay đề mộc, chứ không chịu phủ bằng sơn sống nữa. Cứ biết một mặt sơn chín đối với một mặt sơn sống, tỉ-lệ như mười với một hai vậy.

Sơn sống đem quấy lên (công việc này gọi là đánh sơn) thời chất sơn thắm dần lại và trong dần dần, quánh dần như chất mật. Màu cũng trở nên đỏ nâu nâu như mật; và nếu quét một nước mỏng lên vật gì trắng, thời ta thấy thành màu nâu. Vì vậy, người ta gọi đó là sơn cánh dán, lấy ý rằng màu nó giống như màu nâu ở cánh con dán vậy.

NGYM

Pha một ít dứa thông và dầu trầu vào, chất sơn thành dẻo mịn hơn. Lọc qua một lần lụa, rồi trộn với bột sơn thì thành sơn son. Những câu đối, hoành phi, án thư, khám thờ, cùng những mâm bồng, đài, đèn, nến, với các vật dụng như hộp, khay, giá-mâm, đĩa, v.v. sơn đỏ, mặt bóng, các thứ ấy đều phủ bằng sơn son cả.

Còn sơn màu đen thì gọi là sơn-then. Đó cũng là sơn sống, nhưng được quấy bằng một thanh sắt trong một cái chậu sành rập; đầu thanh sắt càng quấy càng mòn dần; chất sắt hóa-hợp với chất sơn



Bình - phong sơn mài

thế là sơn thành ra đen. Rồi cũng lọc bằng lụa, cũng trộn nhựa thông và dầu trẩu vào để dùng sơn đen các đồ-vật.

Ngoài hai thứ sơn sơn và sơn then, thợ sơn còn dùng một thứ sơn gọi là cầm, để làm nền những chỗ cần thếp vàng, thếp bạc. Sơn cầm cũng chỉ là một thứ sơn cánh dán, pha nhiều dầu vào cho nó lâu khô, để đủ tư cách dính chặt những lá vàng lá bạc đặt lên trên đó.

Thế là trong nghề sơn ta, từ trước tới nay, vẫn có sơn sơn, sơn then, thếp vàng, thếp bạc. Thếp bạc rẻ hơn thếp vàng; nhưng sắc trắng của bạc sỗ quá, nên tuy là thếp bạc, người ta thường phủ lên trên một nước sơn, gọi là sơn-phủ, cho nó thành ra giống như thếp vàng.

Thành thử bất cứ đồ sơn nào của ta cũng không ra ngoài ba thứ sơn sơn, sơn then, thếp vàng. Thỉnh thoảng ta mới thấy một vài thứ vừa thếp vàng lạt, vừa thếp vàng đồ ói (chỗ thi đề mặt vàng trơn, chỗ thi lại phủ lên một nước sơn cho nó đồ lên). Tuy nhiên, giá trị đồ sơn chỉ dựa vào công phu chạm trổ thô-xơ hay tinh tế.

Từ khoảng 1931, tại trường Mỹ-thuật Đông-Dương, khóa học sơn bắt đầu khai giảng; nghề sơn ta mới tiến được một bước dài. Ngày nay, trong các cuộc triển lãm, trong các cửa hàng mỹ-phẩm, ta thấy những bức bình phong, những chiếc hộp, chiếc khay, những bìa quỳen ảnh có nhiều hình đầy nét thếp vàng lẫn tăn,

và mặt sơn bóng bẩy. Đó đều là kết quả của cuộc thí-nghiệm mà học sinh trường Mỹ thuật bấy giờ đã dày công khảo sát.

Lối sơn mới này, các báo chí ngày nay vẫn gọi là sơn mài, vì trong việc làm sơn này, việc mài là quan trọng nhất như ta sẽ thấy sau đây.

Như trên đã nói, bắt đầu từ 1931 tại trường Mỹ thuật, khóa sơn-ta bắt đầu khai giảng. Kỳ thật thì cũng chẳng có gì đáng gọi là giảng; vì cả giáo-sư lẫn học-sinh chỉ cùng bắt đầu nghiên cứu.

Nguyên hồi ấy, giáo-sư Inguimberty dạy môn Trang-trì, rất chú ý đến mảng hộp sơn của Nhật bày tại viện Bảo tàng Bờ Sông. Những chiếc hộp ấy, mà bây giờ hiện vẫn bày trong một tủ kính trên gác viện Bảo tàng, đều có nền sơn mịn-màng, óng chuốt, có những hạt cát vàng lấm tấm như ta gọi là kim-sa, lại có những cây anh đào nở đầy hoa mà mỗi đóa hoa có đủ cả năm cánh bằng vàng; nếu lấy kính hiển-vi mà soi, thì hoa nào cánh nấy, tinh-tế như những nét vẽ trong tem gian thơ.

Giáo-sư Inguimberty — bấy giờ học-sinh đều gọi tắt là ông Y — đưa sinh-viên đi xem, xong về trường nhủ rằng: « Chất sơn của ta không kém gì chất sơn của Nhật; thế mà, với chất sơn ấy, người Nhật đã sản được những cái hộp đẹp như thế, thì ta há nên thờ-ơ với nghề sơn ».

Rồi ông Y khuyên sinh-viên lưu-tâm đến vấn đề.

Bấy giờ, cả ông Y giáo-sư, cho cả hai học-viên, không ai thạo nghề sơn cả. Sau trong số học sinh, có 4 người (Nguyễn-hoa-Thế, Vũ-đăng-Bổn, Phạm-hữu-Khánh và Trần-quang-Trần) luôn trong một tuần lễ, ngày nào cũng xin phép vào viện Bảo tàng, chỉ để ngắm xem mấy chiếc hộp sơn Nhật-bản hồng nhin lâu có nảy ra tia-sáng nào chẳng.

Rồi họ xin nhà trường cấp cho nguyên liệu và dụng-cụ.

Vì cần có một người thợ dạy chuyên môn, nhà trường bèn ký một khế-ước với ông Phó-Thành, một tay thợ sơn đủ kinh-nghiệm và năng lực, như ta sẽ thấy sau đây.

Công việc tru-liệu đề tô-chức ban sơn, ở cả một tay ông Thành đảm-nhiệm.

Trong một tuần lễ, ban sơn đã có đủ thứ đề sinh viên nhúng tay vào việc.

Bắt đầu bằng việc cưa một tấm gỗ vàng tâm, cho nó vuông vắn. Có chỗ một, chỗ lõm thì lấy sơn sống trộn với mặt cưa, trát lại, đợi khô, dán, rồi mài bằng đá bọt rập, cho đều với mặt gỗ.

Đại khái thì công việc dự-bị cũng như cũ, duy có điều sinh viên ham học biết, thì làm có phần cần thận-tinh-tế hơn.

Mục đích việc dự bị là làm sao cho có một mặt thật bằng phẳng, lại đủ giòn để giữ chặt lấy những lượt sơn sẽ quét lên trên. Vậy người ta trộn sơn sống với bột đất-sét mà trát lên, để cho dần lại, rồi dùng đá mài mà mài cho phẳng. Không cần nhẵn lắm, vì có chút gợn mới dễ bắt sơn.

Đến đây, đã có thể quét ngay sơn chín vào rồi; nhưng vì muốn cho được bền, người ta hằng quét sơn sống đã. Nước lót này dần rồi thì mài qua cho đỡ gợn, thế là bắt đầu quét sơn chín lên.

Sơn chín tức là sơn sơn hoặc sơn then. Trước kia, những cầu đối hoành phi, thường chỉ quét một nước sơn sơn hoặc sơn then là đủ. Nay sinh-viên mỹ thuật nhận thấy càng quét nhiều lần càng đẹp, vì mặt sơn càng trong, càng có vẻ sâu hơn.

Vì vậy, mà họ đã khám phá ra lối sơn mài. Nguyên do trước kia, dùng sơn có pha dầu trẩu thì chỉ quét được một nước thôi, vì nếu quét thêm một vài

lớp nữa lên trên, thì mặt sơn thành ra gồ ghề, do những nét bút sơn để lại. Bây giờ không pha dầu vào nữa, thì lớp sơn ấy có thể mài cho thật nhẵn được. Trên mặt nhẵn ấy lại quét lớp nữa, và lại mài, lại quét. Sơn sơn mà quét độ tám lớp như thế, thì rồi sau nước sơn trở nên trong lờ lờ, sẽ có vẻ sàu xa như hồ phách, đẹp lắm.

Trước kia, những đồ sơn đều chỉ toàn sơn son hoặc toàn sơn then, chứ không ai cầu kỳ mà quét chỗ thì son chỗ thì then. Giờ thì học sinh cầu kỳ hơn; họ quét chỗ thì son son, chỗ thì sơn then, thành ra mảng thì đen, mảng thì đỏ. Như sơn làm nền cho một bức phong cảnh thì họ quét nền trời bằng sơn son, mảng núi bằng sơn then, rồi trong lòng mảng núi ấy lại có nhà bằng sơn nâu, cây bằng sơn then rắc vàng, cây khác bằng sơn then rắc bạc, v.v.

Mỗi mảng như thế phải tô bốn năm lần cho đủ dày, để có thể mài cho đều nhau. Cái lối sơn mài ngày nay thật chẳng khác gì lối khảm sà-cừ. Mỗi mảng sơn tức là một miếng ốc gấu sàu vào giữa những mảng khác; sau khi miếng nào miếng nấy đặt đều vào đó, người ta mài một lượt, mặt sơn nhẵn hẳn, mà màu nọ ở cạnh màu kia, sờ tay không thấy gợn.

Trên mặt sơn nhẵn thín và bóng nhoáng, có đủ hình-thể từng mảng với màu sắc khác nhau ấy, học-sinh sẽ tô những nét tỉ-mỉ, rồi thếp vàng lên. Bây giờ, trên mảng nhà lá thì có những nét lá gồi bằng vàng bóng; trên mảng cây tre thì có những lá tre; trên mảng bãi xanh thì có những nét cỏ lăn tăn; trên mảng thân trâu thì có những nét lông trâu; trên mảng mái ngói thì có những nét ngói...

Lối sơn này trình bày một vẻ rực rỡ tinh-tế, mà chỉ có đồ sứ Tát-ma của

Nhật mới có thể so-sánh được. Thật vậy, ai đã xem qua đồ sứ loại Satuma của Nhật, đều thấy trên mặt men rạn lăn tăn, người ta đã vẽ những hình hoa điều, phong cảnh đủ màu, và trên đó, lại còn tía thêm những nét vàng lăn tăn đồ ối.

Từ ngày ấy trở đi, trường Mỹ-thuật Đông-dương cứ cho học-sinh áp-dụng lối sơn mài này; và kết quả, như người ta đã được nhận thấy ngày nay, rất là tốt đẹp.

Trước kia, nghề sơn ta, đối với nghề sơn Nhật, chỉ có thể nhận con số tỉ-lệ 1 phần 10, thì nay, dấu không lên hẳn đến số 10, cũng không chịu ở dưới số 8. Ấy là đối với những tác-phẩm Nhật bày tại viện Bảo-tàng; chứ nếu nói tới những cái khay, cái hộp hạng thông thường, thì lối sơn mài của ta có thể gọi là hơn hẳn.

Muốn cho rõ rệt, để không còn ai có thể ngờ vực, ta cần xét xem nghề sơn ta đã hơn trước ở những điểm nào.

Ta có thể bấm đốt ngón tay mà đếm như trên đã nói, ta vốn chỉ có hai lối sơn son, sơn then, và một cách thếp vàng bóng nhoáng.

Ngày nay, nhìn trên một tấm tranh sơn của bất cứ một họa sĩ nào có tài nghiệp hoặc không tốt nghiệp tại trường Mỹ-thuật, người ta cũng thấy những điểm mới sau đây:

a) Sơn then thì có thêm lấm tẩm cát vàng hoặc bạc. Cũng có khi lấm tẩm bột son;

b) Sơn then rắc bạc đặc thành ra một màu xám-do óng ánh; rắc vàng đặc thì lại càng quý hơn;

c) Sơn son cũng rắc vàng, bạc, lấm tẩm, hoặc rắc đặc thành một màu ca vàng có ánh kim-khí;

d) Sơn cánh-dán trong, màu hồ-phách, trong đó những hạt vàng lấm tẩm như sao lóng lánh, người ta gọi là kim-sa;

d) Sơn cánh-dán dày thì vẽ càng sàu, lờ-lờ như chất đồi-mồi;

e) Sơn son, trộn với ít hoặc nhiều son, thành những màu thắm hoặc tươi tùy trường hợp;

g) Sơn khảm vỏ-trùng;

h) Sơn khảm sà-cừ, có một vẻ rất đẹp; ta cứ xem một cái hộp, cái khay gỗ trặc, khảm, đã đẹp bao nhiêu, thế mà nay lại đặt những nét khảm trên nền sơn tô điểm thêm son, vàng nữa, vẻ lộng lẫy tăng lên bội phần;

i) Sơn cốt lưa và cốt giấy, để làm những chiếc đĩa chén rất mỏng và bền. Tinh ra trong vòng từ sau vụ hè năm 1931, đến đầu năm 1932, đã có người bắt đầu làm một bức bình phong 6 cánh với phong cảnh những bụi tre ở hồ ao trong làng Kim-Liên gần Hà-nội.

Từ đây về sau, trong số những họa-sĩ áp dụng theo lối sơn mài này, có Phạm-Hậu và Nguyễn-gia-Tri là nổi tiếng. Trần-vân-Cần có tài trong nghề sơn, nhưng kín đáo, nên ít người biết đến. Mới đây, Văn-Thọ cũng trình bày những tác-phẩm sơn mài khá đẹp. Ngoài ra, tại Hà-nội,

hiện nay có nhiều họa-sĩ cũng làm những tranh sơn, và trong số thợ sơn cũ, cũng lắm người bắt tay làm son mài, cách thức cũng theo như trường Mỹ-thuật cũ, kết quả có nhiều hứa hẹn.

Duy trong nghề sơn này, cần phải có tài hội họa để dàn xếp, trình-bày những bức vẽ có giá trị đã. Cái nghề chuyên môn chỉ giúp thêm vào cho giá-trị bức tranh. Cho nên một người thợ sơn chỉ có nghề khéo cũng không bằng một họa-sĩ có tài vẽ ra những kiểu đẹp. Những người thợ khéo chỉ có thể giúp cho họa-sĩ trong công việc sơn từng mảng, vẽ từng chỗ một cho nét đều đặn. Chất sơn vốn quánh, bết vào ngón bút lông, phải là một người thợ tỉ-mỉ, chịu khó ngồi tô đi tô lại từng nét, một cách rất chậm chạp, mới không sót ruột.

Nếu được chính tay họa-sĩ vẽ lấy những nét ấy, thì kết quả lại có giá-trị bội phần.

Nhìn những tác-phẩm sơn mài bày trong những cuộc triển-lãm, cũng trong mấy cửa hàng mỹ-phẩm, người lưu tâm đến nền công nghệ và mỹ-thuật nước nhà, có thể mừng thầm rằng ngành sơn ta tiến được một bước khá dài.

Những cuộc tế lễ trong đình

I.— Các cuộc tế-lễ.

Tế lễ trong đình đã có những ngày định sẵn. Không kể ngày lễ sóc và ngày lễ vọng là ngày mồng một và ngày rằm mỗi tháng, còn có xuân tế làm vào ngày *đinh* đầu tháng hai, và thu-tế làm vào ngày *đinh* đầu tháng tám, lễ hạ-diên là ngày bắt đầu cấy lúa, lễ thượng-

diên là lúc cấy lúa đã xong, lễ thượng-tân (lễ ném thức mới), nghĩa là lễ cơm mới vào tháng chín, lễ thượng-nguyên, ngày 15 tháng giêng, mà cũng gọi là lễ kỳ-yên (để cầu cho dân xã được yên lành), lễ trung-nguyên, ngày 15 tháng bảy, là ngày vong nhân xá tội, lễ khai-ấn ngày 7 tháng giêng là ngày, theo cổ



Cuộc lễ lễ trong Đình

tục, các nhà môn nghê tết rồi mới bắt đầu mở, và là ngày dân chúng mới bắt đầu lại tiếp tục làm ăn. Người ta còn cúng vào dịp tết mồng 3 tháng 3, gọi là lễ hàn-thực, ngày ăn thức nguội và nhất là thứ bánh ngậm vào nước lã gọi là bánh trôi nước, tết mồng 5 tháng 5 gọi là tết đoan-ngọ (đúng giữa giờ ngọ), tết 15 tháng 8 gọi là tết trung-thu, cũng gọi là tết trông giông, tết lập-tiết. Những lễ này là những lễ có định kỳ. Ngoài ra còn có những lễ bất thường: khi trong làng có đám ma, đám cưới, đám khao, khao lão, khao phẩm hàm, nghĩa là những dịp ăn uống, thì người ta cũng sửa lễ đem ra đình cúng thần.

Vả lại, từ đầu năm chí cuối, lúc nào trong đình cũng nhang đăng bát tuyết; chẳng có thì chiều chiều thủ-từ

hay cai' đám cũng phải thắp đèn đốt nhang để thờ.

Ngày lễ to nhất và quan trọng nhất là ngày vào đám hay là vào hội. Ngày lễ này thường làm vào mùa xuân hay mùa thu, hay là ngày sinh ngày hóa của vị thần.

Năm sáu ngày trước ngày vào đám dân xã làm một lễ gọi là lễ nhập tịch. Từ ngày nhập tịch cho đến hết kỳ hội mà hội thì có khi kéo dài 5, 10 hôm, trong làng không ai được làm ma chay gì cả. Bất hạnh trong làng có người chết, thì gia đình phải tống táng như thảm vuog, không khóc lóc, không kèn trống, mà đưa đám thì đi một con đường nào khác, chứ không được theo con đường thường vẫn đi. Nếu gia-đi^h

muốn được làm ma chay tử tế, có dân làng thăm viếng, đi đưa đi cất, thì phải đợi hết đám mới được trình dân. Vì lễ rằm trong ngày hội thần, toàn thể dân làng phải thật là tinh khiết; mà ta đã biết rằng trong những sự ế tạp thì việc gần người chết là một sự ế tạp nặng nhất. Thường nhật, ai muốn ra đình cũng phải tắm gội sạch sẽ, thay quần thay áo, kiêng những thứ hôi tanh ô ế.

Trong suốt kỳ đám, ngày nào cũng có tế lễ. Tế thì rất long trọng, có đám rước thần từ đình ra nghệ, hay là đến làng giao hội; khi rước thì mang kiệu, mang đồ thờ, cờ quạt tàn tán, bát bửu, lộ hồ, v.v.

Trong kỳ đám, nhiều làng tổ chức những trò vui: hát tuồng, hát chèo, đánh vật, đánh cờ, chọi gà, chọi chim, chạy chữ, xe trái, cướp cầu, v.v.

Những trò chơi vui này có thể thêm ra cũng được, mà bớt bỏ đi cũng không sao.

Có một điều rất quan hệ mà hình như ít người để ý tới, là khi tế lễ (kỳ vào đám, vào hội), có một cuộc lễ để nhắc lại những cái đặc tính của vị thần. Thí dụ như ngày hội đức Đồng thiên-vương, thì có cuộc trận giả; ngày hội làng Lộng-khê, thì có cuộc bắt trộm. Tục này gọi là hèm, một đặc điểm trong việc thờ thần, thời thường dân làng giữ kín, mà người ta tin rằng không theo thì dân làng không được yên lành. Hèm không được hay, thì cúng về đêm; hèm tốt, thì cúng ban ngày.

Trong khi nói năng, các điều có dính liu đến hèm lại được kiêng kỵ lắm. Cấm hẳn không được đọc tên vị thần. Trong khi nói chuyện, mà phải nói đến tiếng gì giống tên vị thần, thì người ta

đọc tránh đi, hay là dùng tiếng khác mà có nghĩa tương tự. Ví dụ tên thần là *bình*, thì đọc tránh là *bánh*; tên thần là *hương*, thì dùng tiếng *nhang* để thay. Những làng thờ đức thần Linh-Laug như làng Thủ-Lệ và làng Văn-Hồ về mé phố Duy-Tân, thành phố Hà-nội, thì dân làng này không bao giờ nói *lang* (tên thầy); họ dùng tiếng khác để thay: đáng lẽ nói *khóa lang*, thì họ nói *khóa dầy*, *lợn lang* thì nói *lợn lương*, *thầy lang* thì nói *thầy lương*. *Lang* có nghĩa là lốm đốm trắng, họ không bao giờ nuôi giống vật lốm đốm trắng. Trong những làng này, người ta chỉ thấy nuôi con vật hoặc đen tuyền, trắng tuyền hay vàng tuyền. Nếu con vật nuôi trong nhà đẻ ra con đốm trắng, thì chủ nhà cho là điềm không hay, nên vội vã trừ khử đi.

II.—LỄ - NGHỊ.

Kề các lễ ở đình, thì có lễ đơn giản, như lễ sóc, lễ vọng, lễ thường-tân lễ thường-điền, hạ-điền, lễ thường-nguyên trung nguyên; có lễ long trọng, như lễ xuân-lễ, thu-lễ và nhất là lễ vào đám.

Các thứ trên gọi là lễ, các thứ dưới gọi là tế. Người ngoại quốc thường không phân biệt hai thứ, hoặc tại họ không nhận xét kỹ, hoặc họ không cho là quan trọng. Đây ta hãy nói qua hai bên khác nhau thế nào.

Trước hết ta hãy biết rằng dù lễ dù tế, cũng phải lạy mười lạy, và rước phải dâng ba tuần.

Lễ thì, đồ cúng đã bày trên ban thờ rồi, cai đám (hay tế đám) đốt nhang lạy bốn lạy, để nghênh thần, rồi quý xuống, hai tay chấp lại đưa lên ngang trán. Trong khi ấy, một người phụ rót rượu vào ba chén, một người phụ nửa đọc văn tế. Văn đọc xong, lại rót một tuần rượu nữa; cai đám đứng dậy lạy hai lạy lại rót một tuần rượu nữa, cai đám lạy

bốn lạy nữa gọi là lễ tạ, để tạ ơn đức thần, rồi đốt văn; thế là lễ xong. Trong khi làm lễ, có âm nhạc đây thường chỉ có trống và chuông.

Tế thì long trọng hơn, phải nhiều người: một chủ tế, hai bồi tế, một đồng xướng, một tây xướng, mấy chấp sự để đưa nhang và rượu cúng thần cho ông chủ tế, rồi để vào cung. Số chấp sự thì từ hai đến tám, không có gì là nhất định, chấp sự càng nhiều, tế càng trọng thể. Tất cả mọi người đều mặc áo thụng xanh, đội mũ, đi hia; nếu các quan đứng tế, thì họ mặc áo trào, đội mũ cánh chuồn, hai tay cầm hốt (hốt là một thanh ngà có dán một cái gương nhỏ, luôn luôn nhìn vào để cho người được ngay ngắn nghiêm chỉnh).

Ba chiếc chiếu giải nối nhau trước ban thờ: ở chiếu thứ nhất, gần ban thờ sẽ làm lễ dâng rượu và đọc văn (tiền từ và đọc chú); ở chiếu thứ nhì, làm lễ âm phước; ở chiếu thứ ba là nơi ông chủ tế đứng để tế; mỗi khi phải lên các chiếu trên để tế, tế xong lại về chiếu này. Bồi tế đứng cạnh sau chủ tế; chấp sự thì chia làm hai ban, mỗi ban đứng một bên, bên phải và bên trái chủ tế. Đồng xướng và tây xướng cũng đứng bên phải và bên trái chủ tế, nhưng đứng lui lên đằng trước.

Đồng xướng xướng đến đâu thì chủ tế, bồi tế, chấp sự làm lễ đến đấy, còn tây xướng thì chỉ xướng có *hương* (tiếng *Hương* nói trạnh), để cho những quan viên tế đang phủ phục đứng dậy.

Những cuộc tế lễ ở đình có lắm chi tiết; đây chúng tôi không kể tỉ mỉ từng chi tiết ấy làm gì cho thêm rườm rà. Các bạn cần biết trường tận có thể khảo cứu những sách về tế lễ, như quyển *Nghi-lễ phổ-thông*, và nhất là quyển *Thọ-mai gia-lễ* của Hồ-gia-Tân.

trong có một phụ - trưng về nghi lễ tế thần.

Vì có lắm chi tiết, người được cử ra tế thần, dù là người tế lễ đã nhiều, đã quen, đã thuộc, mà vẫn dễ quên: cho nên phải có đồng xướng tây xướng, để nhắc từng chi từng tiết theo thứ tự bất dịch.

Ai cũng biết dân làng coi việc tế lễ thần là những việc tối quan trọng cho hạnh phúc của toàn dân; những người được dự tế coi hình như được một vinh dự lớn; từ một câu nói, từ một cử chỉ, đều phải thận trọng, phải theo đúng phép tắc đã định, và nhất cử nhất động phải đợi và phải theo đồng xướng, tây xướng.

Trong khi tế, người đứng tế mà làm lẫn, hay hồ quên bỏ sót một chi tiết nào, thì bị dân làng bắt vạ. Vạ làng là một hình phạt khá nặng. Không những người bị phạt vạ mà mất thể diện với dân làng, mà có khi còn phải tốn kém tiền nữa. Lỗi nhẹ, thì khi tế xong, người bị phạt phải có trâu cau để tạ thần và tạ dân. Lỗi nặng, ví như làm lẫn hay quên sót quá nhiều, làm cho cuộc tế mất vẻ thành kính, tôn nghiêm, thì làng có thể xóa bỏ cuộc tế đi, triệt bỏ mọi lễ vật đi, để tổ-chức một cuộc tế khác với những lễ vật mới, mà bao nhiêu phí tổn về cuộc tế lễ này, thì người bị lỗi phải chịu.

Chủ tế đứng ở chiếu thứ ba; mỗi khi phải lên chiếu thứ nhất, gần ban thờ, để dâng rượu, đọc văn, hay lên chiếu thứ hai để âm-phước và thụ-tế, trở về đứng chỗ của mình (là chiếu thứ ba), thì phải đi giạt lui, phải bước ngang, chứ không được quay lưng về ban thờ.

Cuộc tế lễ có ba tuần rượu. Tuần thứ nhất, gọi là *sơ hiến lễ*; dâng xong thì đến tuần đọc văn tế, rồi đến tuần thứ nhì gọi là *á hiến lễ*, còn tuần thứ

ba thì gọi là *chung hiến lễ*. Ba tuần rượu dâng rồi, văn tế đọc rồi, cuộc tế thần có thể coi là tạm xong.

Nhưng đến đây còn một kỳ nữa rất là quan trọng cho người đứng tế: ông chủ tế là người thay mặt dân làng làm lễ thần, sẽ được thần ban phúc cho. Trước lúc cuộc tế xong hẳn, một phần lễ vật bày trên ban thờ thần, sẽ được hạ xuống, một chén rượu, một miếng giàu, hay là một miếng gan miếng thịt, để cho ông chủ tế.

Theo lệnh đồng xướng, chủ tế trịnh trọng lên chiếu thứ hai, quỳ xuống

gửi; hai người phụ dịch đến quý cạnh ông, một người bên phải, tay bưng chén rượu, một người bên trái, tay bưng đĩa đĩa giàu (hay là miếng gan, miếng thịt), để rồi trao cho ông.

Vẫn theo lệnh đồng xướng, ông lần lượt nhận lấy rượu, nhận lấy giàu, mỗi lần hai tay bưng rượu, bưng giàu đưa lên quá trán, vái thần một vái, rồi mới đưa vào miệng uống rượu, ăn giàu, ngay giữa chiếu tế, trước ban thờ thần. Lúc ấy mới là lúc long trọng và cảm động, là lúc chủ tế, người thay mặt toàn dân, được cảm thông với vị thần. B.

Cảnh Sầm-sơn

(Bài thứ nhất)

Trời khéo bày chi cảnh nước non,

Đề người dân-điu với Sầm-sơn.

Cỏ đời xanh rợn hương ngào-ngạt,

Nước biển trong veo sóng rập-rờn.

Gió mát tiêu tan cơn nóng bức,

Trắng thanh êm dịu nổi ghen hờn.

Thịa-lương bao khách đưa tài lợi?

Bông-đào đời xưa dễ chẳng hơn.

Hồng-thạch ĐỖ-HUY-ĐAN



Phương - pháp giáo - dục MONTESSORI

Nhà nữ sư-phạm trứ - danh Maria Montessori vừa mệnh-chang tháng năm dương lịch mới rồi tại Nardwick-ann-Zee, bên Hòa-Lan, là nơi bà đã lối trú ngụ, từ ngày phong-trào phát-xít nổi lên ở đất Ý. Bà hưởng thọ 82 tuổi.

Đề kỷ-niệm công-cuộc giáo-dục của một bậc kỳ-tài, bản báo đăng dưới đây ít nhiều tài liệu cụ-thể về phương-pháp Montessori, một phương pháp mà ngày nay, hầu hết các nước tân tiến Âu-Mỹ đã áp-dụng trong việc hướng dẫn ấu-sinh.

L. T. S.

Từ ngót hai thế-kỷ nay, vấn đề « Nhi-đồng giáo-dục » vẫn là một công-cuộc thường được nhiều nhà sư-phạm lưu-tâm nghiên cứu. Vì, ai cũng hiểu rằng muốn đổi thay hay bổ-khuyết nền giáo-dục cổ-truyền, những phương pháp mới để thấu được kết-quả tốt đẹp, khi đem thực-nghiệm ở đám trẻ em, những tâm-hồn còn ngây-thơ, trong-trẻo, chưa bị hướng dẫn sai lầm... Trong những người thợ đã tìm hiểu để xây-dựng nền móng cho công-cuộc giáo-huấn mới mẻ ấy, một nữ bác-sỹ người nước Ý nêu lên một phương pháp giáo-dục đã từng được nhiều nhà sư-phạm hoan-ngheh cũng như đã hằng được nhiều trường mẫu-giáo bên Âu-châu đem ra thực hành : ấy là phương-pháp giáo-dục Montessori.

Ở đây, chúng tôi không có tham-vọng đem phương-pháp Montessori ra khảo-cứu, vì thực ra, ít nhiều nguyên-tắc của nó còn đang ở thời kỳ thí-nghiệm ; cho nên, các tài-liệu

sau đây chỉ dám lạm bàn đến quan-niệm giáo - dục Montessori, và nhận xét một vài điểm thực-hành của phương-pháp ấy ra sao, để tìm kiếm lấy đôi chút phương-châm căn-bản cho nền giáo-dục mới.

Tiêu-sử bà Montessori. (1870-1952).

Bà Maria Montessori sinh ngày 31 tháng 3 năm 1870, tại một tỉnh nhỏ nước Ý, tỉnh Chiaravalle, gần thủ-đô La-Mã. Năm 26 tuổi, Bà đậu bằng y-khoa-bác-sỹ ; về thời ấy, bà là nữ bác-sỹ đầu tiên trong nước Ý. Bà chuyên trị về bệnh trẻ em, nên hàng ngày thường có dịp gần gũi những trẻ ốm yếu hay tăng tật. Vì nghề-nghiệp, bà cần phải am tường những vấn-đề tâm-lý và sư-phạm ; nên bà theo học thêm khoa tâm lý thực-nghiệm ở Đại-học-đường La-Mã. Nhân đây, ngoài việc chữa bệnh cho trẻ em ốm yếu, bà nghiên

cứu cả đèn tâm hồn trẻ ; và năm 1900, bà đã lập được « Nhà trẻ em » (1) thứ nhất ở La-Mã. Tuy rằng bà theo Công-giáo, nhưng trong hầu hết các sách của bà, ít thấy quan-niệm về tôn-giáo mà chỉ có nhiều tư-tưởng thực-nghiệm về y-học thời. Những sách bà đã cho in là : Phương-pháp sư-phạm theo khoa y-học (1909) — Phương-pháp tự học trong trường Sơ-đẳng (1916) — Những trẻ ở Giáo-đường (1935) — Con trẻ (1936).



Ảnh bà Montessori

Các tác-phẩm của bà đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong hầu hết các nước tân-tiền, và ra cả chữ jagurati, một trong những thổ-âm của Ấn-độ. Bà đã lưu tại Ấn trong mấy năm, và đã có dịp chăm nom ấu-sinh nước đó.

Đặc điểm đáng cho hầu hết mọi người chú ý và không bao giờ quên được, là bà đã suốt đời tha-thiết với trẻ em, tận tụy với trẻ em, khảo-sát và tìm-tòi vì trẻ em.

Maria Montessori mới mắt hồi tháng năm dương-lịch vừa qua, tại Nardwick-ann-Zee, trên đất nước Hòa-Lan, là nơi bà tới trú-ngụ với gia đình, từ ngày phong-trào phát-

xít đã nổi lên ở Ý. Khi mất, bà đã 82 tuổi. Trong thơ cáo-phó viết đen do « Hội Liên-Quốc Montessori » (2) gửi đi các nơi, người ta đã ghi : « Bà đã suốt đời tranh đấu cho hòa-bình và công-lý » (3). Tập chí « Giáo-dục Nhi-đồng » số 9, xuất-bản ngày 25-5-1952, trong khi báo tin bà mất, cũng đã viết : « Maria Montessori không những sẽ lưu-danh thiên-cổ, vì là một nhà nữ sư-phạm đại tài. Bà còn là một trong những vĩ-nhan, đã giúp ích sự tiến-hóa của hoàn-cầu. Vì vậy, bà có quyền được hầu hết mọi người nhớ ơn » (4).

Quan-niệm giáo-dục Montessori.

Vốn là người của y-giới, nên các phương-pháp giáo-huấn Montessori đều dựa vào những nhận xét về đời sống sinh-lý của con trẻ. Bởi vậy, cách dạy của bà nhằm hai mục đích : tôn trọng nhân-cách và phát triển các năng-lực hoạt-động của trẻ em.

Đề con trẻ được tự do ăn học hay chơi bời, nghịch đùa hay chạy nhảy, đối với khoa sư-phạm cổ-truyền, thật là một việc giáo-huấn hoàn-toàn vô ích ; nhưng bà Montessori quan-niệm sự tự do của con trẻ một cách khác hẳn, nên đã nêu lên thuyết « kỷ luật hoạt động » tức là phương châm làm căn-bản cho phương-pháp của bà.

Nghe cái danh-từ « kỷ-luật hoạt-động », có người cho ngay đó là một sự mâu-thuân rõ-

(1) Casa dei Bambini.

(2) Association internationale Montessori.

(3) « pour la paix et la justice ».

(4) Maria Montessori n'aura pas été seulement une grande éducatrice. Elle se place au rang de ces êtres d'exception qui font progresser l'humanité. A ce titre, elle a droit à la reconnaissance de tous. (L'éducation infantine.)

ràng, hoặc đó là một điều khó đem thi-hành cho tốt đẹp. Nhưng, thực ra, cái kỹ-luật danh thép, khác khó, mà xưa kia ta thường thấy ở ít nhiều học đường, với những dây bàn dài kê ngay-ngắn, với những trẻ em ngồi nghiêm trang, không dám nhúc-nhích, không dám nhìn ngửa, quay ngang, kỹ-luật ấy chỉ là một sự giả-dôi bề ngoài; nó làm tiêu hao những năng lực hoạt-động của con trẻ vậy! Bản tính thiên-nhiên của trẻ là hiếu động, sao ta không biết lợi-dụng nó? Hãy cho trẻ bận rộn đi, cho chúng cảm thú này, lấy thú khác; hãy cho chúng mài miết xếp loại đồ chơi no, hãy để chúng chăm chú bầy lọ hoa kia. Như thế, ta mới thấy trẻ em yên lặng biết bao, hân hoan vui sướng biết bao, để tuân theo kỹ-luật dưới quyền hướng dẫn của ta.

Cho trẻ em hoạt-động thời chưa đủ, phải biết nhận xét xem sự hoạt-động kia có phù-hợp với sức khỏe của chúng không: ấy cũng là một điều cần thiết theo phương-pháp giáo-dục Montessori. Vì, theo ý bà sự sai-lầm của giáo-dục ngày nay là ép buộc trẻ theo đuổi cho kịp một chương-trình đã định trong từng tháng, từng năm. Giáo-dục đối với học trò như chiếc xe lửa với các toa va-gông. Đầu máy không cần biết toa xe có mấy móc kỹ-lượng hay không, chỉ đi cho tới đích, cho kịp thì giờ đã định, trong khi ấy các toa xe vẫn bỏ sót rải-rác dọc đường. Cuối năm, thầy giáo hết chương-trình; còn học trò có hướng được gì không, mặc kệ... (1) Vậy nên, theo Montessori, ta phải tìm hiểu kỹ càng từng đứa trẻ, chỉ cho chúng làm cái gì mà sức chúng có thể kham được. Theo cách ấy, nhiều khi ta phải bước lờng biết cho trẻ rút lui một vài bước để lấy đà trước khi đi tới. Đây là một việc phí bỏ thì giờ có ích lợi, hợp với câu châm-ngôn của các nhà giáo-dục: trong khoa sự-phạm, nhiều khi ta phải biết để mất thì giờ.

Một vài diêm thực-hành trong phương-pháp Montessori

A — Những dụng-cụ để dạy trẻ

— Những dụng-cụ này phỏng theo lời của Séguin, nhưng được làm giản-dị hơn và gồm có 11 hạng:

1. — Ba loại khối viên-trụ có đường cao và đường kính khác nhau.
2. — Ba loại khối hình-học có kích thước đồng biên (to lớn dần).
3. — Hai loại gồm có 10 hộp gỗ, kích thước khác nhau.
4. — Các loại khối khác nhau (khối cầu, khối chóp, khối viên-trụ, v.v...)
5. — Một loại đồ chơi xếp hộp.
6. — Một loại bảng con bằng gỗ, sức nặng khác nhau.
7. — Hai loại hộp có âm-thanh.
8. — Một bộ các thứ bìa khác màu.
9. — Một bộ các thẻ vải khác nhau.
10. — Hai loại chuông khác nhau.
11. — Hai loại cuộn chỉ 8 màu, mỗi màu chính kèm thêm 7 màu phụ.

B. — Bài học yên lặng. — Sự yên lặng, như ta đã biết, đối với Montessori, không phải là việc bắt trẻ em ngồi khoanh tay nghiêm-chỉnh; nhưng sự yên lặng, ở đây, lại là một bài học về kỹ-luật và về giác-quan nữa. Ta hãy nghe Montessori kể câu truyện bài học yên lặng ấy của bà: « Một hôm, tôi vào lớp học, tay âm đưa bé mới 4 tháng. Đứa bé ngủ im thin thít. Tôi chỉ vào nó, rồi bảo đám trẻ em: Chú bé này thờ nhẹ nhàng quá, chẳng nghe thấy gì cả! Các con thử tập thờ như chú bé này xem nào!

(1) Đạm-Phương. — Giáo-dục nhi-đồng

« Đám trẻ em nín thở và yên lặng bất chú có làm theo. Lúc bảy giờ, lớp học yên-tĩnh quá chừng, đến nỗi tôi nghe thấy cả tiếng tích-tắc của chiếc đồng hồ treo trên tường. Do sự nhận xét ấy, một hôm khác, tôi gọi các trẻ nhìn vào tôi; tôi đứng im như không có tôi ở đây, các trẻ theo tôi mà im phăng-phắc. Chúng tôi nhận thấy bao nhiêu sinh-hoạt rộn rịp đều dần dần tiêu-tán thành một phòng không có người... Tôi ra hiệu cho các trẻ em nhắm mắt lại, rồi tôi liền đi nhẹ sang phòng bên. Tôi dùng tiếng thật nhỏ để gọi tên từng trẻ. Trẻ em nào nghe được tên liền rón-rén tìm đến tôi, và ôm chầm lấy tôi, sung-sướng quá sức... (1)

C. — Cách thưởng phạt — Trẻ em mắc lỗi vì tinh-nghịch hay biếng-lười, ta thường phạt chúng bằng diêm xâu, bằng các bài chép thêm, v.v...; còn những trẻ khác chăm, ngoan, sẽ nhận được nhiều phần thưởng như giấy khen, như sách tặng, v.v... Đó là cách thưởng phạt thông thường ở học đường ngày nay; nhưng Montessori cho rằng sự thưởng phạt ấy không đi tới đâu, vì nó chẳng làm xúc-động con trẻ. Đây là điều nhận xét của bà: « Có một hôm, đến trường, tôi thấy một em bé ngồi ở bàn học ngược đeo cái đầu bị phạt mà cô giáo vừa mới gán cho. Một em khác, tay cầm phần thưởng tức là một cái đầu chữ thập bằng đồng đi qua đây. Em đó liền trao cái đầu chữ thập cho em bị phạt như đã trút được một thứ gì vướng bận. Em bé bị phạt đón lấy cái chữ thập và nhìn cả hai cái đầu, đầu thường cũng như đầu phạt, bằng một con mắt thần nhiên!». Bởi vậy, Montessori cho rằng không nên thưởng và cũng không nên phạt. Theo ý bà, gặp khi một trẻ không chịu nghe lời khuyên bảo của cô giáo hoặc phá rối trật-tự của anh em

bạn, trước hết hãy nhờ y-sĩ khám ngay xem trẻ em ấy có đau ốm gì chăng, mặc dầu bề ngoài mạnh khỏe như thường. Rồi, đưa trẻ mắc lỗi phải ngồi riêng ở một nơi trong góc phòng, với những đồ chơi tùy ý nó chọn, nhưng phải cố ý để cho chỗ nó ngồi trông ra chỗ đồng trẻ chơi. Cái lỗi phải chơi riêng, lỗi thời một mình ấy, trong khi bạn bè vui-vẻ chơi chung, làm cho trẻ mắc lỗi dâm tính xuống, và thầy thềm muốn được ra nó đùa với chúng bạn. Từ đó về sau, nó sẽ cảm-hỏi một cách rất tự nhiên, và sung-sướng khi được phép trở về với anh em cùng là lộ về tự đắc được chơi chung hay tham-dự mọi việc như những anh, chị em khác.

..

Nói tóm lại, phương-pháp giáo-dục Montessori dựa trên hai nguyên-tắc sinh-lý và tâm-lý, là chăm nom sức khỏe của trẻ em để phù-hợp công việc học-tập, là tôn-trọng nhân cách của con trẻ để các năng-lực được phát-triển điều-hòa. Trong địa-phạm sự-phạm, phương-pháp ấy chẳng phải là đã hoàn-toàn, vì nó quá chú-trọng đến phần cảm-giác mà quên phần trí-tuệ, vì nó quá khắt-khe trong việc luyện-tập bằng dụng-cụ mà quên óc sáng-khien và tinh-tinh ngộ-nghĩnh của con trẻ. Dầu sao, phương-pháp Montessori cũng đã đánh dấu một bước tốt đẹp và chắc chắn trên con đường cải cách giáo-dục ngày nay.

LÊ-ĐÌNH-THỌ

(1) Montessori. — Con trẻ.

Một tháng trên đất Anh

(tiếp theo và hết) (1)

II.— Sự sinh-hoạt của nhân-dân :

Nhân cuộc Đại-triễn-lãm Anh-quốc, tôi lại đã có nhiều dịp tiếp xúc với dân bản xứ.

Người Anh mực trung, người ta thường gọi là Anh John Bull, cũng như chàng Nguyễn-văn-Kèo, Nguyễn-văn-Cột quen với chàng John Bull trong 29 ngày. Làm quen với anh, chúng tôi đã không thất vọng. Và sau đây, tôi xin lần lượt kể cùng quý vị những đặc điểm của Anh John Bull.

Sáng anh dậy cho kịp đề 9 giờ đi làm. Ở nước Anh, xứ lạnh và sương mù, sinh hoạt thực sự chỉ bắt đầu từ 10 giờ, lúc mặt trời lộ mặt qua tấm màn ủ rũ của mây mù. Phố xá rộn rịp xe cộ, nhà cửa lay chuyển với tiếng ầm ầm của tàu điện dưới hầm, đó cũng là lúc anh John Bull tới nơi làm việc. Anh làm suốt ngày, cho tới 5 giờ chiều, chỉ nghỉ 1 giờ buổi trưa để ăn uống.

Chúng tôi đã vào trong nhà máy. Đây là một xưởng chế tạo xe hơi, nhà máy John Morris ở một thị trấn kỹ-nghệ nước Anh. Việc làm đầu đây đều xếp đặt có quy mô. Mỗi người thợ, trong một số giờ nhất định, có một số công việc định sẵn và người ta đã tính toán cho vừa sức làm của anh. Xong đó, lại đến lượt người thợ khác kế tiếp công việc

Tôi xin giải thích rõ hơn : đây là lối tổ chức làm việc theo lối dây chuyền (travail à la chaine). Trên những dây sản xuất vận hành không ngừng trong nhà máy : chỗ này là nhóm thợ ghép những

bộ phận chiếc xe hơi, chỗ kia là những người vận hành ốc, nơi này đánh nhẵn bằng giấy giáp, nơi kia làm thợ sơn ; cứ như vậy trên 1.000 công việc tỉ mỉ khác nhau, từ đầu dây, đồng sắt vô hình qua tay bao nhiêu thợ, chuyển dần mỗi nơi 1, 2 phút, và cứ nằm trên dây sắt quay vòng cho tới lúc cuối cùng chiếc xe hơi ra khỏi nhà máy, sẵn sàng trao cho người tiêu thụ. Từ lúc đầu cho đến lúc cuối, đồng sắt trong 3 ngày rưỡi đã biến thành chiếc xe hơi ; và chiếc nọ nối tiếp chiếc kia như vậy, nhà máy sản xuất được 40 xe hơi trong một giờ đồng-hồ.

Một thí dụ nữa của bộ óc thiết thực chàng John Bull ; một người thợ đàn bà phải đóng đinh trên những chiếc đệm xe hơi. Chỉ ăn lương khoán, vậy chị cần đóng được càng nhiều càng hay.

Cầm đinh một tay và búa một tay, đóng từng cái một rất lâu. Chị lấy cả nắm đinh cho vào mồm, và mỗi lần nhả ra một chiếc ; tay chị cứ động đã thấy dễ chịu và nhanh nhẹn, nhưng chị chưa hài lòng. Chị tìm cách. Phải rồi, nếu chị dùng một chiếc búa có sức hút nam châm.

Bây giờ, chiếc búa của chị mỗi lần đi qua miệng lại hút một chiếc đinh ; rồi cùng một cử động, chị đập lên chiếc đệm xe ; tay trái chị được thanh thoi giữ đệm, còn tay phải chị cứ thoải-thoải, đóng hàng mấy trăm chiếc đệm trong một giờ. Xem như vậy, ta đủ thấy người thợ nước Anh luôn luôn dùng bộ

(1) Tiếp theo bài đăng trong VHNS. số 3

óc để tìm tòi, để tiến và tiến mãi cho đến khi nào đạt được toàn thiện toàn mỹ mới chịu thôi.

Đầu cũng là máy móc, đầu cũng thấy biến lộ bộ óc chế tạo của người. Người đây không phải là người nhỏ bé yếu ớt trước vũ trụ, mà người có sức mạnh vô biên để tranh hơn thua với Tạo-hóa. Tôi đã đi thăm các xưởng đúc thép của xứ Yorkshire, miền Bắc nước Anh. Các lò có sức nóng 3, 4 nghìn độ, tương tự như lò Bát-quái trong truyền thần tiên. Ở đó, chất sắt lửa chảy ra tụ thành những bộ máy khổng lồ của kỹ nghệ nặng, những chiếc búa thép nặng năm bảy nghìn cân đua nhau đập trên đe, những máy chuyên vận âm ầm như bao nhiêu thác lũ cùng đổ rồn. Bao nhiêu sức mạnh do các khối óc con con chế ngự được, chỉ ý nghĩ đó đủ cho ta thấy sự mạnh của Người rồi.

Hiểu rằng trong xã hội hiện thời người ta phải quý trọng thời giờ. Trên đường giao thông, người Anh đã tỏ ra hết sức chóng vánh, thiết thực, không giông dài. Dù ở bàn giấy hay trong xưởng thợ, người làm việc không bao giờ có những câu chuyện phiếm. Thời giờ của người cũng coi quý báu như chính thời giờ của mình vậy. Ở chỗ nào có thể tổ-chức cho đỡ mất thời giờ, người Anh không ngần ngại bắt bộ óc làm việc, tìm tòi sáng chế. Cánh cửa trong nhà khi mở ra có bộ máy làm cho tự động đóng lại, không cần đề ta mất thời giờ quay lại khóa cửa ; chiếc thang máy không cần công nhân điều khiển, có một giầy nút bấm, bấm vào từng nào, thang máy từ từ đưa lên gác ấy ; mỗi nhà, mỗi phòng đều có điện thoại. Các nơi công cộng : nhà ga, chợ búa, cho đến cả góc đường, chỗ nào cũng có ca-bin điện thoại để cho bất cứ ai cũng có thể dùng điện thoại gọi nhau, tính toán

công việc làm ăn cho khỏi mất thì giờ. Máy điện-thoại ngoài phố tự động, cứ việc bỏ đồng xu 3 pence vào, là có điện chạy và có thể gọi điện thoại được rồi. Tiện lợi đến nỗi người nội trợ không phải đi chợ mua thức ăn làm cơm hàng ngày. Có thể cứ việc ngồi trong phòng gọi dây nói đến các tiệm : « Allo, allo, cho tôi cân thịt bò, cho tôi ki-lô rau, cho 1/2 lít sữa, cân táo, cho tôi thứ này thứ khác... » Nửa giờ sau, chiếc ô-tô chở hàng đỗ trước cửa trao đồ hàng cho bà nội trợ. Thoải là nhanh chóng và dễ dàng !

Có những ước lệ cần thiết cho sự sinh sống, mà người ta không cần nhắc nhở hàng ngày, để mất thời giờ. Ông bà muốn hàng ngày có sữa để làm, liền viết thư cho một hiệu bán sữa thế là cứ mỗi sáng, người ta đem lại 1 hay 2 chai, để ngoài cửa. Đứng giờ ông hay bà cứ việc mở cửa lấy chai sữa vào, uống xong lại bỏ vỏ chai ra ngoài cửa. Sáng hôm sau, người của hiệu sữa đi nhặt vỏ chai, và đặt vào đó chai sữa đầy khác. Thật là tiện, ông bà cuối tháng cứ việc giả tiền.

Nhưng cũng có truyện buồn cười, là nếu ông hay bà đi nghỉ mát mà quên không báo tin hiệu sữa, người ta cứ việc mỗi sáng đem sữa đến đặt ở cửa, như vậy chai nọ nối đuôi chai kia. Ông bà đi vắng hàng tháng, hàng mấy chục chai nối đuôi nhau bịt kín cửa phòng của ông bà, mặc dầu, phận sự của người trao sữa vẫn làm, và lúc về ông bà trông thấy lối đi ở cửa bị lấp không khỏi bật buồn cười. Nhưng cuối tháng ông bà có cái hóa đơn của hiệu sữa, không trả không được ! Tuy nhiên sự thiệt hại không đáng là bao, vì sữa ở Anh rẻ gần như nước lã, nên sự tổn hại không có là bao nhiêu.

Một công việc chính của dân tộc Anh là tìm tòi nghiên cứu về khoa học.

Tôi đã đi thăm cuộc triển-lãm khoa học của nước Anh tại khu South Bank, ở phía Nam thành phố Luân-đôn. Người Anh rất hà tiện, nhưng trái lại đã tiêu những món tiền khổng lồ trong sự nghiên cứu khoa học. Cuộc triển-lãm phô bày những sáng chế tối tân, trình bày những lý thuyết căn bản khoa học. Tôi không khỏi cười khi nghĩ lại, hồi trước còn ở trường, lúc học về điện, toàn thể các sách đều dạy điện đi từ trụ điện dương đến trụ điện âm, mà nói chính đến điện, ta không thể cắt nghĩa rõ đó là một trạng thái gì. Nay cậu học trò thông minh trung bình, đã hiểu rằng điện tức là hàng trăm nghìn vạn điện-tử phóng từ một trụ này sang một trụ khác, nhờ sức phóng đó, gọi là *bombardement d'electrons* mới có những luồng điện thần tiên, cải thiện đời sống trong thế kỷ XX.

Cuộc triển lãm không những đã gợi trung trí tò mò học hỏi của người dân trung cấp, sức học thông thường, mà còn làm cho những học giả, những bác học suy nghĩ, nhờ ở sự trình bày đi từ cái dễ đến những cái khó cực điểm.

Nhưng, ngoài sự biểu-lộ của sức làm việc cần cù, chăm chỉ của người Anh, người ta thấy gì?

Anh John Bull cũng chơi. Anh chơi ngoài giờ làm việc. Các lối chơi của anh cũng hoạt động không kém lối làm việc, toàn thể đều hướng về các mục đích: giải trí tò mò, khuyến-khích sự sáng chế và trí mạo-hiêm.

Nói đến Paris ban đêm, ta phải nghĩ đến Place Pigalle, các hầm rượu St. Germain, xóm Montmartre. Luân-đôn cũng có Place Pigalle của nó, tức là Picadilly Circus, các đèn neon thì nhau vẽ trên trời những vệt sáng lờ. Khách làng chơi tản bộ, tất tay cầm một bên, lưng thưng trong những bộ cánh hợp thời trang.

Nhưng ở đây, người ta phải cử-chỉ một cách lịch-sự, vì đại-diện của trật-tự, tôi nói người cảnh sát, cao lênh khênh, đỉnh đội chiếc mũ quá cao toan thân phủ quần áo đen ngòm, - Có thể đi đến, bất cứ lúc nào để nhắc-nhở người ta trở lại vòng trật-tự và hạnh-khiêm.

Tôi đã có dịp dự một phiên xử của Tòa án Cảnh-sát, không có vành móng ngựa, có một chiếc bục cao, trước sau có bao lon, y như một chiếc cầu.

Phiên tòa xử cả những tội rượu chè. Những chàng quá chén làm huyền não trong tiệm hay rối trật tự ngoài đường, đều bị đưa về đồn Cảnh-sát để sáng hôm sau ra trước tòa vì cảnh. Chính-Phủ Anh rất gắt về việc rượu chè. Rượu vang, rượu mùi đều liệt vào hạng xa xỉ phẩm, thuế đánh rất nặng. Khách sang giàu mới có phương-tiện dùng đến.

Tôi hỏi một ông bạn người Anh:

— Những thứ rượu nặng, đã đánh là hạn chế. Nhưng rượu vang, ở nhiều nơi người ta uống như nước lã, đem lại sức khỏe cho dân, tại sao nước Anh không nhập cảng nhiều cho dân uống.

Ông bạn tôi trả lời: Chúng tôi cũng biết vậy. Nhưng người Anh, ở xứ lạnh thích uống rượu; nếu có nhiều lại càng bê tha, thà đừng có còn hơn, có phải giữ được cho phong tục trong trẻo.

Câu trả lời thật đáng làm gương cho ít nhiều vị bỏ lão sục lủy tre xanh bên nhà.

Một ông bạn khác thật thà hơn đã trả lời một cách khác:

— Nước Anh sau chiến tranh, đã phải hy sinh rất nhiều. Nay chúng tôi phải tiết kiệm. Rượu vang trong nước không sản xuất được. Mua của nước ngoài ư? Không được, tốn ngoại tệ. Chúng tôi phải giữ vững giá trị đồng bằng Anh của chúng tôi. »

Sau những câu chuyện làm ăn và chơi, tôi xin bước vào địa-hạt văn-hóa. Người Anh tôn sùng nhà đại-văn-hào Shakespeare như một bậc thánh. Dân Anh nhớ ơn Shakespeare đã làm cho tiếng Anh trở nên phong phú, đã tìm cho tiếng Anh nhiều phương-tiện đẹp để biểu lộ tư-tưởng. Những lời nói của Shakespeare đã trở nên những lời sấm truyền. Đây là một thí-dụ: lâu đài Tour de Londres là nơi vua chúa ở qua bao nhiêu thế kỷ, tượng trưng cho nền quân-chủ nước Anh. Ở đó, người ta đã nuôi 6 con quạ đen, hàng ngày cho ăn thịt. Nếu ta thấy sự sinh hoạt ở nước Anh bị hạn chế, miếng bíp-tếch dọn cho khách ăn chỉ mỏng bằng tờ giấy, các bà nội trợ phải biểu tình để đòi Chính-phủ tăng khẩu phần thịt hàng ngày, thì ta mới rõ việc nuôi 6 con quạ đen tại Tour de Londres là một sự hy sinh rất lớn, 6 quạ này phải cho ăn rất tốn, tốn ngang nuôi 6 binh-sĩ. Tại sao lại có sự hoang phí như vậy?

Thưa rằng nhà văn hào Shakespeare đã nói: « Nếu những con quạ đen này chẳng may bị chết thì những phiến đá của Tour de Londres sẽ sụp đổ và cùng, với tòa lâu đài này, đế quốc Anh sẽ sụp đổ theo ».

Chúng tôi đã tới thăm Stratford upon Avon là nơi sinh trưởng của Shakespeare cùng với hàng vạn khách du lịch ngoại-quốc, phần lớn người Mỹ. Thị trấn Stratford upon Avon không lớn, lần giữa các đồi xanh ngày xưa là rừng rậm. Một con sông nhỏ, nước xanh trong từ từ uốn khúc dưới các nhíp cầu, bên bờ các cây liễu cổ thụ rủ cành, dưới nước các bạch nga, hắc nga bơi chậm chạp. Nhịp sống ở đây có vẻ thơ mộng, khác hẳn nhịp sống kinh thành Luân-đôn hấp tấp vội vàng. Đây là nhà ở của Shakespeare thời xưa. Mỗi đồ vật đều có một bàn tay thành kính gom góp lại trong

các phòng; với các lời dẫn giải, thành một viện bảo tàng nhỏ. Shakespeare thuở nhỏ không phải là một cậu bé được chiều đãi. Cậu sống trong cảnh hàn vi, với một người cha làm nghề bán thịt. Chính cảnh khổ đó đã hun đúc cho cậu một tinh thần cố gắng, khiến cậu sớm hiểu đời và về sau đã viết ra những lời văn bất hủ còn lưu truyền trong sử-sách.

Còn về kịch? Tôi đã đi xem diễn một vở của Shakespeare: « Con giống tổ ». Tôi xin miễn phê bình vở này, chỉ xin nói qua tính cách các vở của Shakespeare. « Con giống tổ » cũng như « Giấc mộng đêm hè », cũng như « Hamlet », đều tiết lộ về hùng dũng, oanh liệt, câu chuyện bao phủ trong một bức màn huyền bí thần tiên. Về phương diện bài trí và dàn cảnh, các rạp hát bên Anh cũng như ở Pháp đều có dụng cụ tối tân, khiến công việc dàn cảnh được dễ dàng bội phần và giúp ích các kịch gia rất nhiều. Chẳng hạn sân khấu có một máy chạy điện lớn, có thể quay tròn. Khi đang diễn bên ngoài, bên trong đã dàn sẵn cảnh khác, để khi hạ màn, cảnh sau quay ra mặt trước, khiến tiết kiệm được thời giờ. Sân khấu lại còn nâng được lên cao hay hạ xuống thấp, để kịch-gia có thể tượng tượng những cảnh thần thoại lơ lửng trên mây. Mỗi vở diễn đều tập luyện công phu, phong cảnh, quần áo và tài-tử đều rất phong phú. Tôi lại được xem công diễn 2 vở kịch, tại Luân-đôn do Laurence Olivier và Vivien Leigh đóng vai chính. Đó là vở César và Cléopâtre của Shakespeare và vở Antoine và Cléopâtre của Bernard Shaw. Hai vở cùng là một nhân-vật trữ-danh trong lịch sử là bà Cléopâtre, Võ hậu tây phương, và một đại văn-hào đã phải bình phẩm: « Nếu mũi của Cléopâtre ngắn chút nữa thì cục diện thế giới đã đổi thay ». Cléopâtre có nhan sắc nguông nước nghiêng thành,

lại là người nhiều mưu kế thủ đoạn đã làm xiêu lòng hai vị anh hùng thời trung cổ, César và Antoine, hai người đã từng đánh Đông dẹp Tây. Dưới ngòi bút linh động của Shakespeare và Bernard Shaw, Võ tặc-Thiên tây-phương đã nổi bật tính cách người đàn bà đẹp và nhiều thủ đoạn, thứ nhất là Vivien Leigh đã diễn tả được một cách tuyệt vời vai chuyển tả khó khăn ấy. Laurence Olivier cũng là một tài tử bậc nhất của nước Anh, cách đóng trò già dặn. Nhờ tài năng của ông, ông đã được Anh-hoàng cất lên hàng quý phái, với tước Sir, vì vậy người ta thường gọi Sir Laurence Olivier. Điều này chứng tỏ người Tây-phương không quan-niệm như các cụ chúng ta « xướng ca vô loài ». Khán giả Hà thành đã được dịp thưởng thức tài nghệ của Laurence Olivier trong phim Hamlet chiếu tại các rạp chiếu bóng Hà-nội cách đây ít lâu...

Nghệ-thuật thứ bảy của Anh cũng phát triển rất mạnh. Kinh-đô chiếu bóng Mỹ là Hollywood, thì kinh-đô chiếu bóng của Anh là Elstree, cách Luân-đôn 30 dặm. Ở đây, có những kịch ảnh viện của các hãng sản xuất phim lớn của nước Anh. Người Anh đã đi bước đầu tiên trong loại phim tham khảo, làm cho loại phim này trở nên linh hoạt với một cốt truyện khêu gợi sự chú ý của khán-giả. Người Anh Grierson đã đi bước đầu tiên trong thứ phim đó của thế-giới, và đã làm

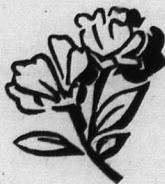
rạng rỡ cho nền điện ảnh nước Anh. Hiện nay, nha Thông-tin trung-ương của Anh gồm có một cơ-sở quan-trọng; tức là sở điện ảnh tuyên truyền, do ông Maddison điều-khiển. Ông này là Chủ-tịch Liên hội điện ảnh khoa học Quốc-tế. Chúng tôi đã đàm đạo với ông rất lâu quanh vấn-đề điện ảnh, địa vị tương lai của điện-ảnh, và công-dụng của nó trong công cuộc tuyên-truyền của một Quốc-gia.

Trước khi chấm dứt, tôi cần nhắc tới một thứ nghệ-thuật tối tân nữa mà tôi đã được dịp nghiên-cứu: đó là nghệ-thuật điện ảnh vô tuyến, (télécinéma.)

Một điện ảnh viện trung ương có thể phát ra một phim chiếu bóng, rồi các rạp khác ở trong phạm vi luồng sóng điện có thể thu nhận hình bằng vô tuyến điện, đem chiếu lên màn bạc cho khán giả xem. Người ta còn có thể thu nhận được hình và lời theo ba chiều của không gian, chiều ngang, chiều cao và chiều sâu. Và hình có thể nổi bật lên, nhất là khi người ta đeo một chiếc kính trên mắt, khiến cho khán giả thấy hiện rõ cảnh thật, sống trong cảnh thật.

Với những điều nhận xét trong cuộc Đại Triều Lãm và trong khi đi du-lịch các nơi, chúng tôi đã không tiếc công sức tới thăm một nước tân-tiến dưới trời Âu.

NGUYỄN-VĂN-NGỌC



PHÊ BÌNH Thời Sự

Văn-hóa và thanh-niên

— Văn-hóa là sức phát-triển của tinh-thần
và là sự đảm-nhận một trách-nhiệm.

A. GIDE

Bản báo trích đăng dưới đây, mảy lời tha thiết do ông Thủ-Hiến Bắc-Việt nhân-nhủ thanh-niên trong cuộc lễ Phát-thưởng ở Hà-nội ngày 15-6-1952

TUY còn mãi học tập trên ghế nhà trường, nhưng giữa những biến chuyển rón rập trong hoàn-cấu, các bạn hẳn đã có một ý thức rõ rệt về thời cục.

Chính để chống lại chủ nghĩa đề quốc dưới mọi hình thức, chính để đánh đổ những chế độ độc tài làm nghẹt thở quyền tự-do của cá nhân, nên hiện nay các nước dân chủ đang liên-hiệp chặt chẽ để tìm chung một tương lai sáng sủa cho nhân loại, thực hiện một trật-tự mới trong đó hết thảy giá-trị của con người đều được tôn trọng. Trật-tự mới ấy nhất định không thể xây trên Căm-hờn và Cường-bạo. Trật tự mới ấy lấy Nhân đạo làm phương châm, lấy Tự-do làm mục tiêu, lấy sự Bình đẳng liên minh làm căn bản.

Tranh đấu không ngừng để làm thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của dân tộc, Đức Quốc-Trưởng BẢO-ĐẠI đã đem hết tâm-trí, cố gắng đặt nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta vào một địa-vị ưu thắng trên trường quốc tế và đòi hỏi một sự hợp tác thành thực, bình đẳng với các nước dân chủ.

Đề thực hiện sứ mệnh lịch sử ấy, Ngài thiết tha hy-vọng vào các bạn, tiêu biểu của thế-hệ thanh-niên mới. Các bạn hãy cố gắng học tập, luyện trí rèn tài, để một mai đem nguồn sinh lực rồi rào bới đáp non sông, đưa Tô-Quốc đến Tự-Do và Hạnh-Phúc.

Mấy năm gần đây, được nhiều dịp tiếp xúc với thanh-niên các nước Âu-Châu để so sánh, tôi có thể tuyên bố một cách vô tư: thanh-niên Việt-Nam xứng đáng với tri quật cường của tiền nhân và có đầy đủ khả năng để chen vai thích cánh với tất cả các bạn trẻ trên hoàn cầu.

Thanh-niên Việt-Nam ngày nay không phải là những chàng trai trẻ năm xưa suốt ngày « lang thang đi tìm mây vãn thơ » hay tự hỏi « đời đáng chán hay không đáng chán ». Thanh-niên ngày nay không phải là những « tâm hồn yêu đuối » khao khát những « mộng yêu đương », để « sưỡi âm cõi lòng ». Thanh-niên ngày nay không sợ cuộc sống, không thua cuộc sống, không đầu hàng cuộc sống. Nhà sống ở đây trong mạch máu, thanh

niên Việt-Nam hoạt động không ngừng. Mục tiêu của các bạn là tranh đấu cho tự-do của cá nhân, của dân-tộc, của toàn thể nhân loại. Khẩu hiệu của các bạn là phá đổ những chế độ chuyên-chê, những gông cùm nô-lệ dưới mọi hình thức, nhất là về phương diện tinh-thần.

Trái nghĩa năm lệ thuộc nước Tàu, người Việt-Nam chúng ta vẫn giữ vững cả tinh dân tộc, không bị đóng hóa. Gần đây, văn minh Âu-Tây tràn lan sang đất nước, chúng ta thành thực hưởng ứng để hấp thụ những nguồn tư tưởng mới, nhưng vẫn giữ vững nền văn hóa cổ truyền xây trên trật tự gia-dình, trên quan niệm tương thân tương ái. Chúng ta nhất định không để những học thuyết ngoại lai, dù say sưa cảm dỗ đến mực nào, chỉ phôi tinh thần của dân tộc và phá hoại nền tảng của Quốc-Gia. Trong khi toàn dân đương cương quyết tranh đấu để thực hiện Độc-Lập cho xứ sở, chúng ta nhất định không chịu nô-lệ về tinh thần.

Bình luận về văn hóa, một nhà học giả Tây Phương gần đây đã nói một câu văn rất nhưng đầy ý nghĩa : « Văn hóa là sức phát triển của tinh thần và là sự đảm nhận một trách nhiệm ».

Những học thuyết kim hãm sức phát triển của cá nhân, những chế-độ đáng lẽ lấy con người làm cứu cánh, lại lợi dụng con người làm phương tiện, những học thuyết, những chế-độ ấy phân lại luật tiên hóa của nhân quần và nhất định không thể tạo nên một nền văn hóa nhân bản thuần túy.

Văn hóa đòi hỏi một trách nhiệm, một sứ mệnh. Sứ mệnh của văn-hóa là phụng sự nhân loại, trách-nhiệm của văn hóa là giải phóng nhân quần ; mục đích của văn hóa là

xây một trật tự chung lấy tự do và công-ly làm cơ sở.

Các bạn thân mến,

Sống trong khắc khổ của gia-dình, trong phạm vi chật hẹp của hoàn cảnh, thế hệ thanh niên của chúng tôi, hai mươi năm về trước, cần cỏi, buồn tủi và đau thương.

Ngày nay, nước nhà đã đứng trong hàng ngũ quốc-tê. Ngày nay, dù lớn hay nhỏ, các đoàn thể sinh hoạt đều là những động lực cần thiết trong guồng máy rộng lớn của hoàn cầu. Chân trời đã mở rộng để đón nguồn sinh-lực của các bạn, để làm thỏa mãn sức hoạt-động của thanh-niên. Tương lai đang chờ các bạn. Tổ quốc đang mong ở các bạn. Các bạn hãy chuẩn bị để hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của người thanh-niên trong thế kỷ mới.

Với một bộ óc sáng suốt, với một sự phán đoán vô-tư, các bạn hãy nhìn xa trông rộng, và chọn ngay từ bây giờ con đường của các bạn phải theo, con đường Công-Lý và Tự-Do.

Giá trị của một dân tộc là giữ vững được tinh thần Độc-Lập giữa những cuộc thử thách làm lay chuyển nền tảng của Quốc-Gia. Giá trị của con người là đứng để cho cơn gió lốc của lịch sử tung đi ném lại như một chiếc lá khô.

Trước khi ngừng lời, tôi chân thành đặt hết tin tưởng vào các bạn. Lập phẩm cao, nuôi chí lớn, các bạn hãy gắng công học tập để tạo cho nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta một ngày mai đầy tươi sáng.

Những biên-chuyện lớn từ 1945 đến 1951

SÁU năm đã trôi qua.

Từ năm 1945, trận thế giới đại chiến thứ hai đã kết-liều. Nhân loại bắt đầu mừng thắm. Tinh ra, có đến 32 triệu người tử trận, từ 15 đến 25 triệu thường-dân chết vì bom, 25 triệu chết vì tù đầy trong những trại an-tri, 21 triệu người bị phá-sản...

Sáu năm trôi qua... Đến năm 1951, mới lo sự chưa hết hẳn, chỉ có « đôi chỗ » mà thôi. Một bức màn sắt chia hai khối thù. Chiến tranh chỉ tắt dần ở Hy-Lạp, rồi nhóm lên ở Mã-Lai, Đông - Dương và Cao - Ly. Những nước hóm qua là đồng minh, ngày nay đã trở nên thù-ngịch, và trái lại, nhiều nước nguyên là thù địch, đã trở nên đồng-minh. Oái oăm thay, chỉ có cách cò giữ vững hòa bình bằng sức-mạnh.

Vì sao nhân loại ngày nay lại bị dồn đến đó ? Muôn có nhiều tài-liệu trả lời câu hỏi đó, chúng tôi xin vạch rõ những cuộc biên chuyện lớn lao qua sáu năm, từ 1945 đến 1951.

1945

- 8 - 5. — Đức - quốc - xã đầu hàng.
— 26 - 6 : Tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc (O.N.U.) ra đời tại Cựu-kim-Sơn (San-Francisco.)
— 6 - 8 : Quả bom nguyên-tử đầu tiên ném xuống thành phố Hiroshima (Nhật-Bản.)

8 - 8. — Thỏa - hiệp Potsdam (giữa Truman-Attlee và Staline). Tạo lập hội đồng 4 ngoại trưởng (Mỹ, Anh, Nga, Pháp) để giải quyết những vấn đề quốc tê.

8 - 8. — Thủ hội nghị Potsdam, mỗi nước giải thích thỏa-hiệp một cách riêng.

Nga-xô-việt cắt đứt đại của Đức cho sáp nhập một cách nhất định vào Ba-Lan. Bốn ngoại trưởng không bao giờ có thể họp mặt và hoạt động có hiệu quả được nữa.

9 - 8. — Quả bom nguyên - tử thứ 2 được thả xuống thành phố Nagasaki.

15 - 8. — Nhật - bản đầu hàng

26 - 11. — Tại Ba - tư, tinh Azerbaïdjan nổi loạn do sự xui giục của đảng thân Cộng Tudeh.

Năm 1946

30 - 1. — Liên - Hiệp - Quốc giải quyết việc Azerbaïdjan.

6-3. — Tại Fulton (Mỹ) ông Churchill chững nhận : « Từ Stettin (Đức) đến Trieste (Ý), bức màn sắt đã buồng xuống lịch địa. »

1-7. — Tại Bikini trong thời gian « hòa bình », Mỹ thả bom nguyên tử lần đầu để thí nghiệm — Lần thứ thứ hai và thứ ba vào những ngày 26-7, và 4-9.

Ngày 16-12. — Quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của đại tướng Deleclerc vào đóng tại V.N.

Đêm 19-12. — Cuộc chiến tranh bùng nổ tại Hà-nội.

Năm 1947

12-3. — Tại Hoa-thịnh-Đôn, trước sự căng thẳng của Đông và Tây, tổng thống Truman tuyên bố : « Những dân tộc tự do trên thế giới chờ đợi ở chúng ta sự giúp đỡ họ để giữ nền tự do. » Đó là bản phát-biểu chủ-nghĩa Truman.

5-6. — Tại Harvard (Mỹ) tướng Marshall tuyên bố ý định chương trình viện trợ kinh tế cho những nước ở Âu châu bị chiến tranh tàn hại.

21-7. — Chiến tranh giữa Nam-Dương và Hà-Lan tại quần đảo Nam-Dương đã bùng nổ.

15-8. — Ấn-độ tuyên bố độc lập, và cả Hối quốc (Pakistan). Ấn-độ và Hối-quốc gây nhiều vụ dò máu vì vấn đề Cachemire.

27-11. — Tại Palestine, Liên-Hiệp-Quốc chia làm hai nước liên bang tại Palestine, một là A-lập-bá, hai là Do-Thái.

29-11. — Cũng tại Palestine, chiến tranh xảy ra giữa Do-Thái và khối A-lập-bá; khối này không chịu công nhận sự quyết định của Liên-Hiệp-Quốc.



Vịnh Hạ Long

Năm 1948

17-3. — Tại Bruxelles (thủ đô của Bỉ-lợi thi), Hiệp ước tay 5, (Pháp, Anh, Bỉ, Lục-xâm-Bảo, Hà-Lan) lập thành khối Liên hiệp miền Đông: Liên kết phòng thủ chung.

23-4. — Bá-Linh: Nga bắt đầu phong tỏa. Các cường quốc chống lại bằng cách tạo nên 'cầu hàng không'.

Năm 1949

28-1. — Tại Ba-Lê, tạo lập nên Hội-nghị Âu-châu, mồm giông của những nước Âu châu liên kết sau này.

8-3. — Đức Bảo-Đại cùng Tổng-Thống Pháp Auriol trao đổi giác-thư tại Ba-Lê, xác định nguyên-tắc về nền độc lập và thống nhất của Việt-Nam. Thề là vì anh-hùng dân-tộc đã cứu vãn non sông sau bao nhiêu cơn nguy biến.

28-4. — Đức Bảo-Đại về nước để cứu vãn tinh-thê và xây-dựng nền độc-lập và thống-nhất thực-sự cho nước Việt-Nam.

6-5. — Hiệp-định Hà-Long giữa Việt và Pháp ra đời. Một chính-phủ quốc-gia Việt-Nam đã thành lập, để phục-hưng Quốc-gia.

4-4. — Tại Hoa-thịnh-Đôn, hiệp ước Đại-tây-Dương đã được ký để phòng thủ chung.

12-5. — Cuộc phong tỏa Bá-Linh kết liễu. 351 phi cơ Anh, Mỹ đã đâm nhận cầu hàng-không, bay được 126 triệu cây số, (3160 lần vòng quanh thế giới), chở 1.522.635 tấn hàng hóa. Tồn kém: 173 triệu 50 vạn Mỹ-kim, và hại mất 57 người bị nạn.

Tháng 9. — Nội chiến ở Hy-Lạp kết liễu
27-12. — Tại La Haye (Hà-Lan) Hội-nghị Nam-Hà chấm dứt chiến tranh ở Nam-Dương.

30-12. — Các phụ ước Việt-Pháp ký ở Sài-gòn xác-định chủ-quyền nội-bộ Việt-Nam đã hoàn-toàn thu hồi.

Năm 1950

25-6. — Tại Cao-Ly, chiến tranh Nam Bắc Cao bắt đầu. Bắc xâm lăng Nam. Mỹ can thiệp cùng 15 nước hội viên của L.H.Q.

15-8. — Tại Ajakarta: thành lập nước Nam-Dương thống nhất và độc lập.

Năm 1951

7-3. — Tại Têhêran (thủ đô Ba-tư), việc quốc hữu hóa dầu hỏa do Mossadegh

được đề xướng — Kiêu dân Anh bắt buộc phải nghe hay phải hỏi hương.

Vì tình đoàn kết, Ai-cập phong tỏa kênh Suez với lý do: cấm bán dầu hỏa cho Do-Thái, xem như đã thắng khối A-lập-bá. Thực ra, chiến tranh Do-Thái A-lập-bá đến ngày nay vẫn chưa kết liễu hẳn.

Từ tháng 9 đến 23-12. — Hội nghị liên-quốc Việt. Mên, Lào, Pháp họp ở Pau, và sau đây các phụ-ước ký tại Sài-gòn (ngày 23-12-1950) trả lại Việt-Nam những chủ-quyền về ngoại thương, tài-chính, quan thuế, bưu điện, kế-hoạch.

30-8 đến 10-9. — Tại Hoa-thịnh-Đôn, rời Cựu kim-Sơn, đã có ba hiệp ước về việc phòng thủ chung.

1) Với Phi-luật-Tân.

2) Với Úc-dại-lợi và Tân-tây-Lan.

3) Với Nhật-Bản do 48 nước ký vào hiệp ước Hòa-bình. Việt-Nam đã được đại diện một cách vẻ vang. Ngài Thủ-Tướng Chính-Phủ Trần-văn-Hữu đã tự cầm đầu phái đoàn.

4-9. — Tại Hoa-thịnh-Đôn, Tổng thống Truman tuyên-bố: 'Mỹ vừa mới phát minh một khí giới ghê gớm. Chúng ta mong rằng sẽ không dùng đến, vì khí giới này có thể mang lại việc tận thế! Đó là một khí giới vi trùng.'

14-9. — Tại Hoa-thịnh-Đôn, tam cường (Mỹ, Anh, Pháp) đồng thỏa thuận tạm ký một khế ước hòa bình với Tây Đức, cho nước này vào khối phòng thủ chung Âu châu và được hưởng quyền lợi ngang hàng với các nước khác.

19-9. — Hoa-thịnh-Đôn cho biết đã chỉ phi về nguyên tử lực mất 7.900 triệu Mỹ Kim. Bom khinh khí, đại bác nguyên tử, tàu ngầm nguyên tử đã xuất hiện. Hiện người ta đang nghiên cứu dùng nguyên tử lực để

bảo chế thuốc và dùng trong kỹ nghệ với những kết quả mỹ mãn.

20-9. — Tại Ottawa (Gia-nã-đại), 12 nước hội viên khối Đại-tây-Dương dự định mời Hy-Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ gia nhập, và mở rộng cuộc hợp tác về cả mặt kinh tế, xã hội lẫn chính trị.

Liên hiệp Đại-tây-Dương ra đời.

25-9. — Vấn đề dầu hỏa trở nên rất gay

go giữa Anh và Ba-tư. Mossadegh bay sang hợp mặt ở L.H.Q.

Tháng 10. — Ai-Cập bắt đầu đòi lại kênh Suez. Nhiều vụ xung đột xảy ra giữa hai nước. Anh tái hàng chục vạn quân sang giữ kênh Suez.

Tại Anh quốc, đảng Bảo thủ chiếm đa số trong cuộc tổng tuyển cử. Ông Churchill lại lên giữ chính-quyền.

HUYỄN-GIANG

Cảnh Sầm - sơn

(Bài thứ hai) (1)

*Dừng xe với bước xuống Sầm - sơn,
Chợt thấy thu-không vắng trống đồn.
Ngọc-thỏ chen mây nhỏ một nước,
Kim-ô say nắng nấp đầu non.
Buồm hồng giương thẳng xa xa lại,
Sóng biển xô nhau lớp lớp rờn,
Cùng bạn dong chơi rồi tắm mát,
Ra về lai láng mới tình con.*

HỒNG-THẠCH
ĐỒ - HUY - ĐAN

1) Xem bài thứ nhất trang 425

XIN CHÚ - Ý

Trong bài thơ « Xem hoa quỳnh nở » đăng số báo trước (trang 306), xin đọc là : « Non Bồng nước Nhực » thay cho « Non Thần núi Nhực ».



A. — Công-văn

Nghị định số 500 CAB/SG ngày 30-6-1952 cử các Đại-diện Chính-phủ Việt-Nam trong Ủy-ban quân-trị trường Viễn-Đông Bác-cử. Sở Địa-chính và Địa-hình Nam-Việt, Tổng Thanh Tra Địa-chính và Địa-hình.

Sài-gòn, ngày 30 tháng 6 năm 1952
Ký tên : NGUYỄN-VĂN-TÂM

Thủ-Tướng Chính-Phủ

Chiều

NGHỊ-ĐỊNH

Điều thứ 1, — Đề hợp thức hóa, nay cử các Đại-diện Chính-phủ Việt-Nam trong Ủy-ban Quân-trị Trường Viễn-Đông Bác-cử như sau :

— Hội viên thực thụ :

Ngài NGUYỄN-THÀNH-GIUNG, Tổng trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

— Hội viên dự khuyết :

Ông NGUYỄN-VĂN-KHAI, Giám-đốc

Sự - vụ - lệnh số 3479 - GD ngày 26-7-1952 cử người đảm-nhiệm công việc Bảo-Tồn Cỗ-tích.

Ông PHẠM-XUÂN-ĐỘ, Đốc-học hạng nhất, Chánh-sự-vụ sở Văn-hóa Mỹ-thuật tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục Hà-nội, nay được cử tạm thời kiêm đảm nhiệm công việc Sở Bảo-Tồn Cỗ-tích, trong khi chờ đợi tuyển bổ một Giám-đốc khác, thay ông NGUYỄN-GIA-ĐỨC xin từ chức.

Sài-gòn, ngày 26 tháng 7 năm 1952,

Ký tên : NGUYỄN-THÀNH-GIUNG

B. — Tin trong nước

● Phát-thanh. — Những buổi phát thanh dành riêng cho Bộ Q.G.G.D. vào ngày chủ nhật tại Sài-gòn và Hà-nội, đã nói về những vấn đề văn-hóa và giáo dục.

Trong tháng bảy và tháng tám dương lịch vừa qua, đã có những bài bình luận sau đây :

- 1) Học nghề xưa và nay.
- 2) Văn-miếu Hà-nội.
- 3) Nhà trường; là đức nhân tài.
- 4) Học thực nghiệp.
- 5) Lễ phép và lịch sự.

● Lễ phát phần thưởng cho học sinh ba trường trực-thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Kỹ nghệ chuyên môn, Quốc-gia Mỹ nghệ, và Chuyên nghiệp dạy người mù đã tổ chức ngày 27-6-1952 hồi 9 giờ sáng, tại trụ sở trường Kỹ nghệ, dưới quyền chủ tọa của ông Thủ-Hiến Bắc-Việt.

● Kỳ thi nhập học trường Quốc-Gia Hành-chính tại Đà-lạt, năm thứ nhất, sẽ mở tại Hà-nội, Huế và Sài-gòn ngày thứ hai 15-9-1952 hồi 8 giờ sáng.

Số thi sinh được tuyển sẽ ấn định sau.

Chương trình thi nhập học là chương trình thi tú tài Việt-Nam phần thứ nhất.

Đơn xin dự thi phải gửi đến Bộ Q.G.G.D. Sài-gòn, trước ngày 1-9-1952.

● Ngày 9-7-52, đã cử hành lễ khánh thành Phòng Thông-Tin Công nghệ Việt-Nam của Thành phố Hà-nội, dưới quyền chủ tọa của ông Thủ-Hiến Bắc-Việt. Một số đông nhân viên cao cấp, các thân hào và các nhà công nghệ đã tới dự lễ.

● Ngày 15-7-1952, ban Trị-sự Văn Hóa Hiệp Hội có đặt tiệc trà tại Phòng khách nhà Thông Tin Bắc-Việt để chúc mừng Ông Hội-Trưởng Ngô-thức-Địch. và

các vị hội-viên Cung-đình-Quy, Lê-Thắng Trần-đình-Quế, đã tham dự Chính Phủ Việt-Nam. Đáp chúc từ, Ông Ngô đã hứa sẽ không quên nâng đỡ nền Văn Hóa nước nhà, nhất là khi Ngài Thủ-Tướng cũng là một nhà văn.

● Đài Phát thanh Đà-lạt đã phát âm ngày 2-8-52, mới rồi một bài luận thuyết bàn về việc thiết lập một Hàn lâm viện văn chương Việt-Nam.

Tác giả bài ấy đã vạch rõ những nỗi khó khăn lúc buổi đầu, nhưng vẫn mong ở thiện chí và tài năng của các nhà cầm bút.

● 14-8-52 — Một bạn đọc đã có nhã ý cho biết là câu ca dao :

*Có kia tát nước bên dàng,
Sao có mang ánh trăng vàng đi đi ?*

đã dó mấy vần thơ như sau của thi-sĩ Bàng-Bá-Lân đọc trạnh ra :

*Trời cao, mây bạc, trăng tròn,
Đề thân hiu-quạnh, tre buồn ni-non.*

*Điều ai gọi gió véo von,
Cảnh soạn đùa ánh trăng sương tựa dàng.*

*— Hỡi cô tát nước bên dàng,
Sao có lại mức trăng vàng đi đi ?*
(1934)

Bản báo có lời thành thực cảm ơn về lời bỏ-khuyết kể trên, và mong được biết địa chỉ của thi sĩ Bàng-bá-Lân.

● 20-8-52 — Đã nhận được số 1 tuần-báo thanh-niên và thể-thao « Sinh-Lực » xuất bản tại Hà-nội. Mục-đích của tạp chí đó là huấn-luyện thanh-niên và giáo-dục quần-chúng, để gây một nguồn sinh-lực dồi-dào cho dân-tộc, và củng cố nền độc-lập của quốc-gia.

« Văn-hóa nguyệt-san » thành thực chúc bạn đồng nghiệp trường thịnh.

C. — Tin các nước

● Ông Nguyễn-phước-Vọng, chủ-tịch Ủy-ban Thê-vận Quốc-gia Việt-Nam vừa ở Helsinki về, đã bày tỏ với một thông-tin-viên hãng Thông-tấn Pháp cảm-tưởng của ông trong thời-gian ông còn ở thủ-đô Phần-Lan. Theo ông, thanh-niên Phần-lan tỏ ra vừa nhã-nhận, vừa có một kỷ-luật nghiêm-trang. Nhân-dân không quên dành cho nền thê-đục một địa-vị xứng-đáng. Phái-đoàn Việt-Nam đã có dịp tới thăm một lâu-đài thê-thao, ở giữa thủ-đô và tỉnh Lahti, trong đó, các lực-sĩ có đủ các phương-tiện tập tuyện...

● Một nhà khoa-học Nhật-Bản mới phát minh một thứ máy chữ tân-kỹ. Người ta dùng trước máy phóng thanh vô tuyến điện gắn vào máy chữ, rồi nói lên là tự khắc máy ấy đánh chữ vào giấy theo kịp lời nói.

● Tại thủ đô Phần-lan đã tổ-chức cuộc Thê-Vận thứ 15 từ ngày 19-7-52 đến 2-8-52. Có 74 nước phái đại biểu đến dự.

● Theo tin Việt-Nam Thông-tấn-xã, Chính-phủ Quốc-Gia Trung-Hoa căn cứ vào sự khẩn-cứu của các nhà chuyên-môn về Không-giao, cho hay rằng đức Không-tử sinh cách đây 2.600 năm, vào ngày 12 tháng 8 âm-lịch, chứ không phải ngày 27 tháng 8. Vì vậy, Chính-phủ đó định sẽ lấy ngày 30 tháng 9 dương lịch (tức 12 tháng 8 âm-lịch) làm ngày đản Đức Không-Tử, để làm lễ kỷ-niệm Ngài.

Trong báo Giang-Son xuất-bản ngày thứ năm 14-8-52, tác giả bài « Nói chơi » bàn rằng riêng ở nước ta, thiết-tưởng nên giữ ngày 27 tháng 8 âm-lịch làm ngày Thụ-tế Đức Không; vì theo ý tác-giả, một sự thay đổi trong ngày lễ có thể là một « điều bất-khính đối với tiền-nhân ».

● Bà Maria Montessori, tác-giả những cuốn: Phương pháp sư phạm theo khoa y học (1909), Phương pháp tự học trong trường sơ đẳng (1916), Những trẻ ở Giáo-đường (1935), Con trẻ (1936), vừa mới tạ thế hồi tháng năm dương lịch vừa qua, tại Nardwich-ann-Zee (Hòa-lan). Bà vốn là một nữ sư-phạm người Ý; bà tới trú-ngụ tại Hòa-Lan, với gia-đình, từ ngày có phong trào phát-xít Bà đã hưởng thọ 82 tuổi. Trong thư cáo phó do « Hội Liên-Quốc Montessori » gửi đi các nơi, người ta đã ghi : « Bà đã suốt đời tranh đấu cho hòa bình và công lý ».

Tạp chí « Giáo-dục nhi đồng » xuất bản ngày 25-5-1952, trong khi báo tin bà mất, cũng đã viết : « Maria Montessori không những sẽ lưu danh thiên cổ, vì là một nhà nữ sư phạm đại tài. Bà còn là một trong những vĩ nhân, đã giúp ích sự tiến hóa của hoàn cầu. Vì vậy, bà có quyền được hầu hết mọi người nhớ ơn »

● Bà Eva Peron, phu nhân vị Tổng Thống Argentine, đã mệnh chung ngày 26-7-1952. Vì bà đã có công với Tổ-quốc, nên toàn dân tỏ lòng thương tiếc, và Chính-phủ Argentine đã định rằng : « từ nay, mỗi năm, ngày bà mệnh chung sẽ được coi là một ngày quốc tang ».

● Theo tin đài phát-thanh Rio de Janeiro (25-8-52), 1000 bác-sĩ của 42 nước dự Đại-Hội Quốc-tế thứ 12 chống bệnh lao, nhóm tại Rio de Janeiro dưới quyền chủ tọa của tổng-thống Brasil Getulio Vargas. Các bác-sĩ sẽ thảo luận về cách chẩn bệnh, cách chữa và các biện pháp phòng-cáo phòng ngừa để chống lại bệnh nguy hiểm này.

Từ-ngữ hành-chính

(Pháp-Việt đối-chiến)

(Tiếp theo Văn-Hóa số 3)

- Appelant : người chống án.
 Appelé : người bị kháng tố, kháng cáo.
 Appeler : gọi, chống án.
 Appeler en cause : gọi ra đương sự.
 Appeler d'un jugement : chống án, phúc cáo, kháng cáo, kháng án.
 Appeler en témoignage : đòi ra làm chứng.
 Appeler une affaire à l'audience : đem việc kiện ra phiên tòa, đứng đường.
 Appeler à la soumission : chiêu hàng.
 Appeler quelqu'un en garantie : gọi ai ra đảm bảo.
 Appellation : tên gọi, danh xưng, mệnh danh.
 Appellation habituelle : thông xưng tên tục.
 Appendice : phụ quyển.
 Appendice d'un ouvrage : phụ lục, phụ quyển.
 Appentis : bán mái, nhà phụ, nhà bên.
 Applicable : có thể ; ứng dụng, thích dụng, có thể thi hành, thực hành.
- Méthode applicable : phương pháp ứng dụng được.
 Loi applicable : luật lệ có thể thi hành, chiếu dụng.
 Application : sự ứng dụng, thi dụng, chiếu dụng, thi hành, thực hành.
 Application d'une loi : sự thi hành, ứng dụng, chiếu dụng một đạo luật.
 Requérir l'application de la loi : xin thi hành, xin ứng dụng luật pháp.
 Application rigoureuse de la loi, des règlements : thẳng phép thi hành.
 Application d'un principe : ứng dụng, chiếu dụng một nguyên tắc.
 Application d'une peine : sự ứng dụng một hình phạt.
 Mettre en application : thi hành.
 École d'application : trường thực hành.
 Appliquer : ứng dụng, thi dụng, chiếu dụng, thi hành, ứng hành, thực hành.
 Appliquer une loi : ứng dụng, thi hành pháp luật, dụng luật, hành pháp, thi pháp.

- Appliquer une peine : thi hành hình phạt, dụng hình.
 Sciences appliquées : khoa học ứng dụng, thực hành.
 Appoint : tiền lễ.
 Faire l'appoint : thêm tiền lễ cho đủ số (về kế toán).
 Appointements : lương bổng, bổng cấp, tiền công lương hưởng.
 Gagner des appointements à ne rien faire : thi lộc.
 Apport : phần góp, phần vốn, xuất tư, kỹ phần, của góp, phần đóng, phần hùn, phần góp, khoản góp, giá tư.
 Apport social : phần góp vào hội.
 Apport en espèces : phần góp bằng tiền mặt.
 Apport en nature : phần góp bằng hiện vật, khoản góp bằng hiện vật.
 Apport de la femme : vốn riêng của vợ mới cưới, giá tư.
 Action-apport : cổ phần hiện vật.
 Apport en industrie : phần góp bằng công nghệ.
 Apporteur : người góp.
 Actionnaire apporteur en nature : người cổ động góp bằng hiện vật.
 Apposer : đóng vào, dán vào, dán giấy, áp vào.
 Apposer les scellés : niêm phong.
- Apposer une affiche : dán giấy, niêm yết, dán quảng cáo.
 Apposer un cachet : đóng triện, đóng dấu, đóng kiếm, áp triện.
 Apposer une signature : ký tên.
 Apposer l'empreinte digitale : không chỉ, áp chỉ.
 Apposer une clause à un acte : ghi một điều khoản vào văn khế.
 Appréciation : sự phê phán, phán định, phê bình, cân nhắc, xét định, tài định, phẩm dề, phẩm bình.
 Appréciation du juge : sự xét đoán của thẩm phán, sự xét định, tài định, của thẩm phán.
 Plénitude d'appréciation : toàn quyền tài định, xét định.
 Appréciation juste : phán đoán đúng, xác đáng.
 Appréciation erronée : phán đoán sai lầm.
 Élément d'appréciation : tài liệu để phán đoán,
 Apprécier : phê phán, phán đoán, phê bình, dề bình, bình giá, cân nhắc, xét lượng, xét định, tài định, xét đoán, tham chước, chước lượng, thưởng thức, tán thưởng.
 Apprécier souverainement : toàn quyền tài định.
 Apprécier quelqu'un à sa juste valeur : xét người đúng chân giá trị.

- Apprécier la valeur : *lượng giá, xét giá trị.*
- Apprécier les bienfaits de : *cảm bội công ơn của...*
- Apprécier quelqu'un : *phục tài, biết tài, xét rõ giá trị của ai.*
- Apprécier les faits de la cause : *cán nhắc tình tiết của vụ kiện, suy xét tình lý vụ kiện.*
- Appréhender : *tróc nặc, bớ tróc, bắt.*
- Apprenti : *người học nghề, tập nghề, học việc, tập việc.*
- Apprentissage : *sự học nghề, tập nghề, học việc, tập việc.*
- Approbation : *sự ưng thuận, chuẩn y, phê chuẩn, ưng chuẩn, duyệt y, chấp nhận, tán thành, thừa nhận.*
- Soumettre à l'approbation de : *trình ai kiểm định, thẩm định.*
- Approcher : *lại gần, cho lại gần.*
- Approfondir : *đào sâu, suy kỹ, khảo cứu, khảo sát, khảo thảo, truy cứu, suy cứu.*
- Etude approfondie : *sự khảo cứu tường tận, kỹ càng, sự thâm cứu.*
- Approfondir une question : *thăm cứu kỹ một vấn đề, nghiên cứu kỹ một vấn đề.*
- Appropriation : *sự chiếm thủ, chiếm hữu, chiếm đoạt.*
- Droit d'appropriation : *quyền chiếm thủ, chiếm hữu.*
- Appropriation injuste : *sự chiếm đoạt trái phép, bất công.*
- Approprier : *làm cho thích ứng.*
- Mesures appropriées : *phương sách thích dụng, thích hợp, thỏa đáng, thích ứng.*
- S'approprier : *chiếm thủ, chiếm hữu, chiếm đoạt, chiếm cứ.*
- S'approprier la chose publique : *chiếm công vi tư.*
- S'approprier un héritage : *chiếm thủ, chiếm hữu, chiếm đoạt di sản.*
- S'approprier indument : *chấp chiếm*
- S'approprier sans raison : *lạm thủ.*
- Approuver : *ưng thuận, ưng chuẩn, chuẩn y, duyệt y, tán thành, thừa nhận, chấp thuận, phê chuẩn, tán thưởng, nhận khả, thông quá, ưng đoán, khả quyết, xét ưng.*
- Approuvé : *chuẩn y, y nhất, nghĩ ưng.*
- Proposition approuvée : *chiếu chuẩn.*
- Lu et approuvé : *đã duyệt và ưng thuận. Đã đọc lại và thuận nhận.*
- Approuvé et signé : *ký nhận.*
- Approuvé officiellement : *công đoán, chính thức công nhận, chuẩn y.*
- Approuver une attitude : *tán thành một thái độ.*
- Approvisionnement : *sự tích lương, tích trữ, súc tích.*

- Approvisionnement : *cung cấp.*
- Approvisionnement une armée : *tiếp tế quân đội.*
- S'approvisionner : *tích trữ, tích sản, đôn tích, đôn lương.*
- S'approvisionner en vivres : *đồn lương, tích trữ lương thực.*
- Approximatif : *phỏng chừng, đại khái, đại lược, phỏng đoán, ước đoán, ước lượng, ước đoán.*
- Chiffre approximatif : *khái số (kế toán).*
- Devis approximatif : *tờ lược khai giá, tờ dự toán lược khai.*
- Appui : *sự tựa, sự giúp đỡ, nâng đỡ, tán trợ, yểm hộ.*
- A l'appui de : *để chứng minh, để chứng thực cho...*
- Point d'appui : *cơ điểm, điểm tựa.*
- Sans appui : *có thể.*
- Appuyer : *tựa, giúp đỡ, nâng đỡ, tán trợ, yểm hộ.*
- Appuyer une demande : *tán trợ lời thỉnh cầu.*
- S'appuyer sur : *bằng cứ vào, dựa vào, ý cứ.*
- S'appuyer sur une loi : *bằng cứ vào một đạo luật, dựa vào một đạo luật, phụ vào một đạo luật.*
- S'appuyer sur l'autorité de : *ý thế, cậy thế ai, thị thế ai.*
- S'appuyer l'un sur l'autre : *trương trợ, dựa lẫn vào nhau.*
- Après : *sau, sau khi, sau thời kỳ.*
- Ci après : *sau đây.*
- D'après : *căn cứ vào, chiếu theo, theo như.*
- Après midi : *ngọ hậu, hạ ngọ.*
- A priori : *tiên thiên — concept a priori : khái niệm, tiên thiên.*
- Apte : *đủ tư cách, hợp cách, có năng lực, có khả năng.*
- Apte à recevoir un legs : *đủ tư cách để thu nhận của di tặng.*
- Apte physiquement à : *đủ sức khỏe để làm việc gì.*
- Aptitude : *tư cách, tài năng, năng lực, khả năng.*
- Aptitude naturelle : *bản năng.*
- Aptitude physique : *lực lượng, sức khỏe đủ.*
- Aptitude professionnelle : *năng lực về chức nghiệp, khả năng về nghề nghiệp, khả năng riêng.*
- Aptitude particulière : *đặc trường, sở trường riêng, đặc tài.*
- Apurement : *sự thanh toán, tất toán, thanh lý, kiểm tra (thương).*
- Apurer : *thanh lý, thanh toán, tất toán, kiểm tra (thương).*
- Apurer une dette : *binh trái, thanh toán món nợ, thanh toán.*
- Apurer un compte : *thanh lý, thanh toán, tính sổ, kiểm duyệt, kế toán (các sổ sách về tiền bạc).*
- Aqueduc : *cầu dẫn thủy, thủy đạo, dẫn cầu, cầu cử.*
- Servitude d'aqueduc : *địa dịch thủy đạo, địa dịch dẫn thủy.*

Aratoire : thuộc về canh tác.

Instruments aratoires : nông cụ, nông khí, điền khí.

Arbitrage : sự điều xử, hòa giải, trọng tài, tài định, công đoán, tài phán.

Arbitrage international : sự trọng tài quốc tế.

Traité d'arbitrage : hiệp ước trọng tài.

Arbitrage de change : tài định hối đoái.

Arbitrage des rentes : sự định loan về công trái, niên kim.

Arbitrage commercial : công đoán thương sự.

Conseil d'arbitrage : hội đồng trọng tài.

Arbitraire : chuyên quyền, lạm quyền, chuyên chế, độc tài, độc đoán, quyền chế, chuyên đoán.

Séquestration arbitraire : giam cầm trái phép, độc đoán.

Arrestation arbitraire : bắt người trái phép, lạm quyền, độc đoán.

Pouvoir arbitraire : quyền lực chuyên chế, quyền chế, cực quyền.

Détention arbitraire : sự giam độc đoán, trái phép.

Saisie arbitraire : sai áp trái phép, độc đoán.

Acte arbitraire sur les biens du débiteur : chuyên chế đối với tư sản của người mắc nợ.

Arbitrairement : thiên nhiên, một cách độc đoán, chuyên chế.

Arbitral : trọng tài, tài định, công đoán.

Tribunal arbitral : tòa trọng tài.

Arbitre : trọng tài, trung tài, điều nhân, công đoán nhân, điều trung.

Libre arbitre : quyền tự chủ, tự thắm.

Arbitrer : tài định, phân xử, điều xử, đứng làm trọng tài.

Arbre :

Arbre généalogique : thế hệ biểu tông chi đồ, bảng kẻ thế thứ; công chi tộc phả, tộc hệ biểu, thế thứ biểu.

Archaïque : cổ, cũ, xưa, trần cựu.

Archéologie : khảo cổ học, cổ tích học, cổ vật học.

Archives : văn thư, công văn, phòng lưu trữ công văn; văn khố, sách phủ, văn thư lưu trữ, văn kiện, thủ tịch quan trọng lưu trữ.

Archives parlementaires : nghị viện ký lục tập.

Archives vivantes : bút lục, hồ sơ hiện hành, công văn hiện hành.

Archives mortes : tử tập.

Archiviste : người bảo thủ công văn, quản lý văn khố, người giữ công văn, bộ tạo.

Secrétaire archiviste : thư ký giữ công văn lưu trữ.

Ardent : anh nhuệ, hăng hái, có nhiệt tâm.

Ardeur : lòng hăng hái, nhuệ khí, nhiệt tâm.

Areligieux : phi tôn giáo.

Argent : tiền, bạc.

Etalon-argent : ngân bản vị, bản vị bạc.

Argent comptant : tiền ngay, tiền mặt, hiện khoản.

Argent liquide : tiền vốn lưu thông, tiền mặt hiện ngân.

Argent consigné : tiền dự ký tồn khoản.

Argent allié : bạc pha.

Argent fin : bạc ròng, bạc nguyên chất.

Argent pur : bạc ròng, bạc nguyên chất.

Argent massif : bạc tuyền.

Argent natif : bạc thiên nhiên.

Argenter : mạ bạc.

Arguer : biện luận.

Arguer un acte de faux : tố cáo văn kiện giả mạo (lì dưng).

Arguer d'un précédent : viện tiền lệ.

Argument : lý lẽ, luận pháp, luận điệu.

Tirer argument d'un fait : bằng vào một việc mà lập luận, dẫn chứng một việc.

A court d'argument : hết lẽ, hết chối cãi, cùng lý.

Argument ad absurdo : biện lý luận pháp.

Argument a contrario : phản đối luận pháp, nghịch biện, nghịch thuyết.

Argument par analogie : loại lý luận pháp.

Argument déductif : diễn dịch luận pháp.

Argument à fortiori : tăng cường luận pháp.

Argument ad hominem : luận pháp phản ứng đối thủ, luận điệu phản ứng.

Argumentation : sự lập luận, biện luận; luận pháp.

Argumentation vigoureuse : sự hùng biện.

Argumenter : lý luận, lập luận, biện luận, biện bác, thuyết lý biện thuyết.

Aristocratie : quý phái, quý tộc chế độ; quý tộc chính.

Aristocratique : thuộc quý phái. Régime aristocratique : quý tộc chính thể; chế độ quý tộc.

Armature : cốt, khung cốt; thiết cốt.

Armature d'une construction : cốt cách, khung cốt một kiến trúc.

Arme : quân khí, vũ khí; binh khí, khí giới, nhưng khí.

Détention d'armes prohibées : tội tàng trữ khí giới quốc cấm.

- Armée secrète : khí giới bí mật, âm-khi.
- Armée meurtrière : khí giới giết người ; vũ khí lệ hại.
- Armée de guerre : vũ khí, binh khí ; chiến cụ.
- Armée à feu : hỏa khí, súng.
- Armée de chasse : súng săn.
- Armée : quân đội, binh đội.
- Armée de terre : lục quân.
- Armée navale : hải quân.
- Armée de l'air : không quân.
- Armée permanente : quân đội thường trực.
- Armée de réserve : quân đội dự bị, bị biến, dự bị ban.
- Armée active : quân đội tại ngũ, dưới cờ, thường bị quân.
- Armée expéditionnaire : quân đội viễn chinh.
- Armée nationale : quốc quân, quân đội quốc gia.
- Armée de volontaires : đạo quân nghĩa binh, tình nguyện.
- Armée de secours : quân tiếp ứng, tiếp viện, cứu viện.
- Armée de choc : đạo quân xung phong.
- Corps d'armée : quân đoàn.
- Armement : vũ trang, quân khí, binh khí, hung khí, chiến bị, quân bị.
- Limitation des armements : sự tài chế binh bị, tài giảm binh bị.
- Armistice : sự hưu chiến, túc binh, đình chiến, miễn chiến.
- Arpentage : sự trắc lượng.
- Arpenteur : người đạc điền, viên đạc điền, trắc lượng viên.
- Arracher : nhổ bỏ, nhổ lên, đoạt thủ.
- Arracher les aveux : câu cụ, cưỡng thủ, bắt thủ.
- Aveu arraché : phải cưỡng thủ, sự thủ tội bắt buộc.
- Arrangement : sự dàn xếp, trang chai, chính lý, thu xếp, chước liệu, chước lượng.
- Arrangement à l'amiable : sự dàn xếp ôn hòa.
- Arranger : dàn xếp, trang chai, chính lý, chước liệu, chước lượng, thu xếp, khu xử, bố trí, khuôn xếp, liệu lý.
- Arranger une affaire : lý sự ; thu xếp một việc.
- Arrrages : tiền vĩ khiếm.
- Arrrages des rentes perpétuelles : tiền vĩ khiếm của vô hạn niên kim.
- Arrrages des rentes viagères : tiền vĩ khiếm của chung thân niên kim.
- Arrrages des pensions : Tiền vĩ khiếm hưu bổng, tuất kim, ăn kim.
- Arrestation : sự tước nã, bộ tước, bắt giữ, câu lưu, câu cầm.

- Arrestation arbitraire : sự bắt giam vô lý, sự tước nã chuyên chế.
- Arrestation illégale : sự bắt trái phép.
- Ordre d'arrestation : lệnh bắt giam, tước nã.
- Etre en état d'arrestation : bị bắt giam, bị tước nã.
- Arrêt de sự bắt giam, câu lưu, tước nã — sai áp, phán nghị (của tòa thượng thẩm, tòa pháp án, tham chính viện, tòa đại hình) án-văn, điều phán nghị, tham định, đình chỉ (xem Réclusion) sự kết định, quyết định, nghị quyết sự cầm cố.
- Maison d'arrêt : nhà giam, ngục thất ; giam thất.
- Mandat d'arrêt : tước nã, tước bắt, câu phiếu, tước thu giam.
- Arrêt de biens : sai áp tài sản.
- Saisie d'arrêt : sai áp chế chỉ, sai áp triết chỉ.
- Arrêt sur les marchandises : sai áp hóa vật, sai áp thương phẩm.
- Arrêt sur les appointements : sai áp lương bổng.
- Droits d'arrêt : thuế bến tàu, thuế đình thuyền.
- Etre aux arrêts : bị phạt giam, cầm tác.
- Arrêt simple : khinh cầm.
- Arrêt de forteresse : cầm cố.
- Arrêt de l'instance : thói kiện, đình chỉ việc kiện.
- Arrêt de la cour d'appel : phán nghị tòa Thượng thẩm.
- Arrêt de la cour de cassation : phán nghị tòa pháp án.
- Arrêt des Chambres réunies : Liên-hiệp-phòng phán quyết.
- Arrêt d'admission : Thượng-thẩm thụ lý phán quyết.
- Arrêt de réformation : canh-chiêu phán-quyết.
- Arrêt de rejet : Bác-khước phán quyết, bác án phán quyết.
- Arrêt confirmatif : xác nhận phán-quyết, y-án phán quyết.
- Arrêt de mort : tử hình phán quyết, án tử hình.
- Arrêté : nghị định.
- Arrêté de nomination : nghị định bổ nhiệm, bổ dụng.
- Arrêté de compte : sự quyết toán chung toán ngân khoản, khóa sổ, khóa trương.
- Arrêter : bắt giam, câu lưu, ngăn lại, đình, hạn ngữ, hạn chỉ, trở chỉ, quyết định, qui định, đoán định, Kết định, kết toán, khóa sổ.
- Arrêter un criminel : nã tước phạm nhân, tội phạm.
- Arrêter un prix : định giá.
- Arrêter l'action publique : trở chỉ công tố quyền.
- Arrêter un plan : định kế hoạch.
- Arrêter un compte : quyết toán, chung toán ngân khoản.
- Arrêter un registre : kết sổ, kết bạ, khóa sổ.
- Idée arrêtée : định kiến.
- Article arrêté : thành khoản.
- Intention arrêtée : quyết ý, cố ý.

Arrêté à la somme de : chung
toán thành tiền là.

Arrhes : tiền đặt, định hóa, tiền
kỳ cược, tiền bảo chứng, bảo
chứng kim.

Donner des arrhes : đặt tiền trước,
đặt tiền kỳ cược.

Arrière : chậm trễ, chưa trả,
thiếu nợ.

Coûts en arrière : tiền góp
chậm lại, còn thiếu.

Paiement arriéré : sự trả tiền quá
hạn.

Récouvrer les impôts arriérés :
truy thu, truy thu thuế thiếu.

Peuple arriéré : dân tộc lạc hậu,
hậu tiến, bán khai.

Arrière : đằng lái, đằng sau, hậu
diện.

Arrière grands parents : tằng, tổ.

Arrière petit-fils ; petite-fille :
chắt, tằng lớn.

Arrière-pensée : thâm ý, ẩn ý.

Arriver : đến, tới, tiếp nhận.

Arriver à terme : đến hạn, đáo
hạn.

Arrivée : sự, lúc đến, tới, tiếp nhận.

Arrivé le... : tiếp nhận ngày. ...

Registre d'arrivée ; số tiếp nhận
công văn, thư từ.

Arroger (s') : lạm dụng, lạm chiếm
lấy, thiên thủ, tiếm việt.

S'arroger le droit de : đoạt
quyền, thiên thủ quyền.

S'arroger des pouvoirs excessifs :
lạm dụng quyền hành, chiếm
đoạt cực quyền.

Arrondissement : quận, khu.

Conseil d'arrondissement : hội
đồng hàng quận.

Scrutin d'arrondissement : khu
hạt, quận hạt đầu phiếu.

Arsenal : xưởng đóng tàu, kho
công binh, kho binh khí, công-
binh-xưởng, chế tạo cụ.

Art : nghệ thuật, mỹ nghệ.

Art de la médecine : y thuật.

Arts mineurs : tế công mỹ thuật.

Arts majeurs : đại công mỹ thuật.

Arts libéraux ; tự do nghệ thuật.

Lettres et arts : văn nghệ và
mỹ thuật.

Art militaire : võ nghệ.

Article : điều khoản, tiết sản phẩm.

Article unique : điều khoản
đơn nhất.

Article à par : khoản riêng.

Vote par article : biểu quyết từng
khoản một, án khoản biểu
quyết.

Article accessoire : phụ tắc tế-tiết,
phụ tiết, điều phụ, khoản phụ.

Article important : yêu khoản,
yêu mục.

Article de loi : điều luật, pháp
điều.

Article de fond : bài xã thuyết,
xã luận.

Article de journal : bài báo.

Article du livre journal : hành
khoản ở sổ nhật ký (kế toán).

Article de commerce : thương
phẩm.

Article d'exportation : hàng xuất
cảng, xuất cảng hóa vật.

Article de contre partie ; hành
khoản nghịch tự (hành khoản
đề sửa chữa những sự sai
nhầm ở sổ nhật ký)

Exposer par article : điều liệt.

Passer les articles : hành tự, viết
hành khoản (kế toán).

Articuler : dẫn ra, viện dẫn, giảng
rõ.

Articuler un argument : viện
một lẽ, giảng rõ một luận
chứng.

Artificiel : nhân tạo, nhân công,
nhân vi.

Sélection artificielle : nhân vi đào
thải, nhân vi tuyển trạch.

Artillerie : pháo binh,

Pièce d'artillerie : đại pháo (đọc
sai là đại bác).

Artillerie de campagne : dã pháo.

Artillerie lourde : trọng pháo.

Artillerie légère : khinh pháo.

Artillerie de marine : thủy pháo.

Tir d'artillerie : nã pháo.

Artillerie côtière : diện ngạn
trọng pháo.

Artisan ; người thợ, nhà tiểu công
nghệ, người chủ động, người
phái khởi.

Artisanat : tiểu công nghệ.

Artiste : nghệ sĩ, nhà mỹ thuật.

Ascendants : ông bà cha mẹ, lên
nhân, tôn thuộc, tổ phụ, tổ mẫu.

Ascendants en ligne directe :
người tôn thuộc trực hệ.

Ascendants en ligne collatérale :
người tôn thuộc bàng hệ.

Ascendants et ancêtres : gia tiên.

Asile : nơi nương náu, nương tựa.

Donner asile à : cho ở nhờ,
chứa chấp.

Asile des indigents, des men-
diants : viện tế bần.

Asile de nuit : dạ lưu viện.

Asile d'aliénés : nhà thương
điên.

Asile ouvrier : dưỡng tế viện.

Asile des vieillards : dưỡng lão
đường, dưỡng lão viện.

Asile des incurables : phế - tật
dưỡng đường.

Salle d'asile : đặc ân đường.

Droit d'asile : tị án quyền, tị hộ
quyền.

Aspect : phương diện, cảnh tượng,
hình trạng, trạng thái, quang
cảnh, cảnh trí.

Aspect réel : chân tướng.

Aspect général : phương diện
chung, toàn diện, đại cục.

Aspect extérieur : hình tượng,
ngoại mạo, ngoại quan, hình
ngoại.

Sous tous les aspects : về tất cả
các phương diện, về mọi
phương diện.

Asphyxie : nghẹt thở, khí quyết.

Mort par asphyxie : chết ngạt.

Asphyxie économique : kinh tế
bị nghẹt, ngạt thở.

Aspirant : chuẩn-uy, hậu tuyền sĩ
quan.

Aspiration : nguyện vọng, chí
nguyện.

Aspiration du peuple : dân vọng,
dân nguyện.

Aspiration nationale : nguyện
vọng quốc gia.

- Assainissement : sự trừ độc, sự tẩy-
uế, sự làm cho lành.
- Assassinat : sự ám sát, hành thích,
muru sát.
- Assaut : sự xung phong.
- Char d'assaut : xung trận xa
- Assemblée : hội đồng, hội nghị,
sự hội họp, buổi họp.
- Assemblée nationale : Quốc-dân
đại hội, quốc hội.
- Assemblée constituante : Hiến
pháp hội nghị.
- Assemblée constitutive : sáng lập
hội nghị.
- Assemblée consultative : hội
nghị tư vấn, hội đồng tư vấn.
- Assemblée fédérale : liên-bang
hội nghị, hội nghị liên bang.
- Assemblée délibérative : Hội đồng
quyết nghị, hội đồng nghị sự
- Assemblée générale : đại hội
đồng, lũng hội.
- Assemblée inaugurale : buổi họp
khai mạc.
- Assemblée ordinaire : hội nghị
định kỳ hội đồng họp thường.
- Assemblée extraordinaire : hội
đồng bất thường.
- Assemblée plénière : đại hội
đồng.
- Toute l'assemblée : toàn thể hội
đồng.
- Assemblée de famille : hội đồng
gia tộc.
- Assemblée législative : lập pháp
hội nghị.
- Assemblée des actionnaires : cổ-
đồng hội nghị.
- Assister à une assemblée : đến
dự hội nghị, xuất tịch.
- S'assembler : tụ họp, tụ hội.
- Assentiment : sự bằng lòng, ưng
thuận, chuẩn y.
- Donner son assentiment : bằng
lòng, ưng thuận, biểu đồng
tinh, chuẩn y.
- Asseoir : đặt, lập, qui định.
- Asseoir un impôt sur : qui định
thuế ngạch theo...; qui định
lấy . làm cơ bản thuế khóa.
- Assermenté : có tuyên thệ, đoan thệ.
- Interprète assermenté : thông
ngôn có tuyên thệ, đoan thệ.
- Assermenter : bắt tuyên thệ, đoan
thệ.
- Assermenter un témoin : bắt một
người làm chứng tuyên thệ.
- Asseur : bồi thẩm, phụ thẩm,
hội thẩm phụ tá.
- Assiette : cơ sở cơ bản.
- Assiette de la politique : cơ sở
chính trị.
- Assiette de l'impôt : cơ sở thuế
khóa, căn bản thuế khóa.
- Assigner : chỉ định, quy định, dành
riêng, đòi ra tòa, thừa kiện.
- Assigner en justice : thừa kiện,
đề tố.
- Assigner quelqu'un devant le
tribunal : thừa kiện ai.
- Assigner un fonds à un
paiement : dành riêng một
món tiền để trả.

- Assimiler : đồng hóa, coi như, cho
đồng hạng với, được ngang
như, đồng hạng với.
- Assimiler de force : cưỡng hóa.
- Assis. : — ngồi.
- Voter par assis et levé : biểu quyết
bằng cách ngồi và đứng.
- Assises :
- Cour d'assises : Tòa đại hình.
- Tenir ses assises (Tribunal) :
họp phiên đại hình.
- Assistance : sự, cuộc cứu tế, phù trợ,
giúp đỡ, bảo trợ, tư trợ, tư cấp,
trợ dưỡng chu tế, dự hội, cử
tọa ; những người cử tọa.
- Assistance publique : cứu tế, công
tế.
- Assistance médicale : y tế.
- Assistance judiciaire : tư pháp
bảo trợ.
- Devoir d'assistance : nhiệm vụ trợ
dưỡng, phụ dưỡng, cấp dưỡng.
- Assistance mutuelle : sự tương tế.
- Assistance aux parents : sự phụng
dưỡng cha mẹ.
- Aide, secours et assistance : sự
phụ trợ, cứu mang ;
- Association d'aide mutuelle et
d'assistance sociale A. D. A.
M. A. S. : hội tương tế cứu tế.
- Droit d'assistance à une assem-
blée : quyền dự hội đồng.
- Assistance nombreuse : cử tọa,
hội đồng đa số.
- Toute l'assistance : mãn tọa, toàn
số cử tọa.
- Assistance d'un avocat : sự biện
hộ của luật sư.
- Assister : giúp đỡ, phụ trợ, phù
trợ, dự hội, bồi tọa, tọa thi,
biện hộ, chứng kiến.
- Assister une personne : phụ trợ
người nào.
- Assister un prévenu : biện hộ
cho bị can.
- Assisté de maître X... : có luật
sư X... biện hộ.
- Assister à une assemblée : dự
hội nghị, xuất tịch.
- Assister à une séance : dự buổi
họp.
- Association : hội, hội xã, tập hội,
hiệp hội, sự hội họp, tập hội,
kết xã.
- Liberté d'association : tự do kết
xã, tự do lập hội.
- Association reconnue d'utilité
publique : hội được công nhận
có ích chung, có công ích.
- Politique d'association : chính
sách liên hiệp.
- Association de bienfaisance : hội
từ thiện, hội thiện.
- Association d'utilité publique :
công ích hội, hội công ích.
- Association lucrative : doanh lợi
hội xã.
- Association agricole : nông dân
hiệp hội.
- Association syndicale : đồng
nghịệp tổ họp, nghiệp đoàn.
- Contrat d'association : hiệp hội
khế ước.
- Association en participation :
họp tư công ti ; công ti họp vốn.
- Association illicite : tập hội trái
phép.

- Association de malfaiteurs : *đoàn vô lại, phường bít lương, ác đồ, ác đảng.*
- Délit d'association de malfaiteurs : *tội tập hội du đảng, tội hợp ác đảng; tội kết đảng bít lương.*
- Par association d'idées : *liên tưởng.*
- S'associer : *kết đoàn, kết xã, liên kết.*
- Associé : *liên kết, người vào hội, hội viên, cớ đồng.*
- Etat associé : *nước liên kết.*
- Assolement : *sự luận chủng.*
- Assujettir : *khuất phục, bắt phải chịu.*
- Assujettir à l'impôt : *bắt phải chịu thuế.*
- Assujettir un peuple : *khuất phục một dân tộc, thống trị.*
- Fonds assujetti à la servitude : *đất phải chịu địa dĩnh.*
- Assumer : *cáng đáng, đảm nhiệm, đảm nhận, đảm đương, đảm lĩnh.*
- Assumer une charge : *đốc trách, đảm nhiệm một chức vụ.*
- Assumer une lourde responsabilité : *đảm nhiệm, đảm đương trọng trách.*
- Assurance : *sự bảo hiểm, bảo chứng.*
- Assurance contre... sự bảo hiểm chống...
- Compagnie d'assurance : *bảo hiểm công ty, công ty bảo hiểm.*
- Police d'assurance : *bảo hiểm chứng thư, kế ước bảo hiểm.*
- Prime d'assurance : *tiền đóng bảo hiểm.*
- Assurance sur la vie : *bảo hiểm nhân thọ, sinh mệnh bảo hiểm.*
- Assurance aérienne : *hàng không bảo hiểm.*
- Assurance contre tiers : *sự bảo hiểm cho người thứ ba.*
- Assurance contre l'incendie : *sự bảo hiểm hỏa tai.*
- Assurance contre les accidents : *sự bảo hiểm tai-nạn.*
- Assurance contre tous risques : *sự bảo hiểm mọi rủi ro.*
- Assurance ouvrière : *bảo hiểm lao công.*
- Assurance sociale : *bảo hiểm xã hội.*
- Assurance viagère : *chung thân sinh mệnh bảo hiểm, bảo hiểm chung thân.*
- Assurance temporaire : *định kỳ bảo hiểm, bảo hiểm kỳ hạn.*
- Assurance maritime : *hải thương bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải, thủy thương bảo hiểm, bảo hiểm hải hoạn.*
- Assurance à prime fixe : *định nghiệp bảo hiểm, định kim bảo hiểm.*
- Assurance mutuelle : *hỗ tương bảo hiểm.*
- Assurance contre les pertes matérielles : *tổn hại bảo hiểm.*
- Assurance en temps de guerre : *chiến thời bảo hiểm.*
- Courtier d'assurances : *người kinh kỹ bảo hiểm, người giới thiệu bảo hiểm.*

- Assuré : *được bảo hiểm, người được bảo hiểm.*
- Assurer : *thực thi, thi hành, làm cho chắc cho bền, bảo hiểm, bảo chứng, xác định.*
- Assurer l'exécution : *thi hành, đảm nhiệm thi hành.*
- Assurer la subsistance : *cấp dưỡng.*
- Astreinte : *quá đãi kim, tiền phạt để quá hạn trả nợ.*
- Astuce : *biên thuật, mưu kế, trá ngụy.*
- Atavisme : *di truyền tính, tính di truyền.*
- Atelier : *xưởng, công trường.*
- Chef d'atelier : *cai xưởng.*
- Atermoiement : *sự khất nợ, sự xin gia hạn, sự diên hoãn, sự triển kỳ.*
- Atmosphère : *không khí, không trung.*
- Atmosphère de concorde : *hòa khí.*
- Attache : *chiếu hội.*
- Pour attache : *để chiếu hội.*
- Attaché : *tùy viên, thăm lý.*
- Attaché d'ambassade : *tùy viên đại sứ.*
- Attaché au Parquet : *tùy viên công tố viên.*
- Attaché militaire : *lục quân tùy viên.*
- Attaché naval : *hải quân tùy viên.*
- Attaché commercial : *thương vụ tùy viên.*
- Attaché de cabinet : *thăm lý văn phòng, tham-chính văn phòng.*
- Attachement : *sự, tình luyến ái.*
- Feuille d'attachement : *phụ chỉ.*
- Attacher (s') à : *lưu ý, chú trọng.*
- S'attacher à l'apparence : *chú trọng bề ngoài, vụ ngoại.*
- Attaquable : *có thể phản kháng.*
- Attaque : *sự công kích.*
- Attaque à l'improviste : *sự tập đột, đột kích.*
- Attaque par derrière : *tập hậu.*
- Attaque générale : *lồng công kích.*
- Attaque violente : *xung kích, sự đánh mạnh.*
- Attaquer : *công kích, phản kháng, đánh.*
- Attaquer en justice : *kiện, cáo tố, kháng tố, kháng lố.*
- Attaquer un jugement : *kháng án.*
- Attaquer un acte : *kiện bác một thư khế, cáo tố một thư khế.*
- Atteint et convaincu de : *can phạm vào tội.*
- Atteinte : *phương ngại, phương hại.*
- Porter atteinte à : *xúc phạm tới, xâm phạm tới, làm tổn thương, thiệt hại tới, phương hại tới.*
- Attenant : *tiếp giáp, liền kề.*
- Attenant de : *giáp với, tiếp cận với.*
- Attendu que : *chiều chi.*
- Attendus d'un jugement : *lý do bản án, chiều tri của bản án.*
- Attentat : *sự gia hại, mưu hại, xâm phạm, phương ngại, xâm hại, xúc phạm.*
- Attentat à la pudeur : *tội ô dâm, tội phạm dâm, phạm trinh tiết, ô liêm sỉ.*

- Attentat à l'ordre : sự *phương ngại trị an*, sự *phá rối trật tự*.
- Attentat aux mœurs : sự *bại hoại phong hóa*.
- Attentat à la sûreté intérieure de l'Etat : *tội quấy rối trị an, tội gây biến trong nước, tội quấy rối cuộc nội trị*.
- Attentat à la sûreté extérieure de l'Etat : *tội quấy rối trị an đối ngoại, tội mưu ngoại hoạn, ngoại xâm*.
- Attentatoire : *thuộc về mưu hại, phương hại, phương ngại*.
- Mesure attentatoire à... : *phương lược xúc phạm đến*.
- Acte attentatoire à : *hành vi phương ngại đến*.
- Attenter à : *xâm phạm đến*.
- Attenter à la vie : *xâm phạm đến tính mạng, mưu hại tính mạng*.
- Attention : *chú ý, lưu ý, chuyên tâm*.
- Attentiste : *cục ngoại bàng quan, tự thủ bàng quan, theo chính sách diên hoãn*.
- Atténuant : *có tính cách giảm khinh, giảm hình*.
- Circonstances atténuantes : *tình trạng giảm hình, tình trạng khinh giảm*.
- Excuses atténuantes : *giảm khinh hạ thứ*.
- Atténuation : *sự giảm khinh, giảm bớt*.
- Atténuation de peine : *sự giảm hình*.
- Atténuation et aggravation de peine : *gia giảm lệ, sự khinh giảm và gia trọng*.
- Atténuation de dépenses : *sự giảm chi, tiết phí*.
- Atterrissement : *bãi phủ sa, đất bồi*.
- Attestation : *sự chứng nhận, chứng minh, nhận thực, chứng thực, giấy chứng nhận, nhận thực, chứng minh, chứng minh thư, chứng thư*.
- Attester : *chứng nhận, nhận thực, chứng thực*.
- Attitude : *thái độ, cử chỉ*.
- Attirer : *hút vào, kéo vào, hấp dẫn*.
- Attirer l'attention sur : *làm chú ý đến*.
- Attirer quelqu'un : *dụ ai, hấp dẫn ai, dụ dẫn ai*.
- Attraction : *dẫn lực, sự hấp dẫn*.
- Force d'attraction : *hấp lực, nhiếp lực, dẫn lực*.
- Attribuer : *cấp, phát, giao, chỉ định, qui vào, qui định, qui phụ*.
- Attribuer une charge : *phân phó, giao một chức vụ*.
- Attributif : *chỉ định, thuộc về, qui phụ về*.
- Acte attributif de propriété : *hành vi chỉ định quyền sở hữu*.
- Acte attributif de compétence : *hành vi chỉ định thẩm quyền*.
- Attribution : *sự cấp phát, chỉ định, qui định, qui phụ — quyền hạn, nhiệm vụ, chức vụ, chức quyền, chức chưởng, chức phận, phận vị, phận sự, đặc quyền, sự quyền, quyền phép, phân cấp, phân phó*.